



SỐ 166

tuyển tập : tiểu luận, truyện dịch
đoản văn, thơ, kịch, bút ký...

khởi đăng : **THƯƠNG NHỚ MƯỜI
HAI**, bút ký mới nhất của Vũ Bằng



**IRWIN SHAW * NHÃ ĐIỂN * BÌNH NGUYÊN LỘC
NGUYỄN TÂM THANH * VŨ HOÀNG CHƯƠNG * PHAN
DU * KIM TUẤN * THANH TÂM TUYẾN * TRẦN
TUẤN KIẾT * NHẤT ANH * BỬU Ý * NGUYỄN
ĐÌNH TOÀN * HOÀNG NGỌC CHÂU * THƯ TRUNG**

**tập san VĂN
số 166**

Tuyển tập thơ văn



Paris * 01-01-2026

Bìa : "MÙA THU THÀNH PHỐ"
Tranh : NGUYỄN TRUNG
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 166

Tuyển tập thơ văn

Tập san Văn * Năm thứ bảy
Số 166 ra ngày 05-11-1970

Tập san Văn học Nghệ thuật
Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng
Năm thứ bảy / số 166 /
Ngày 05-11-1970



Tuyển tập thơ văn đọc trong số này :

- 1. Bình Nguyên Lộc** **12**
Nghĩa của danh xưng “Nông nại
Đại phố”, tiểu luận
- 2. Nguyễn Tâm Thanh** **31**
Cù Lao Phố; trung tâm thương mại
xứ Đàng Trong, tiểu luận
- 3. Irwin Shaw** **52**

- 10. Hoàng Ngọc Châu** **216**
Hồn thu bạc, thơ
- 11. Vũ Bằng** **219**
Thương nhớ mười hai, bút ký
- 12. Bửu Ý** **238**
Sương hồng và tuyết địa hai màn,
kịch
- 13. Nguyễn Đình Toàn** **267**
Tro than, truyện dài (tiếp theo)
- 14. Tòa soạn VĂN** **298**
Giải đáp thắc mắc
- 15. Thư Trung** **308**
và các bạn – Tin văn văn

BÌA : “MÙA THU THÀNH PHỐ” –
TRANH : NGUYỄN TRUNG



Tòa soạn và Trị sự : 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số
64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vương (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. : 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.



TRANH KHÔNG LỜI CỦA ALSE,
TRÍCH TRONG
“LA REVUE DE POCHE” SỐ 2,
THÁNG 3-1965

Bình Nguyên Lộc

Nghĩa của danh xưng “Nông nại Đại phố”

Từ nhiều năm rồi, đã có nhiều học giả thử tìm hiểu nghĩa của danh xưng *Nông-nại Đại-phố*, và dưới đây là một quan niệm mới lạ nhứt mà chúng tôi xin trình bày.

Trước hết, nên tìm xem ai xây cất thành phố đó thật sự và nghĩa đen của nó là gì.

Nông-nại chỉ là phiên âm *Đồng-nai*, điều này thì đã chắc trăm phần trăm rồi. Còn *Đại-phố* ? Không phải là thành phố lớn đâu vì chữ *Phố*, ở đây, viết với bộ *Thủy*, chứ không phải với bộ *Kim*. *Phố* bộ *Thủy* có hai nghĩa : 1) Một con sông nhỏ ; 2) Một bờ nước. Theo đó thì nghĩa thứ nhứt, không có nghĩa gì hết. Một con sông nhỏ mà *Đại* thì vô lý quá đi. Nghĩa thứ hai là : bờ nước quan trọng, thì có nghĩa, nhưng không ổn bởi thành phố ấy xây cất trên một hòn đảo tương đối nhỏ (ba làng) giữa sông *Đồng Nai*, chứ không phải xây cất dựa sông *Đồng Nai* mà tự xưng là bờ nước. Luôn luôn bên sông mới tự thấy mình là bờ, còn đảo thì không tự thấy như vậy.

Dĩ nhiên người ra lệnh xây cất thành phố này là tướng Trần Thắng Tài, hiệu là Trần Thượng Xuyên, nay còn đền thờ ở thành phố Biên Hòa và phần mộ có lẽ là một ngôi cổ mộ đồ sộ và vô danh mà trước chiến tranh, chúng tôi thấy tại Bắc làng Tân Uyên, cách đền thờ một ngày đường nước trên sông Đồng Nai. Nhưng những bàn tay xây cất là bàn tay của ai ? Người ta cũng trả lời dễ dàng câu hỏi trên đây : đó là đám lính thợ trong khối lưu vong nhà Minh định cư ở Biên Hòa. Khối này gồm có người Phước Kiến, người Triều Châu, người Quảng Đông và người Hẹ.

Theo nhà bác học Trung Hoa La Hương Lâm thì người Hẹ tức Khách-gia, tức Hakka, vốn là người

nước Ba và nước Thục di cư xuống nước Tây-âu, khi bị tổ tiên của Tần Thỉ Hoàng diệt quốc...

Theo các nhà khảo cổ Tây phương thì dân của nước Ba, nước Thục, nước Tây-âu, đều thuộc chủng Thái, và riêng nước Thục thì đã văn minh rồi vào thời họ bị diệt quốc. Họ đã giỏi công nghệ dệt lụa, tạc đá, còn công nghệ sơn mài thì hình như là họ phát minh chứ không phải Trung Hoa. Người Hẹ ở Biên Hòa đã mở công nghệ tạc đá tại núi Bửu Long cách thành phố Biên Hòa lối 3 cây số, công nghệ này tới năm 1965 vẫn còn phồn thịnh, và cũng vẫn nằm trong tay người Hẹ.

Theo *Gia Định Thông chí* của

Trịnh Hoài Đức thì thành phố *Nông-nại Đại-phố* xây cất bằng đá chớ không phải bằng gạch, và đường phố cũng được lót đá lớn tảng. Ta có thể kết luận rằng chính đám lính Trung Hoa gốc Ba-thục đã xây cất thành phố này vì ba nhóm Phước Kiến, Triều Châu và Quảng Đông, không thạo nghề tạc đá.

Dưới đây là một lối giải thích của một nhà trí thức Trung Hoa ở Chợ Lớn mà chúng tôi không nêu tên ra, vì ông ấy không bảo đảm cho giải thích của ông, nhưng chúng tôi sẽ xác nhận là của ông, khi nào ông nhìn nhận. Theo nhà trí thức đó (ông ấy không phải là người Họ) thì khi di cư xuống Tây-âu, năm 317 trước Tây-lịch kỷ-nguyên thì người Thục tỏ ra tài

giỏi vô cùng, bởi đã bảo họ đã văn minh rồi kia mà. Họ nắm cả then chốt thương mại và hành chánh ở đó (có lẽ cả đến ngày nay nữa, bằng chứng là hiện nay người Hẹ là nhóm Trung Hoa tài giỏi nhất ở Chợ Lớn). Sau, nước Tây-âu bị Tần Thỉ Hoàng diệt và dân Tây-âu bị đồng hóa, biến thành người Quảng Đông, dân Thục bị đồng hóa biến thành Hẹ tức Khách-gia, và họ cứ tiếp tục nắm then chốt mãi trên bước đường diệt chủng đó. (Dân Nam-kỳ gọi họ là Hẹ vì người Quảng Đông đọc Khách-gia là Hẹ-cá, Pháp biến thành Hakka, Nam-kỳ biến thành Hẹ). Họ ở Quảng Tây và Quảng Đông với tư cách là Khách-gia, nhưng thật sự là chủ, vì một kẻ kia mà sử Tàu gọi là con vua Thục đã đẩy binh Tây-âu để

cướp nước Văn-lang của vua Hùng Vương. Tại Quảng Đông, người Hẹ đã lập ra một thành phố vô cùng quan trọng vào thuở ấy, lấy tên là Đại-phố. Ở đây, Đại-phố có nghĩa là bờ nước quan trọng vì thành Đại-phố ấy được xây cất trên bờ sông Tây-giang trong tỉnh Quảng Đông. Đó là thành phố thương mại đầu tiên ở đó, còn Phiên Ngung chỉ là thành phố hành chánh mà thôi. Chắc chắn là bọn lính xây cất *Đồng Nai Đại-phố* đã tha thiết xin với Trần Thắng Tài lấy tên cũ để đặt cho thành phố mới, hầu kỷ niệm công lao của dân Đại-phố bên Tàu, và Trần Thắng Tài vốn là người phóng khoáng, không có lý do để từ chối ân huệ đó. Nôm-nại Đại-phố, như vậy có nghĩa là thành phố *Đại phố ở Quảng Đông được dời sang*

*bờ sông Đồng Nai. Kia là Tây-giang
Đại-phố, đây là Nông-nại Đại-phố.*

Giải thích trên đây xem ra rất ổn, vì cái thành Đại-phố bên Tàu vẫn còn tồn tại tới ngày nay, duy chỉ còn là một thành phố quá nhỏ sánh với Ngũ dương Thành được xây cất về sau. Năm họ di cư vào Biên Hòa thì tự nhiên Tây-giang Đại-phố cũng còn và không đến nỗi tệ như ngày nay.

Ngày nay, *Nông-nại Đại-phố* chỉ còn sót lại có cái tên *Phố* mà thôi. Người mình đặt tên đảo ấy là Cù lao Phố, ở ngoại ô thành phố Biên Hòa.

Như ai cũng biết, Tây Sơn đã triệt hạ thành phố đó và tàn sát Hoa kiều ở đó khoảng năm 1774,

không phải vì kỳ thị chủng tộc, bằng chứng là trong quân đội Tây Sơn có rất đông người Tàu và người Thượng, mà vì một lý do chánh trị. Nguyên Tây Sơn có một tùy tướng người Tàu tên là Lý Tài. Lý Tài có khuynh hướng dựng sự nghiệp cho riêng y với tham vọng lập ra một quốc gia mà y làm vua. Dĩ nhiên Tây Sơn phải coi chừng y, nên y sợ, trốn vào Nam-kỳ và dựa vào sự ủng hộ của Hoa kiều ở *Nông-nại Đại-phố*. Vì thế mà khi vào đánh Nam-kỳ lần thứ nhứt, công việc quan trọng của Tây Sơn không phải là diệt Nguyễn Phúc Ánh, mà là diệt Lý Tài, bởi Nguyễn Phúc Ánh dầu sao cũng là người Việt. Nếu để Lý Tài thắng thì nước ta biến thành một nước Trung Hoa nhỏ theo lối Tân-gia-ba ngày nay.

Lý Tài và đa số dân Hoa kiều ở đó thoát được, chạy xuống lập ra thành phố Đề Ngạn, nay là Chợ Lớn, và lần đánh Nam-kỳ thứ nhì, Tây Sơn cũng đặt trọng tâm vào việc diệt Lý Tài. Cuộc tàn sát Hoa kiều Chợ Lớn thật kinh khủng, nếu tin theo Gia Định Thông chí của Trịnh Hoài Đức. Và quả sau đó thì Lý Tài bị diệt.

*

Về ngôi mộ của Trần Thắng Tài, chúng tôi tìm được những tài liệu sau đây :

Người Hoa-kiều Minh-hương hiện nay quả quyết rằng mộ của Trần Thắng Tài ở làng Tân Uyên.

Làng Tân Uyên là sinh quán của chúng tôi, mà chúng tôi thuộc lòng từ gốc cây ngọn cỏ, nhưng tuyệt nhiên không thấy ngôi cổ mộ nào trong làng, xứng đáng với một vị thủ lãnh quan trọng vào thời đó. Trần Thắng Tài là một nhân vật quan trọng, không riêng đối với lưu vong nhà Minh, mà đối với cả người mình nữa vì ba công nghệ lớn mà ông đã gây cơ sở ở vùng Đồng Nai, nuôi sống hàng vạn thợ thuyền cả đến ngày nay nữa. Đó là công nghệ tạc đá, công nghệ đúc lưỡi cày và công nghệ đồ gốm, cả ba công nghệ đều đáp ứng nhu cầu cho cả Nam-kỳ Lục-tĩnh từ thuở ấy cho đến ngày nay mà quan trọng nhất có lẽ là công nghệ đúc lưỡi cày, mặc dầu công nghệ này nhỏ hơn ba công nghệ khác. Riêng

công nghệ đúc lưỡi cày thì đã lọt hẳn vào tay người mình, chớ hai công nghệ kia đến nay còn ở trong tay họ, công nghệ đồ gốm bị người Phước Kiến và Triều Châu chi phối, còn công nghệ đá thì chuyên môn luôn luôn là người Hẹ.

Nói là ở làng Tân Uyên không có một cổ mộ nào xứng đáng với một nhân vật “ca-líp” [calibre = tầm cỡ.] đó, nhưng chúng tôi nhớ thuở bé có chú ý đến những ngôi mộ cổ và phong cảnh, kiến trúc chung quanh, ở cách chợ Tân Uyên lối 5 cây số, thuộc một làng tên là Tân Hòa. Vì Tân Uyên là huyện lỵ nên những người ở các làng quanh đó đi đâu xa, cũng xưng mình là người Tân Uyên để thiên hạ dễ biết bởi huyện lỵ phải được biết nhiều hơn

là một làng tắm tối. Hơn thế, vào năm 1695, năm Trần Thăng Tài qua đời, chưa chắc đã có làng Tân Hòa, và nơi đó được xem là ngoại ô của Tân Uyên, vào thuở ấy. Còn hỏi sao người chết được chôn cất ở nơi xa thành phố quá như thế thì cũng dễ trả lời. Người Tàu để mộ, luôn luôn theo luật phong thủy, thì phải đi xa mấy ngày đường, họ cũng không ngại công, phương chi hai nơi chỉ cách nhau có một ngày đường nếu đi bằng thuyền trên sông Đồng Nai.

Xin tả phong cảnh đẹp, hợp phong thủy và nhất là kỳ dị khó hiểu của làng Tân Hòa.

Ở thôn quê Việt Nam, ngôi đình là trung tâm quan trọng của đời sống thôn ỏ, mà ngôi đình làng

Tân Hòa lại kiến trúc theo Trung Hoa chứ không phải theo Việt Nam như bao nhiêu ngôi đình khác. Lối kiến trúc của ngôi đình và cảnh vật chung quanh cho chúng tôi cái cảm giác là chúng tôi lạc bước bên Tàu. Ngôi đình này giống hệt một ngôi chùa cổ trong rừng sâu mà ta thấy vẽ trong sách Tàu. Sau đình là rừng và đồi. Trước đình là một ao sen rất lớn, lớn bằng y sân đình. Trước ao sen là con đường làng đưa từ chợ Tân Uyên lên đó, rồi qua con đường là một khu rừng nhỏ chỉ bằng sáu bảy sân đình, sau khu rừng đó là bờ sông sâu của Đồng Nai. Đó là một làng có phong cảnh lý tưởng để mà để mộ vậy, cho đến khu rừng nhỏ dùng làm bình phong cũng không thiếu.

Trong làng có những ngôi mộ đất lớn không thể tưởng tượng được, mặc dầu nông dân ở đó đã ăn gian, cày lấn vào các đồi đất nhân tạo ấy mỗi năm một ít. Người địa phương gọi đó là “Mả Mọi”. Nhưng người Mọi không hề đắp mộ đất lớn bao giờ, riêng người sơn cước Châu Mạ, ở cách đó không xa, lại không hề đắp mộ lớn hay nhỏ gì cả. Lối kiến trúc mộ lớn toàn bằng đất, đắp thành một trái đồi nhỏ là lối Trung-hoa xưa, chớ không phải lối của ta hay của Mọi. Có lẽ sau lưng những trái đồi nhơn tạo ấy, ngày xưa có kiến trúc gạch và trước mặt có mộ bia đá, nhưng vì lâu đời quá, mồ vô chủ bị phá hoại mà người địa phương đã ăn cắp đá và gạch để dùng vào việc khác của họ.

Trong làng lại có dấu vết lò gạch cổ bị bỏ hoang khiến ngày nay, nghe giới Minh-hương Chợ Lớn tiết lộ địa điểm mộ Trần Thắng Tài, chúng tôi nghĩ rằng ngôi đình của làng rất có thể là đền thờ của cái nghĩa địa lớn đó, còn lò gạch chỉ là cơ sở lập ra để chế tạo vật liệu xây đền thờ và xây mộ, rồi bỏ đi không dùng nữa.

Chúng tôi không nhớ đã có mấy ngôi mộ tất cả vì những gì được thấy thuở bé, đã xa lắm rồi, có hơn ba mươi năm đã qua rồi, chỉ biết rằng có nhiều mộ chớ không phải một. Chuyện đó cũng dễ hiểu bởi tướng Trần Thắng Tài hẩn đi lánh thân với cha mẹ, vợ con, và các tướng phụ tá với họ Trần có lẽ cũng được táng ở đó.

Chúng tôi nói rằng hai công nghệ đồ gốm và tạc đá, đến ngày nay vẫn còn ở trong tay người Trung Hoa mà đó là người Tầu đến sau, chứ người nhà Minh, chắc hẳn đã tuyệt tự hết cả rồi. Chính vì sự tuyệt tự đó mà không ai lo nhang khói trong đền thờ và săn sóc mồ mả, người địa phương là người mình, không dính líu đến họ, còn người Minh-hương hiện còn giữ trụ sở Minh Hương đường Đồng Khánh, Chợ Lớn, cũng chỉ là người lớp sau, họ biết vị trí ngôi mộ ấy qua lời truyền khẩu mà không tìm được, nên mộ phải hóa ra vô chủ thật sự. Nếu Viện Khảo cổ khai quật những ngôi mộ đó, chắc hẳn sẽ biết sự thật bằng vào những đồ tùy táng dưới mồ như là áo mả, vật dụng v.v...

Cũng nên tiết lộ thêm vài chi tiết. Vùng đó là biên giới cực Nam của xứ Panduranga xưa, xứ Chăm cuối cùng, chạy dài từ Phan Rang cho tới đó vì dân chúng vùng ấy tìm được vô số tượng Chăm xưa, danh tiếng nhứt là một pho tượng đá lớn hiện được ta thờ trong thành phố Biên Hòa.

Riêng ở Tân Hòa, có chùa Ông Mỗ, trong đó dân thờ tượng Chăm, mình người đầu chim, tức tượng thần Garanda của Chăm. Nhưng không vì thế mà có thể nghĩ rằng đó là cổ mộ Chăm vì người Chăm hỏa táng. Tro hài cốt vẫn được chôn, về sau này, nhưng họ không hề đắp mộ thành đồi con nhơn tạo như người Tàu bao giờ.

Sau 25 năm khói lửa, tang thương chắc đã đi qua đó. Ngôi đình làng, chùa Ông Mỗ hẳn đã ra tro, nhưng những ngôi mộ lớn như trái đồi, phải còn, bởi cả hai bên phe lâm chiến đều không có lý do phá những ngôi mộ đó, nhứt là không đủ sức phá, vì quá tốn công.

BÌNH NGUYỄN LỘC

Nguyễn Tâm Thanh
Cù Lao Phố;
trung tâm thương mại
xứ Đà Nẵng Trong

“Biên Hòa hiện nay còn tên *Cù lao Phố* là nơi ngày trước người Minh-hương từ thời Trần Thượng Xuyên đến định cư mở phố sá buôn bán sầm uất. Ở Nam có tên *Cù lao Phố* (Biên Hòa) cũng như ở Bắc có phố Hiến (Hưng Yên) ở Trung có Hải Phố (Haifo - Quảng Nam) đều

là nơi người ngoại quốc đến lập cuộc thương mại mậu dịch với nội địa”.

Đó là lời của cố giáo sư, thi sĩ Đông Hồ trong bài “Khái quan về tính cách đặc thù của văn học miền Nam” - giảng khóa chứng chỉ văn chương quốc âm (trang 10) cho sinh viên Đại học Văn khoa Sài Gòn, niên khóa 1964-1965.

Qua lời trên, ta thấy cố giáo sư đã đề cập đến Cù lao Phố và đặt địa danh này bên cạnh phố Hiến, Hải phố là hai nơi sinh hoạt thương mại nổi tiếng thời xưa : “Thứ nhứt kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến”.

Phải chăng Cù lao Phố đã một thời vang danh là trung tâm thương mại của xứ Đàng Trong ?

Để đóng góp thêm tài liệu cho lịch sử thương mại nước nhà. Chúng tôi mạo muội trình bày những điều lượm lặt sau đây.

Cù lao Phố

Cù lao Phố là một trong những cù lao nằm trong tỉnh Biên Hòa ngày nay. Sở dĩ có được mỹ danh trên là vì nơi này xưa kia có nhiều phố xá chợ búa đông đảo.

Theo “Gia-định Thông-chí” của Trịnh Hoài Đức (1765-1825) thì Cù-lao Phố còn có tên là Đông-phố và Cù châu vì địa thế nơi này quanh co lồi lõm như hình dạng hoa cù đang giỡn nước (... nhất viết Đông phố, hựu danh Cù châu, dĩ kỳ uyển diện khuất thân hữu như cù hí thủy chi trạng...) Và cũng theo sách trên

thì vị trí Cù-lao Phố nằm cách trấn thành về phía Đông hơn hai dặm, dài hơn 7 dặm, rộng 2/3 dài (... cự trấn đông nhi lý, hứa trường thất lý dư, quảng tam phân chi nhị).

Theo “Đại-Nam Nhất-thống-chí” thì Cù-lao Phố ở địa hạt huyện Phước-chánh, một huyện được vua Gia Long năm thứ 7 (1808) cho đem hai tổng Phước Vinh và Chánh Mỹ sáp nhập lại. Chung quanh cù lao được bao bọc bởi hai con sông là hai ngành của sông Phước Long (tức sông Đồng Nai ngày nay) đó là sông Phước Giang hay Tiền Giang ở phía Nam và sa hà¹ hay Hậu Giang ở phía Bắc. Lòng sông

¹ Sa hà : còn gọi là sông cát vì có nhiều cát ở giữa dòng “nên đầu phía tây có nhiều chỗ cạn, khi nước xuống có thể lội qua được”. (Đại Nam Nhất thống chí - tỉnh Biên Hòa, trang 17)

Tiền về phía Nam, thuộc ấp Bình Kinh, cách trấn thành lối 4 dặm, có cự tích thán thạch, tục gọi là “đá hàng” làm thành một dãy gồ ghề nằm nối nhau như hình những con trâu nước khổng lồ đang trằm mình dưới sông.

Với những đặc điểm kể trên cũng như về vị trí ta thấy Cù-lao Phố quả thật như lời nhận định của tác giả “Gia-định Thông-chí” : Đó là một con kim ngư nằm trấn thủy khẩu của trấn thành và là trụ đá ngăn sóng lớn vậy (... vì trấn thành thủy khẩu chỉ kim ngư át hồng đào chi thị trụ).

Trung tâm thương mại của xứ Đàng Trong

Nhắc đến Cù lao Phố, người

dân Biên hòa thường nghĩ đó chỉ là một làng nhỏ bé nằm giữa dòng Đồng Nai hiền dịu... Nhưng ít ai có thể ngờ được rằng, cồn đất nhỏ này ngày xưa lại là một trung tâm thương mại nổi tiếng nhất của xứ Đàng Trong (miền Nam).

Để hiểu rõ sự kiện trên, không gì bằng ngược dòng lịch sử lối 300 năm về trước tức là phải nói tới sự khai phá Cù lao Phố của nhóm di thần nhà Minh mà Trần Thượng Xuyên là một trong những người có công trong việc này.

Theo lịch sử, Trần Thượng Xuyên còn gọi là Trần Thắng Tài, vốn người Quảng Đông, là một đại thần nhà Minh với chức Tổng binh trấn thủ tam châu Cao, Lô, Liêm.

Vì không đầu phục tân triều nên khi cơ nghiệp nhà Minh đã hoàn toàn rơi vào tay nhà Thanh, ông bèn cùng với phó tướng là Trần An Bình theo chân các tướng sĩ Long môn của họ Trịnh (Trịnh Thành Công) ở Đài Loan là Lễ Thành Trấn, Tổng binh chánh phó : Dương Ngạn Địch và Hoàng Tiến cùng gia quyến với hơn 3.000 binh sĩ vượt sóng ra khơi trên 70 chiến thuyền sang nước ta cập vào các bến Tu Hiền và Đà Nẵng rồi nộp giấy trần tình như sau :

“Chúng tôi đều là thần tử đại Minh, chẳng may gặp cơn quốc biến, thề cùng hết đạo trung trinh. Chỉ vì vận nước Minh triều đã hết, giang sơn xã tắc chẳng còn, sức kiệt thể cùng, khôn từ cứu vãn, quyết

không cúi đầu bím tóc, nô lệ man di, vậy nay vượt bể sang Nam, xin làm thần bộc... vân vân²”.

Nước ta lúc ấy vào triều vua Thái Tôn Hoàng đế (tức chúa Nguyễn Phúc Tần) năm thứ 31 (1679) mùa hạ tháng năm. Sau khi nhận được bản điều trần, nhà vua cho người xem hư thực và trước sự hiện diện hùng hậu của mấy mươi chiến thuyền, nhà vua do dự vì sợ họ bày kế nội ứng, giả hàng rồi cướp phá nước ta nên cho tụ tập đình thần để cùng nhau thương nghị. Các quan đều tâu rằng : “Kẻ kia là người ngoại quốc, ngôn ngữ bất đồng, tính tình phong tục cũng khác, ví bằng thu nhận, điều

2 Theo “Minh hương lược khảo” của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm trong “Văn hóa Á châu”, số 6, 1958, trang 48.

khiến kẻ cũng khó khăn... Nhưng mà xét lại, bọn chúng trong khi cùng quần, dắt dìu nhau sang, xưa nay cứu cấp phó nguy triều đình đâu có hẹp lượng. Hiện nay địa phương Giản-phố, ruộng đất bao la, triều đình chưa đủ nhân công khai thác, chỉ bằng cứ thu nạp, cho chúng vào đó an cư để khai thác nguồn lợi tương lai, thực là một việc làm mà thu được ba kết quả vậy. Thuyết trên Hoàng thượng cho là hợp lý, Ngải bèn triệu cả vô kinh, ban yến khen thưởng và phong quan chức để mỗi người vào khai khẩn mỗi vùng.” (Xem chú thích (2).) Đồng thời nhà vua cũng cho quan Khâm sai Văn Trinh và quan Tướng thần Văn Chiêu đem sắc lệnh vào dụ cho vua Cao Man là Nặc Ông Nộn ở Sài Côn biết để tiện

bề đối đãi cho xứng ngôi bậc.

Thế là Dương Ngạn Địch cùng phó tướng là Hoàng Tiến kéo về Lôi Rạp cắm trại ở hạt Mỹ Tho (Định Tường). Còn Trần Thượng Xuyên cùng với Trần An Bình theo ngả Cần Giờ kéo về đồn trú ở đất Bàn Lân³ thôn Tân Lân, huyện Phước Chánh (thuộc tỉnh Biên Hòa) để lập nghiệp.

Hình như thương mãi là nghề mà tạo hóa đặc biệt ban cho người Trung Hoa. Dù với hai bàn tay trắng, nhưng mỗi lần di cư đến một quốc gia nào, chẳng bao lâu là

3 Có sách cho Bàn Lân là Bến Gỗ nhưng thật ra không chính xác. Địa danh này trong “Đại Nam Nhất thống chí” cũng có ghi rõ mục Thị điểm về chợ Tân Lân như sau : “Chợ Tân Lân ở thôn Tân Lân, huyện Phước Chánh, tục gọi chợ Bàn Lân (hay Bàn Lăn) phố sá trù mật ; xưa Trần Thượng Xuyên đồn trú Bàn Lăn tức là chỗ này.” (Sách kể trên, trang 25).

họ trở thành chủ nhân của những tiệm buôn, những phố sá đồ sộ... Nhìn qua các quốc gia lớn trên thế giới ngày nay, đâu đâu ta cũng đều thấy bóng dáng người Hoa kiêu lên lỏi, nắm giữ một phần nào nguồn lợi kinh tế. Vì vậy, chúng ta không thấy làm lạ khi nhìn về nẻo thương mại của xứ Đàng Trong vào đầu thế kỷ 18 mà đặc biệt ở vùng Cù-lao Phố. Với nhãn quan tinh tế của con nhà vốn giỏi về thương mại, nhóm người Tàu theo Trần Thượng Xuyên vào đất Đồng Nai lúc đầu đã chiếu cố ngay vùng Cù-lao Phố vì nơi này có đường thủy ăn thông ra biển, rất tiện lợi cho việc giao dịch buôn bán... Do đó, chòi cây, tre nứa bị phá đi rồi những nhà cửa, phố sá cũng lần lượt mọc lên đông đảo... chiếm một vị trí khá rộng bên bờ

sông Phước Long (Đồng Nai). Vì Cù-lao Phố thuộc về vùng Đồng Nai và vì có lẽ người Tàu nói tiếng Việt không rành, quen đọc lầm chữ “Đ” ra chữ “N” nên gọi nơi thương mại này là “Nồng Nai” hay “Nông-nại Đại-phố”. (5)

(5) Theo ý chúng tôi thì Nồng-nại được gần với âm Đồng Nai hơn là Nông-nại. Năm Tự Đức thứ 4 (1854) tình thế miền Nam không được yên, Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản được cử vào làm Chánh phó Kinh lược sứ. Ngày hai ông lên đường phó nhậm, vua Tự Đức thân tiễn và ân cần dặn dò bằng một bài thơ ngũ ngôn. Trong đó nhà vua cũng dùng chữ Nồng Nai để chỉ đất Đồng Nai như sau :

Nòng Nại long hưng địa
Tùng lai đức trạch thâm
Mao nghệ giai ngã tử
Bảo chưởng lại khanh tâm
Huyền tùng cầm nan lý
Căn bằng diệp tự thâm
Cam đường ưng phúí phúí
Trường sử hậu nhân ngâm.

Ông Thượng Tân thị dịch là :

Đồng Nai là đất long hưng
Xưa nay đức trạch đượm nhuần
sâu xa

Già trẻ đều con của ta
Giữ gìn êm thấm nhớ mà lòng

người

*Rắn dây đòn gảy khó vui
Gốc sâu lá mới tốt tươi um tùm
Cam đường phơi phơi bóng râm
Khiến người sau có tiếng ngâm lâu
dài*

*Ông Lãng Nhân cũng dịch là :
Đồng Nai vốn đất mở mang,
Xưa nay đức trạch tràn lan một
vùng*

*Trẻ già, con cái nước chung
Giữ gìn trăm cây ở lòng hiền
khanh*

*Rắn dây đòn gẫy khó thành
Gốc sâu lá mới tốt xanh rườm rà*

Cam đường bóng rợp la đà

Để người sau sẽ ngợi ca đức dày.

(“Giai thoại làng nho” toàn tập,
trg. 368-369)

Sách “Đại Nam Nhất thống chí” cũng ghi rõ : “Nông-nại Đại-phố ở địa hạt huyện Phước Chánh, phía tây Châu đại phố. Khi đầu khai thác, Trần Thượng Xuyên chiêu nạp người buôn nước Tàu, xây dựng phố xá, đường xá, nhà ngói vách vôi, lầu quá đôi tầng rực rỡ bên bờ sông, liên lạc năm dặm và phân hoạch ra ba nhai lộ, nhai lớn giữa phố lót đá trắng, nhai ngang lót đá ong, nhai nhỏ lót đá xanh, đường rộng bằng phẳng, người buôn tụ tập đông đúc...” (Sách đã dẫn, trang 25).

Từ đấy trở đi danh từ “Nông-nại đại phổ” bắt đầu lan rộng ra các nước ngoài. Do đó, trừ các thuyền buôn của người Tàu ta còn thấy những tàu của người Hòa Lan, Anh, Nhật Bản, Nam Dương, Bồ Đào Nha xuất hiện ở dòng Phước Giang (sông Đồng Nai) để trao đổi hàng hóa.

Trong “Gia Định Thông chí” Trịnh Hoài Đức tiên sinh có tả cảnh buôn bán tấp nập hồi đó như sau :

“Tùng cổ, dương thuyền đáo lai hạ đỉnh. Ký định tá phổ cư đình, tắc hướng hàng gia địa chủ kê khai thuyền hóa, tài dịch đệ giao quan kỳ hàng. Chủ đỉnh giá bao mãi, thô hảo tương phối, vô hữu lưu trệ. Ừ phản phạm chi nhật vị chi hồi

đường. Yếu dụng mỗ hóa, điệt tu tiên kỳ khai minh chiếu hợp ước đơn, đại vi thâm mãi. Chủ khách, lưỡng trưởng mục thanh sở. Khách nhân chỉ mẫn ca du hí, ký đắc cam thủy, khiết tịnh, hựu vô trùng hà xâm thực thuyền chi hoạn, đãi chí trình kỳ, mẫn tái vinh qui huyền nhi dĩ...”

Tạm dịch là :

“Từ xưa các thuyền buôn ngoại quốc tới nơi này (Cù lao Phố) bỏ neo mượn nhà ở rồi kê khai số hàng trong chuyến ấy cho các hiệu buôn trên đất liền biết. Các hiệu buôn ấy sẽ định giá hàng tốt lẫn xấu rồi bao mua tất cả. Không để một món hàng nào ứ đọng. Đến ngày trở buồm về gọi là “hồi đường” ; chủ thuyền

cần mua món hàng gì, cũng phải làm sẵn hóa đơn đặt hàng trước.. Như thế, chủ khách, trương mục hai bên đều rõ ràng. Khách chỉ đàn ca xướng hát, đã được nước ngọt trong sạch lại không sợ con hà ăn thủng ván thuyền, chờ đến kỳ hẹn chở đầy thuyền hàng trở về mà thôi”.

Lòng người dân bấy giờ đều hướng về việc thương mãi, coi việc buôn bán như là một cái “đạo” để sống :

Đạo nào bằng đạo đi buôn

*Nước chảy trên nguồn gạo chợ
nước sông.*

Một vài cảnh tập nập chen lẫn của ghe cá ghe tôm cũng được nhắc

qua ngôn ngữ của bọn hàng tôm hàng cá :

Mồ cha đưa đón cây bần

Đừng cho ghe cá đậu gần ghe tôm.

Cứ thế cảnh buôn bán một ngày một nhộn nhịp nhất là sau khi Nguyễn Hữu Cảnh vào làm Kinh lược đất Đồng Nai (1698) mộ dân Quảng Bình trở vào khai khẩn đất đai, đặt ra phủ huyện, kiểm soát dân tình thì Cù lao Phố trở thành một trung tâm thương mại của cả xứ dằng trong thời bấy giờ vậy.

NGUYỄN TÂM THANH

Côn Sơn có CHUÔNG CỌP,
điều đó ai nấy đều đã biết.

Nhưng Côn Sơn không phải chỉ
có chuông cọp,

Côn Sơn còn có nhiều truyện lạ
khác.

Hãy tìm đọc trong :

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài

HOÀNG NGỌC HIỂN

do VĂN xuất bản

Độc giả ở nơi không có sách bày bán, có thể gửi bưu phiếu (120 đồng) đề tên ông Nguyễn Đình Vượng, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Cước phí gửi sách (theo lối bảo đảm) sẽ do VĂN trả.

Irwin Shaw

**Những tiếng động trong
thành phố,**

(nhà văn thời danh Hoa Kỳ, Nhã
Diễn dịch)



IRWIN SHAW sinh năm 1913, nguyên quán tại New York. Sự kiện này đáng để chúng ta lưu ý vì ít có nhà văn Hoa Kỳ gốc gác tại Nữ Uớc. Thuở nhỏ, Irwin Shaw đã làm nhiều nghề để kiếm sống như lái xe vận tải, cầu thủ túc cầu nhà nghề, làm công trong một xưởng chế nước hoa, tại một tiệm bán đồ gỗ và trong một tiệm bách hóa. Sau khi tốt nghiệp Đại học Brooklyn, Shaw bắt đầu viết những vở kịch nhỏ cho các chương trình phát thanh nhi đồng. Năm 1936, vở kịch đầu tay của Shaw, *Bury the Dead*, được trình diễn và thành công lớn : Shaw được các nhà phê bình coi như một trong số kịch-tác-gia hiếm hoi có thể làm thức tỉnh nền kịch nghệ Hoa Kỳ lúc đó đang say ngủ triền miên. Sau đó,

Shaw còn viết sáu vở kịch, trong số có hai vở có khuynh hướng chống phát-xít. Shaw còn cho xuất bản ba tập truyện đáng kể là *Sailor of the Bremen* (1939), *Welcome to the City* (1941), và *Act of Faith* (1946). Những đoạn thiên trong ba tập truyện vừa kể phần lớn đã được đăng trong tập san *The New Yorker* — một tập san được giới tri thức Hoa Kỳ ưa chuộng. Năm 1942, Shaw nhập ngũ như một binh nhì và tham dự đệ Nhị Thế chiến tại Âu châu. Rút tĩa những kinh nghiệm của mấy năm chiến trận này, Shaw sáng tác truyện dài đầu tiên của ông: *The Young Lions* (1948).

Trong số những tác giả nổi tiếng viết về cuộc đệ Nhị Thế chiến,

không kể Norman Mailer (xem Văn số 116) là người luôn luôn biện luận chống chiến tranh, thì Irwin Shaw quả là một “anh hùng thầm lặng” nhiều hơn cả.

Đoản thiên dưới đây, nguyên tác nhan đề “Noises in the City”.

Weatherby ngạc nhiên thấy tiệm ăn còn mở cửa khi hăn rẽ ở đại lộ Sáu và đi trên con đường đưa tới nhà hăn ở giữa dãy phố. Tiệm ăn đó tên là The Santa Margherita, chẳng ít thì nhiều mang màu sắc Ý, phảng phất vẻ Pháp. Công việc chính của nó là vào lúc ăn trưa, khoảng 10 giờ 30 đêm

là tiệm đóng cửa. Thật là tiện lợi, và vào những đêm họ lười nấu ăn, hoặc khi hắn có công việc phải làm ở nhà, vợ chồng hắn thường xuống đó ăn cơm tối. Tiệm ăn không đắt, hơn nữa chủ quán, Giovanni lại là chỗ quen thuộc, nên đôi khi tan sở, Weatherby vào đó làm ly rượu, vì rượu ở đó ngon, và không khí ở đó tĩnh mịch, không có máy truyền hình.

Hắn xuýt đi quá tiệm ăn, rồi ngừng lại và quyết định vào đó uống ly úyt-ki. Vợ hắn bảo là nàng sẽ đi xem chớp bóng và sẽ không trở về nhà trước 11 giờ 30, còn hắn thì mệt mỏi, không thấy hứng thú trở về căn nhà vắng ngắt, rót rượu uống một mình.

Lúc đó chỉ có một khách hàng trong tiệm. Người đó ngồi ở quầy rượu nhỏ, ở gần chỗ cửa. Những chiêu đãi viên đã ra về và Giovanni lấy thêm một ly khác và rót rượu bourbon cho người đó. Giovanni ngồi ở cuối quầy rượu, nhưng giữa hắn và người khách còn có hai ghế trống. Giovanni tiến lại chỗ Weatherby và lên tiếng chào, rồi gã lấy ra một cái ly và rót nhiều úýt-ki vào đó mà không đong, rồi gã mở một chai sô-đa và để Weatherby tự mình rót sô-đa vào ly.

Giovanni không có vẻ là người Ý, với khuôn mặt vuông, nghiêm nghị, không cười và cái đầu hoa râu tóc cắt theo kiểu Bức ngày xưa. Gã hỏi :

– Bà nhà mạnh chứ ?

Weatherby trả lời :

– Mạnh, ít nhất là còn mạnh khi tôi nói chuyện bằng điện thoại với nhà tôi lúc 5 giờ chiều. Tôi vừa ở sở về.

Giovanni nói : – Ông làm việc nhiều quá.

– Đúng thế.

Weatherby uống một ngụm uýt-ki thật dài. Hẳn biết ớn nghĩ, không gì bằng uýt ki, và hẳn lấy lòng bàn tay cọ sát một cách thích thú vào cái ly và nói :

– Đêm nay ông đóng cửa muộn nhỉ.

Giovanni nói :

– Đúng vậy. Tôi không vội. Ông muốn uống bao lâu thì uống.

Mặc dầu gã nói với Weatherby nhưng Weatherby có cảm giác là những lời nói đó là cho người khách hàng kia nghe. Người đó đang ngồi, cánh tay tì lên mặt quầy bằng gỗ mun, hai tay cầm cái ly để trước mặt, hơi mỉm cười và ghé nhìn vào đó, giống như nhà tướng số nhìn vào trái cầu pha lê, đang thấy cái gì không rõ rệt, mờ mờ nhưng là tin vui. Người đó dáng thanh thanh, tóc hoa râm, với khuôn mặt ra vẻ người có học, lễ phép. Y phục của ông ta chật nhưng đúng thời trang màu xám sậm, cổ đeo cái nơ có vạch chéo màu xám, và mặc áo sơ-mi trắng. Weatherby thấy chiếc nhẫn cưới ở tay trái. Ông ta không

có vẻ là hạng ngồi uống rượu một mình trong quán vào lúc khuya. Ánh đèn ở quầy rượu đã được che bớt và Weatherby có cảm giác là nếu đèn sáng hơn, hẳn sẽ nhận ra người đó, và chắc người đó là người mà trước đây đã lâu, hẳn đã gặp một hai lần chi đó. Nhưng Nữ Uớc là như vậy. Sau khi bạn sống ở đó khá lâu, có nhiều khuôn mặt bạn cảm thấy quen thuộc nhưng không làm sao nhớ ra là đã quen bao giờ.

Giovanni nói, đứng trước mặt Weatherby .

– Sau chuyện đó, tôi nghĩ là chúng tôi sắp mất ông.

Weatherby nói :

–Ồ, chúng tôi sẽ còn trở lại đây ăn mà.

Giovanni nói :

– Ông biết tôi định nói gì. Ông dự tính dọn về quê ở.

Weatherby nói :

– Vâng có lẽ vậy, nếu chúng tôi kiếm được một chỗ ở tốt, không quá xa thành phố.

Giovanni nói :

– Trẻ con cần phải có không khí trong lành. Để chúng lớn lên ở thành phố thì thật là bất công.

Weatherby nói :

– Đúng vậy.

Dorothy, vợ hần, có mang bảy

tháng. Họ lấy nhau đã được năm năm, và đây là đứa con đầu lòng, điều đó cho hẳn nỗi thích thú vô lý, mọc mọt khi nói về không khí ở miền quê mà con hẳn được thở trong khi lớn lên. “Và rồi dĩ nhiên còn chuyện học của nó nữa”. Không gì vui bằng nói về trẻ con, khi nghĩ là mình có thể có con.

Người khách hàng lên tiếng.

– Ông Weatherby, cho phép tôi được thưa chuyện cùng ông.

Weatherby quay lại phía người đó, một cách hơi miễn cưỡng. Hẳn không ở trạng thái thích nói chuyện với người lạ. Lại nữa, hẳn có cảm giác thoáng qua là Giovanni có vẻ tiếc là người đó đã lên tiếng làm quen trước.

Người đó mỉm cười một cách bồn chồn, và nói :

– Ông không nhớ tôi – Tôi gặp ông tám hay mười năm trước đây. Gặp ở trong... a ! ở trong tiệm của tôi.

Ông ta thốt ra một tiếng the thé mà tiếng đó có thể là tiếng cười bối rối.

– Thật ra, tôi nghĩ ông có đến tiệm tôi hai ba lần. Nếu tôi nhớ đúng thì hình như chúng ta đã có lần toan tính cùng làm ầu. Rồi khi tôi nghe Giovanni nói tên ông, tôi đã không thể không nghe. Tôi tên là... Sidney Godsen.

Khi nói tới tên mình, ông ta ha giọng xuống, như thể những người

danh tiếng đôi khi làm như vậy khi họ không muốn ra điều khoe khoang.

Weatherby liếc nhìn qua quầy rượu, cầu cứu Giovanni, nhưng Giovanni đang lau ly, mắt cúi xuống, ý thức việc không tham dự vào câu chuyện.

–Ồ, thế à ! Weatherby nói một cách mơ hồ.

Godsen nói :

– Tôi có một cửa tiệm ở Đại lộ Ba. Tiệm bán đồ cổ trang trí trong nhà.

Lại tiếng cười nửa vời, dịu nhẹ, the thé :

– Lúc đó đáng lẽ tôi phải lo

dãy nhà ở quá công trường Beekman, và ông đã nói chuyện với một người bạn tôi.

– Phải.

Weatherby nói một cách nồng nhiệt. Hẳn vẫn chưa nhớ ra tên người đó, nhưng hẳn có nhớ chuyện đó. Lúc đó hẳn mới bắt đầu vào nghề, khi hẳn nghĩ hẳn có thể tự mình thử một chuyến, hành nghề kiến trúc sư và hẳn nghe nói có bốn tòa nhà ở khu Tây sẽ được cải biến thành những căn nhỏ một. Có người ở một trong những hãng lớn, hãng đã từ chối nhận công việc đó, đưa ra ý kiến là hẳn nên lại đó xem và giới thiệu với hẳn tên Godsen. Hẳn lò mò nhớ có nói chuyện với Godsen trong khoảng mười năm

hay hai mươi phút, câu chuyện có vẻ lỏng lẻo trong một cửa tiệm có những đèn đồng không được thắp sáng và những cái bàn đóng từ hồi Mỹ lập quốc, cái nọ chồng chất lên cái kia, một cảm giác lãng phí thời giờ, một cảm giác bước vào ngõ cụt.

Hắn hỏi :

– Rồi sau ra sao ?

Godsen nói :

– Chẳng ra sao cả, ông biết những chuyện. Rốt cục, họ phá bỏ tất cả những tòa nhà đó và xây một cao ốc mười chín tầng. Tệ thế. Ý kiến của ông làm tôi rất chú ý. Tôi còn nhớ cho tới ngày nay.

Hắn như một người đàn bà nói

chuyện trong một buổi tiệc trà, thao thao nói với một người đàn ông trong góc nhà để giữ người đó lại, nghĩ gì nói vậy, cố gắng giữ không cho người đó thoát ra chỗ quây rượu để khỏi bỏ mặc bà ta lạc lõng nơi đó, không có ai nói chuyện trong suốt buổi tối, trong suốt cuộc đời.

Godsen vội vã tiếp tục :

- Tôi đã định theo dõi công việc làm của ông, tôi tin là ông có thể hoàn tất được nhiều công việc tuyệt diệu, nhưng sống trong thành phố này người ta quá bận - vì những chuyện không đâu, dĩ nhiên - những ý định tốt đẹp...

Hắn hoa tay một cách bất lực và bỏ dở câu nói phức tạp đó.

– Tôi chắc chắn là hàng ngày tôi đã đi qua những cao ốc do ông họa kiêu, những công thự do tài năng ông mà ra, mà không biết.

Weatherby nói :

– Không đúng vậy. Tôi làm việc cho một hãng lớn.

Hắn cho người đó biết tên hãng hắn làm và Godsen gật gù một cách trang trọng, để bày tỏ sự thán phục của gã.

– Tôi có làm đôi công việc cho hãng đó. Godsen vui vẻ nói. - Thời nào thức nấy. Thì ra ông là trong những người trẻ đã bắt những người Nữ Ước khốn khổ chúng tôi sống trong những cái lồng kính sáng loáng và lạnh lẽo.

– Tôi đâu còn trẻ như vậy.

Weatherby nói và nghĩ ngợi cách buồn tẻ. Đó là sự thực. Vả lại, Godsen chỉ hơn gã nhiều là mười tuổi. Hắn uống cạn ly. Điều bộ quấy rầy, lảm lời của gã, phảng phất vẻ yếu đuối làm hắn khó chịu. Hắn lấy ví tiền ra và nói :

– Thôi, tôi nghĩ tôi nên...

– Ô, xin ông... - Godsen nói. Có vẻ lo ngại kỳ lạ trong giọng nói của gã.

– Giovanni sẽ khóa rượu lại và bảo tôi ra về nếu ông bỏ đi. Thêm một chén rượu nữa, Giovanni, làm ơn đi. Xin Giovanni cứ rót rượu ra mà uống. Đêm khuya như thế này...

Weatherby bắt đầu nói :

– Thật tình tôi phải...

Rồi hẳn thấy Giovanni nhìn hẳn một cách kỳ lạ, khẩn thiết như thể gã sắp đưa ra một tin gì cấp bách. Giovanni vội thêm ly uýt-ki thứ hai cho Weatherby, một ly bour-bon cho Godsen và rót cho chính mình một ly bourbon.

Godsen tươi hẳn lên :

– À... Thế thì hay lắm. Ông Weatherby, xin ông đừng nghĩ là tôi đi khắp thành phố chỉ để mời rượu tất cả mọi người. Thật ra, tôi là người bủn xỉn, bủn xỉn một cách khó chịu, vợ tôi thường nói vậy và đó là một điểm mà nhà tôi thường kêu ca.

Gã đưa cái ly lên một cách trang

trọng. Bàn tay dài và gầy của gã hơi run run. Weatherby thấy vậy và tự hỏi không biết gã có thường say rượu không. Godsen nói :

– Uống mừng những cao ốc có đầy cửa kính, đẹp đẽ, lạnh lẽo và lẻ loi của thành phố Nữ Ước.

Mọi người đều nâng ly uống. Giovanni uống một hơi hết rồi rửa và lau ly, nét mặt không thay đổi.

Godsen nói :

– Tôi quả có thích nơi này.

Rồi gã nhìn quanh gã một cách trù mến, nhìn những ngọn đèn yếu ớt chiếu sáng và những bức tranh vẽ bờ biển điểm trên tường.

– Nơi đây tôi có kỷ niệm đặc

biệt. Tôi đã hỏi vợ ở đây vào một đêm mùa đông. Hỏi lấy nhà tôi.

Gã vội vã nói thêm như thể gã sợ Weatherby hiểu lầm là gã hỏi lấy vợ của người nào khác.

– Sau đó, chúng tôi không mấy khi lại đây.

Gã lắc đầu một cách hơi buồn buồn.

– Tôi không hiểu tại sao ? Có lẽ vì chúng tôi ở phía bên kia thành phố.

Gã nhăm nháp uống và đưa mắt nhìn bức tranh họa núi và biển ở phía bên kia quầy rượu.

– Tôi luôn luôn có ý định đưa vợ tôi tới Nervi. Để xem Đền Thờ.

Gã nói một cách khó hiểu :

– The Golden Bough. Nói như người Pháp, Hélas, chúng tôi không làm cuộc hành trình đó. Thật là điên, tôi nghĩ là thế nào tôi cũng có thì giờ, vào một năm nào đó. Và dĩ nhiên, vì bủn xỉn nên luôn luôn tôi sợ tốn kém quá đáng...

Gã nhún vai và một lần nữa lấy điệu bộ tiên tri, hai bàn tay đưa cái ly lên và ghé nhìn vào đó. Gã nói với một giọng bình thường đều đều:

– Ông Weatherhy này, có bao giờ ông giết người chưa ?

– Cái gì ?

Weatherby hỏi lại, không tin là mình đã nghe đúng

– Đã bao giờ ông giết người chưa ?

Lần thứ ba, Godsen lại thốt ra tiếng cười như rít lên như vậy.

Thực ra, đó là câu hỏi mà người ta có thể thường nêu ra, trong rất nhiều trường hợp khác nhau. Nói cho cùng, chắc phải có một số người nào đó trong thành phố này, mà vào giờ phút này hay giờ phút khác, đã giết mất mạng người - cảnh sát đi tuần, những tay lái xe cầu thả, y sĩ và y tá với thiện chí vào bực nhất thế giới, trẻ con với khẩu súng bắn bằng khí ép, đạo chích, cướp, lính của trận giặc lớn...

Weatherby nhìn Giovanni một cách nghi ngại. Giovanni không nói gì nhưng có vẻ gì trong khuôn

mặt của hắn cho Weatherby thấy
hắn muốn Weatherby làm vừa lòng
người đó.

– À. - Weatherby nói, hồi chiến
tranh...

– Ông ở lục quân, với cái lưỡi
lê, có lẽ thế chẳng,

Godsen nói với một giọng mới
lạ, tò mò, không có vẻ yếu đuối.

– Tôi ở pháo binh, Weatherby
nói. Trong dàn trọng pháo 105 ly.
Tôi cho là ông có thể nói...

Godsen nói, mỉm cười :

– Một vị đại úy đầy năng lực,
nhìn vào ống nhòm, chỉ huy cuộc
pháo kích xuống hành doanh địch.

– Không hẳn vậy, Weatherby

nói, – Lúc đó tôi mười chín tuổi và tôi là binh nhì, và tôi là một trong số những người nạp đạn. Phần nhiều tôi chỉ có đào hố.

Godsen dai dẳng nói :

– Thế ông cho rằng ông đã góp phần, rằng với công việc của ông, nhiều người đã bị giết chết.

Weatherby nói :

– Phải, chúng tôi đã bắn rất nhiều loạt đạn. Một nơi nào đó, dọc theo chiến tuyến, chúng tôi có lẽ đã bắn trúng cái gì.

Godsen nói :

– Trước tôi rất mê đi săn, khi tôi còn trẻ. Tôi sinh trưởng ở miền Nam, nói cho rõ là ở tiểu bang Al-

abama, mặc dầu tôi hãnh diện là khi tôi nói, không ai nghe giọng tôi mà biết tôi ở đó. Có lần tôi hạ được một con mèo rừng. Gã vừa nhăm nháp vừa nghĩ ngợi. - Rồi tôi thấy ghê tởm trong việc giết súc vật. Mặc dầu tôi không có cảm giác nào về loài chim. Có một cái gì nguy hại, không nhân đạo đối với loài chim, Ông có nghĩ thế không, ông Weatherby ?

- Thực ra tôi không nghĩ ngợi gì nhiều về vấn đề đó.

Weatherby nói, tin chắc là người đó đã say và hãnh tự hỏi là chừng nào hẳn có thể rút lui một cách êm thấm và không biết có thể ra về mà khỏi phải dãi God- sen một châu rượu.

Godsen nói :

- Hẳn phải có lúc ta phải kích động cực điểm ta làm chết một người, theo sau đó là một nỗi xấu hổ tràn ngập, không gột rửa được. Chẳng hạn như, hồi thế chiến, vấn đề đó hẳn phải được nêu ra...

Weatherby nói :

- Tôi sợ rằng trong đa số trường hợp họ đã không xúc cảm nhiều như ông tưởng.

- Thế còn ông ? Godsen nói. - Ngay trong cương vị nhũn nhặn như người nạp đạn, theo lời ông, như một con ốc trong guồng máy - Lúc đó ông cảm thấy thế nào, bây giờ ông cảm ra sao ?

Weatherby ngáp ngừng, sắp sửa bực mình với người đó. Hần nói :

– Bây giờ tôi hối tiếc là chuyện đó đã xảy ra. Khi đó, tôi chỉ muốn bảo toàn mạng sống.

– Ông Weatherby, đã bao giờ ông nghĩ tới sự thiết lập án tử hình ?

Godsen nói mà không nhìn về phía Weatherby, nhưng lại nhìn chính bóng của mình mờ mờ chiếu trên những chai, trong chiếc gương treo trên quầy rượu.

– Ông chống đối hay đồng ý việc Tiểu-bang có quyền lên án tử hình. Đã bao giờ ông có một cố gắng nào để hủy bỏ loại án đó ?

– Tôi nghĩ có một lần ở đại học, tôi có ký vào kiến nghị.

– Khi chúng ta còn trẻ, Godsen nói, nhìn vào cái bóng của của mình trong gương, - chúng ta có nhiều ý thức vào giá trị cuộc sống. Chính tôi đã có lần đi biểu tình phản đối việc treo cổ nhiều thanh niên da đen. Lúc đó tôi không ở miền Nam. Tôi đã di chuyển lên miền Bắc. Tuy nhiên, tôi đi biểu tình. Ở Pháp, vào hồi có máy chém, người ta lập luận là cái chết ngay lập tức, mặc dù khoảng khắc đó là một biến số. Và có lời xì xào rằng cái đầu, sau khi lìa khỏi cổ và rớt vào cái giỏ, hãy còn có cảm giác và suy nghĩ nhiều giây lát sau đó.

Giovanni từ tốn nói :

– Ông Godsen a, tôi nghĩ rằng bây giờ ông nói như vậy chẳng giúp ích được gì, có phải thế không?

– Tôi xin lỗi, Giovanni. Godsen nói và cười tươi. - Tôi rất hổ thẹn. Trong một quán rượu dễ thương như vậy, với một người hiểu biết và có tài năng như ông Weatherby. Xin tha lỗi cho tôi. Và bây giờ, xin phép các ông, tôi phải điện thoại.

Gã xuống khỏi chiếc ghế đầu cao, đi một cách tin tưởng tới phía bên kia của cái quán ăn vắng khách, đi qua cánh cửa nhỏ đưa tới phòng rửa tay và phòng điện thoại.

– Trời đất ! Weatherby nói, - Ông ta làm sao vậy ??

– Vậy ông không biết ông ta là

ai à ? Giovanni nói khẽ mắt không dờn phía sau quán ăn.

– Chỉ biết về ông ta qua những gì ông ta vừa nói. Weatherby nói.

– Tại sao người ta lại phải biết tới ông ta ?

– Cách đây hai hoặc ba năm, tên ông ta có mặt trên khắp các báo. Giovanni nói. – Vợ ông ta bị hiếp rồi bị giết chết. Tại một nơi nào đó ở Khu Tây. Ông ta về nhà ăn cơm tối và thấy xác vợ.

– Trời ơi ! Weatherby khẽ nói, một cách thương xót.

– Ngày hôm sau họ bắt được thủ phạm. Giovanni nói. – Thủ phạm là thợ mộc hay thợ thiếc gì đó. Một người ngoại quốc từ Âu châu tới,

đã có vợ và ba con và ở Queens gì đó. Không có tiền án, không có thành tích bất hảo nào. Hẳn có việc phải làm trong cao ốc và hẳn gọi nhầm nhà và bà ta ra mở cửa, mặc áo tắm hay cái gì đó.

– Họ đã làm gì hẳn ? Weatherby hỏi.

– Cố sát. Giovanni nói, – Tối nay họ cho hẳn lên ghế điện. Vì vậy mà ông ta đi gọi điện thoại. Để biết xem họ đã hành quyết chưa. Thường họ hành quyết tội nhân, vào khoảng 11 giờ – 11 giờ rưỡi, theo chỗ tôi hiểu là như vậy.

Weatherby nhìn đồng hồ đeo nơi tay.

– Gần 11 giờ 15.

– Ôi, kẻ khốn khổ ! Nếu hăn bị bỏ buộc phải nói rõ hăn định ám chỉ ai, Godsen hay kẻ sát nhân, thật khó mà hăn có thể trả lời rành mạch được.

– Godsen, Godsen... hăn nói. Hăn mình phải đi xa, lúc chuyện đó xảy ra.

– Chuyện đó rùm beng lên. Giovanni nói, - trong vài ngày liền.

– Ông ta có hay tới đây và ăn nói như vậy không ? Weatherby hỏi.

– Đây là lần đầu tiên tôi nghe ông ta nói qua về chuyện đó. Giovanni nói. - Thường thường, ông ta tới đây, một tháng một hay hai kỳ, ngồi ở quây, uống rượu, lễ phép và

yên lặng, một mình ăn cơm ở phía sau, đọc cuốn sách. Ông không thể nghĩ lại có chuyện gì có thể xảy tới ông ta. Đêm nay rất là đặc biệt, tôi đoán vậy. Ông ta tới vào khoảng 8 giờ tối, và ông ta không ăn gì cả, chỉ ngồi đó, chậm rãi uống rượu suốt đêm.

– Có phải vì vậy mà ông còn mở cửa không? Weatherby hỏi.

– Vì vậy mà tôi hãy còn mở cửa. Ông không thể đuổi một người về, trong đêm tối như thế này.

– Phải. Weatherby nói. Một lần nữa hắn nhìn cái cửa đưa vào chỗ gọi điện thoại. Hắn đã có ý muốn ra về. Hắn không muốn nghe điều mà Godsen sẽ nói khi gã từ phòng điện thoại trở ra. Hắn muốn ra về

ngay để chắc chắn là mình ở nhà khi vợ hẳn đi xem chớp bóng về. Nhưng hẳn biết là hẳn không thể bỏ về được, dù rằng ý nghĩ đó đang quẩn rũ hẳn hết sức.

Đây là lần đầu tôi nghe ông ta nói là ông ta đã hỏi cưới bà ta ở nơi đây. Giovanni nói. – Tôi cho là vì thế... Hẳn bỏ dở ý nghĩ.

– Bà ta ra làm sao ? Weatherby hỏi.

– Người vợ đó ?

– Bà ta thuộc hạng người ít nói, nhỏ nhắn, xinh xắn. Giovanni nói : - Có gặp, ông cũng chẳng chú ý mấy tới bà ta.

Cánh cửa ở phía sau khách sạn mở và Godsen nhẹ nhàng rào bước

tới quầy rượu. Weatherby quan sát gã, nhưng hắn không thấy gã nhìn sang phải hoặc trái và một cái bàn nào có thể đã có kỷ niệm đặc biệt đối với gã. Trong khi gã ngồi lên ghế, và nở một nụ cười như muốn xin lỗi, không có vẻ gì trên khuôn mặt gã cho thấy điều gã đã nghe được qua máy điện thoại. Godsen nói một cách hoạt bát :

– A, ta lại gặp nhau.

– Để tôi mời ông châu rượu. Weatherby nói, giơ ngón tay về phía Giovanni.

– Tốt lắm, ông Weatherby à. Godsen nói. - Thế thì tốt lắm.

Họ quan sát Giovanni rót rượu.

– Trong khi tôi chờ điện thoại,

Godsen nói, tôi nhớ tới một câu chuyện vui vui. Câu chuyện những người hên và những người không hên. Đó là chuyện đi câu cá. Chuyện hoàn toàn đứng đắn. Tôi như không bao giờ có thể nhớ được chuyện tiểu lâm, dù là nó buồn cười đến thế nào. Tôi không hiểu sao. Vợ tôi vẫn thường bảo tôi quá nhũn nhặn và có lẽ nhà tôi nói đúng. Tôi rất mong là tôi nhớ đúng câu chuyện. Thế nào nhỉ... Đó là câu chuyện hai anh em quyết định đi câu cá trong một tuần lễ ở cái hồ trên núi... Có lẽ ông đã nghe chuyện đó rồi, ông Weatherby à ?

Weatherby trả lời : – Không.

– Xin ông đừng tỏ ra quá lịch thiệp đối với tôi. Godsen nói : Tôi

rất ghét khi nghĩ là tôi đang làm rầy ông.

– Không. Weatherby nói, - tôi quá chưa được nghe.

– Đây là một câu chuyện khá xưa, tôi chắc vậy. Tôi hẳn đã được nghe kể từ nhiều năm nay khi tôi vẫn còn đi tới nhà bạn bè ăn uống, nói chuyện, hay la cà tới các quán rượu hay những nơi tương tự như vậy. Hai anh em đó đi tới cái hồ và cắn câu ngay và thuê một cái tàu để đi câu, nhưng khi họ vừa thả mồi thì cá cắn câu ngay và người em giật lên được một con cá thật lớn. Hẳn ta lại thả câu và hẳn lại giật ngay được con cá lớn khác. Và cứ như vậy suốt ngày. Và suốt ngày người anh ngồi, mà cái lưỡi

câu của hấn không hề đụng đậy gì. Ngày hôm sau cũng như vậy. Rồi ngày hôm sau nữa, rồi ngày kế tiếp cũng thế. Người anh không câu được gì, ngày càng buồn rầu và càng ghen tức với người em câu được không biết bao nhiêu cá. Sau cùng, người em vì muốn giữ hòa khí trong gia đình, nói cho người anh hay là hấn ta sẽ ở trên bờ ngày hôm sau, và để dành cho người anh cả cái hồ mà câu. Và ngày hôm đó, người anh không may mắn, dậy sớm, và tươi tỉnh, một mình xách cần đi câu cá, mang theo mồi thật ngon. Trong một khoảng thời gian khá lâu, không có gì xảy ra. Rồi có tiếng quẫy nước ở gần, và một con cá lớn, con lớn hơn hết thấy, nh3y ra khỏi mặt nước và nói :

– Này Bud, em ông hôm nay không đi câu à ?

Kể xong Godsen lo ngại nhìn Weatherby để xem phản ứng. Weatherby làm bộ khúc khích cười.

– Tôi thật tình hy vọng là tôi đã kể đúng câu chuyện. Godsen nói, - Đối với tôi nó còn có một ý nghĩa sâu xa nào đó hơn những câu chuyện như vậy. Về những may rủi và số mạng, những chuyện như vậy, nếu ông hiểu ý tôi định nói .

– Phải thế đó. Weatherby trả lời.

– Tôi nhận thấy người ta thường ưa thích những câu chuyện nhảm, Godsen nói, nhưng như tôi vừa nói tôi không sao có thể nhớ chuyện đó mà kể lại.

Gã từ tốn uống rượu.

– Tôi nghĩ rằng Giovanni có nói qua về tôi cho ông nghe, trong khi tôi đi gọi điện thoại.

Một lần nữa giọng của gã thay đổi, tẻ ngắt, gần như sàu thảm nhưng không yếu ớt.

Weatherby liếc nhìn Giovanni và Giovanni gật đầu, khẽ cử động đến nỗi hầu như không phát lộ ra ngoài.

– Có. Weatherby nói, có đôi chút.

– Vợ tôi còn trinh tiết khi tôi cưới nàng, Godsen nói. - Nhưng chúng tôi đối với nhau rất là đắm thắm ngay từ đầu. Nhà tôi là một trong số ít người đàn bà sinh ra

là chỉ để lập gia đình, làm vợ, chứ không là cái gì khác. Không ai có thể thấy cái vẻ huy hoàng tiềm ẩn trong cái đẹp của nhà tôi, hoặc mỗi cảm xúc sâu xa của nhà tôi nếu chỉ nhìn hoặc nói chuyện Với nhà tôi. Bề ngoài, nhà tôi như thể rất là e thẹn và không mấy tự tin, phải thế không Giovanni ?

– Đúng thế, ông Godsen. Giovanni trả lời.

– Trên thế giới này chỉ có hai người đàn ông là có thể biết được. Tôi và... Gã ngừng nói. Khuôn mặt gã bỗng nhả lại. - Đúng 11 giờ 08 phút, gã nói, họ ấn vào cái nút. Thằng đó chết. Tôi luôn luôn bảo nhà tôi là phải móc dây xích vào cửa, nhưng nhà tôi vô tâm và tin tất cả mọi người. Thành phố này

đầy những thú dữ, thật là nực cười khi nói chúng ta văn minh. Nhà tôi la lên. Nhiều người trong chung cư nghe tiếng nàng la. Nhưng trong thành phố người ta ít để ý đến tiếng động ở hàng xóm. Sau đó, có bà ngụ ở tầng dưới bảo cho biết bà ta tưởng hai vợ chồng tôi cãi nhau, mặc dù từ hồi lấy nhau chúng tôi chưa bao giờ to tiếng, người láng giềng khác nghĩ tiếng la đó thuộc một chương trình truyền hình, và bà ta có ý định khiếu nại với ban quản trị chung cư vì bà ta sáng đó nhức đầu, và cố ngủ mà không được.

Godsen co cái chân vào dưới cái ghế và ngồi gần giống đứa con gái ngồi, hai tay lại nâng ly rượu và để trước mắt. Gã nói :

– Ông Weatherby ạ, ông tốt bụng lắm mới ngồi nghe tôi nói chuyện như vậy. Ba năm vừa qua, người ta thường tránh tôi, khách hàng cũ đi qua tiệm tôi một cách vội vã mà không thèm nhìn vào, các bạn cũ đều vắng nhà khi tôi tới thăm. Hồi này, tôi nhờ cậy những người xa lạ để buôn bán cũng như để nói chuyện. Hồi lễ Giáng sinh, tôi bỏ tờ giấy một trăm đô la vào bì thư và nặc danh gửi lá thư cho người đàn bà đó ở Queens. Tôi làm như vậy là vì hứng chứ không có lý luận gì hết, có lẽ tại mùa lễ... Tôi có ý mời đến dự... lễ ở Ossining đêm nay, tôi nghĩ đến điều một cách thực tình, tôi cho là câu chuyện có thể dàn xếp được. Rồi sau cùng tôi thấy nó cũng chẳng ích lợi gì, phải thế không ? Và thay vào đó, tôi đến

đây uống rượu với Giovanni.

Gã mỉm cười với Giovanni lúc đó đứng bên kia quầy rượu. Gã nói :

– Người Ý thường dễ thương và có một tâm hồn hiểu biết. Thôi bây giờ tôi phải về nhà. Tôi ngủ rất kém và theo nguyên tắc, tôi không dùng thuốc. Gã lấy cái ví ra và đặt xuống vài tờ giấy bạc.

Giovanni nói :

– Chờ một chút. Đợi tôi khóa cửa tiệm xong, tôi sẽ đưa ông về nhà và mở cửa cho ông.

Godsen nói :

– Nếu vậy thì tốt lắm, cảm ơn Giovanni nhiều. Đó là lúc khó khăn

nhất. Mở cửa. Tôi quá lẻ loi. Sau đó, tôi chắc chắn là tôi không sao.

Weatherby rời khỏi ghế và nói với Giovanni :

– Làm ơn ghi sổ hộ.

Bây giờ hãy được thả ra về.

– Thôi tôi về. Hẳn nói với Giovanni.

– Chào ông Godsen.

Hẳn muốn nói thêm vài câu, muốn thốt ra vài lời an ủi hoặc khích lệ, nhưng hẳn không biết nói gì.

– Chào ông. Godsen nói, giọng già tươi và có hồn. - Thật là vui được nối lại mối quen thuộc giữa chúng ta, dù là rất ngắn. Và làm ơn

cho tôi gửi lời chào bà nhà.

*

Weatherby ra khỏi tiệm và đi ra đường, để lại Giovanni bận rộn cho rượu vào tủ khóa, và Godsen yên lặng, chậm rãi nhăm nháp, ngồi thẳng và gọn trên ghế.

Đường phố tối đèn và Weatherby rào bước nhưng giữ để không chạy về nhà. Hắn bước lên thang vì thang máy chạy quá chậm. Hắn mở cánh cửa sắt của căn hăn ở và thấy có ánh đèn trong phòng ngủ.

– Cưng đây à ? Giọng ngái ngủ của vợ hăn từ trong phòng vang ra.

– Anh sẽ vào ngay. Weatherby nói.

– Anh đang khóa cửa.

Hắn đẩy thêm cái chốt cửa mà thường ngày vợ chồng hắn ít khi dùng tới, và cẩn thận bước, không vội vã, như bất cứ đêm nào khác, qua tấm thảm trên phòng khách tối đèn.

Dorothy nằm trên giường, đèn bên cạnh nàng chiếu sáng, và tờ tuần san rớt xuống sàn. Nàng mỉm cười nhìn hắn, ngái ngủ. Trong khi hắn bắt đầu thay quần áo, nàng nói :

– Vợ anh lười quá.

– Anh nghĩ em đi xem chiếu bóng. Hắn nói.

– Em có đi, nhưng buồn ngủ quá, em bỏ dở về.

– Em có cần ăn gì không. Sữa hay bánh ?

– Ngủ đi, nàng nói. Nàng trở mình, kéo mền lên cổ, tóc xõa trên gối. Hẩn mặc đồ ngủ, tắt đèn, và vào giường nằm bên cạnh nàng và nàng nhắc đầu, gối lên cánh tay hẩn.

– Uýt-ki. Nàng nói giọng ngái ngủ. Sao người ta lại có thành kiến đối với nó? Mùi thật ngon. Anh làm việc có mệt không, cưng ?

– Không mệt lắm. Hẩn nói, cảm thấy sự tươi mát của tóc nàng trên mặt hẩn.

Nàng âm ừ trả lời rồi thiếp ngủ.

Hẩn nằm thức trong giây lát, dịu dàng ôm nàng, nằm nghe tiếng

động không rõ rệt từ dưới phố vang lên. Hẳn nghĩ : “Xin Thượng Đế phù hộ chúng ta cho khỏi bị tai nạn, và cho chúng ta hiểu tính chất thực của những tiếng động từ trong thành phố vang lên quanh ta”.

IRWIN SHAW

NHÃ ĐIỂN dịch

VĂN số 166

Tuyển tập Thơ Văn

giới thiệu :

MỘT CÁCH BUỒN PHIỀN

tập truyện **LÊ VĂN THIÊN**

Muốn mua xin gửi 80 đồng, bưu phiếu hoặc tem thư gửi theo lối bảo đảm, về ông Nguyễn Đình Vượng, số 38 đường. Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Sách sẽ được gửi bảo đảm tới bạn ngay.

Vũ Hoàng Chương

Trong da ngựa

Bòm dựng lên, ngơ ngác

Toàn thân con ngựa già.

Có hồn ai ký thác

Cho ngựa bọc trong da ?

Kìa Chợ Cá xưa là Mả Ngụy

*Hơi bùn tanh lửa quỷ mang
mang.*

Ngựa say chở hồn đi hoang

Kéo lê sau giữa hai càng xe hư...

Đường Cây Mai lở lói
Những kim ốc rồi ư ?
Sao nghe hành khách nói
Thời trang là Suy tư ?
Nếp thi thư gập ghềnh lưu huyết
Đường mang tên Sương-
Nguyệt-Anh chi !
Sài-đô viên ngọc phương Ly —
Ôm trong lòng, có còn gì hào
quang ?

Nét râu mờ Hắc, Bạch
Hai ngôi lâu cu tang ;
Công tử⁴ thời hống hách

4 Hắc-công-tử và Bạch-công-tử là hai nhân vật khét

*Thấm gì nay dọc ngang !
Máy nổ vang đoàn xe bọc thép,
Hồn chưa quen sức ép bên tai
Chợt tung bốn vỏ chạy dài,
Đêm xiêu... Ngựa vượt ra ngoài
huyền cơ.*

*Vỗ đôi cánh thần thoại
Mọc lên từ bao giờ,
Tiếng nhạc còn rung mãi
Khoảng cách hai giòng thơ.*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sài Gòn, 1969

(trích “Ngồi Quán” ; đang in)

tiếng ăn chơi tại Sài Gòn trước đây gần nửa thế kỷ

Phan Du

Tiếng người

rong lúc mỗi đe dọa của các vụ tấn công, các trận giao tranh ác liệt xen lẫn những vụ khủng bố, thủ tiêu, bắt cóc ngày càng gia tăng, suốt mấy dãy nhà gian ở khu chợ, nơi nào cũng cửa đóng, then cài cẩn thận, người người từ già đến trẻ đều thu hình, nín tiếng im hơi, hoặc vì quá khấp đảm, hoặc cần sự yên tĩnh để theo dõi, nghe ngóng những động

tĩnh bên ngoài, Thực chẳng có gì làm cho con người đang sống với tâm trạng hải hùng, phải bức tức, khó chịu bằng những tiếng động hay sự ồn ào gây ra bởi người bên cạnh. Và chính vì thế mà cô Năm Thung, thường được gọi là cô Năm Tàn-nhang, ở gian nhà sát vách với gian nhà ông bác của Thẩm, đã trở thành cái đích cho mọi người đàm tiếu, nguyên rủa. Mà có bị nguyên rủa cũng chẳng uống chút nào. Cứ cái lối xử sự của cô Năm Tàn nhang thì dù Phật ở trên bàn cũng phải nhảy xuống chứ đừng nói là người, nhất là những con người mà cân não đã căng thẳng đến cùng. Ngay giữa tình trạng khốn đốn, hoang mang, nheo nhóc của lân lý, cô Năm vẫn giữ nguyên cái lối làm ồn. vẫn thản nhiên như

không biết có gì khác lạ và đáng lo ngại xảy ra, vẫn sống theo lối sống nhổng nhảnh, bình thản, vô tư vô lự, như những ngày sóng êm gió lặng. Trong cái không khí im bật năng nề của cả một khu phố đã tê liệt hẳn mọi sinh hoạt bình thường, vắng bóng thường dân qua lại trên đường, ngoài lộ, vắng cả tiếng cười, tiếng nói dưới các mái ấm, người ta vẫn nghe nổi lên chan chát, trong gian nhà cô Năm, tiếng guốc cao gót không « độn » kéo lê lẹp kẹp trên nền xi măng, từ nhà trên xuống nhà dưới hay từ phòng trong ra phòng ngoài, tiếng ca hát và những tràng cười ròn rã, ngổ ngáo như thách đố tất cả mọi đe dọa, khinh thường và chẳng đếm xỉa chút nào đến cảnh chết chóc, đồ nát đã xảy ra ở nhiều nơi và sẽ còn

xảy ra cùng những nỗi đau thương, khốn đốn của đám đồng bào chạy loạn. Người đàn bà này tỏ ra thản nhiên như đang sống trong một thế giới khác biệt hẳn với cái thế giới sôi động máu lửa, như đã tách rời hẳn thực tại đen tối, thê lương quanh mình. Bất chấp tiếng gầm rú của bom đạn, bất kể sự đau khổ, kinh hoàng của tha nhân, cô Năm vẫn ung dung, tươi tỉnh, cười cợt, đùa nghịch, vẫn mỗi ngày nổi lửa đủ ba lần, xào nấu nhậu nhẹt một cách thịnh soạn, tươm tất, trong khi gạo cơm đã trở thành thứ của báu hiếm có và mỗi lo âu hàng đầu của hầu hết các gia đình. No nê rồi cô Năm lại cười đùa, lại ca vọng cổ hay mở máy ra-đi-ô rõ lớn để buộc cả xóm cùng thưởng thức cải lương, tân nhạc, và cứ

sau mỗi tiếng nổ dữ dội, long trời chuyển đất của bom hay đại bác, tiếng cười ròn rã, vui hơn pháo Tết của cô lại nổi lên nhanh khách như muốn xói vỡ cả bờ tai, đâm toạc cả màng nhĩ của đám người đang hồi hộp, phập phồng và đang cần sự im lặng để nghe ngóng tình hình.

Chính những tiếng cười hô hố, sỗ sàng, những tràng cười ngổ ngáo trối dậy một cách đơn độc, lẻ loi, kỳ quặc và tàn nhẫn như vậy đã khuấy động cả một mối phần nộ dữ dội trong lòng người nghe, nhất là của số đồng bào vừa chạy tới lánh nạn tại nhà ông bác của Thắm sau khi biến cố vừa xảy ra được mấy hôm. Nhiều người trong bọn đã tỏ sự bất bình ra mặt :

– Trời ơi, không biết con mẹ ấy vui sướng cái nỗi gì mà cười lảm thế. Chết đến bên lưng mà vẫn nhớn nhoe vui đùa được kể cũng lạ thực.

Một bà cụ - vì trời rét đến cồng người, thu hình nhỏ xíu trong chiếc khăn đã bạc màu, trùm kín từ cổ đến chân ngồi ở một xó nhà, chép miệng và thều thào với giọng mia mai chua chát :

– Mụ ấy giàu có, sẵn hàm kiên cố, sẵn gạo, sẵn thịt, đồ hộp Mỹ chất đầy nhà, còn lo nỗi gì. Ai cực, ai khổ thì mặc ai, họ sướng thì họ cứ vui đã chứ.

Nàng dâu của bà cụ đảo cặp mắt sắc như dao cau, hăn học tiếp lời :

– Đúng đó. Mụ Năm Thung chừng như biết trước có giặc hay sao mà trữ gạo vô số kể. Úi chao, mấy lớp bao chất chung quanh hầm và trên hầm đó mạ nờ, toàn gạo là gạo. Hầm mụ lại kiên cố. Bom đạn dữ như thế mụ ấy vẫn coi như pha. Ý ching mụ tin ở sự bảo đảm của cái hầm xây bằng gạo chắc.

Ông Nuôi, bác thợ mộc già, vốn thường tỏ vẻ bất bình và phản đối kịch liệt nhất trong bọn, trước những tiếng động, tiếng cười nổi dậy từ gian nhà cô Năm, bĩu môi xẵng giọng :

– Nó tài gì mà biết trước. Chẳng qua nó vừa buôn đồ Mỹ lại vừa hoạt động xe cộ nên sẵn tiền, sẵn gạo, sẵn đồ hộp đó thôi. Hầm gì mà bảo

đảm được. Bom, hỏa tiễn đã tìm đến thăm chơi thì có hầm trời đó cũng tan xác chứ đừng nói là hầm gạo. Con mẹ này thực ra chỉ là hạng vô tâm, vô tình, còn yên thân được phút nào thì nó còn hí hớn, nhớn như phút ấy, cho đến khi nào tai họa giáng thẳng vào đầu họa may lúc đó nó mới sáng mắt ra. Rõ là đồ ngu xuẩn. Đồng bào người ta đang nheo nhóc, đau khổ, lo chay, lo đói, lo chết, thở hút cả hơi, khóc hết nước mắt mà mình ngồi hả hợng ra cười... Khốn nạn thiệt.

Mối ác cảm của mọi người càng thêm sôi sục vào lúc canh khuya, khi tiếng cười, tiếng ồn lại nổi lên bên gian nhà cô Năm.

Đêm thời loạn kéo dài hầu như

vô tận. Có thể không bao giờ chấm dứt. Chừng như không còn có ánh sáng ở bên kia hang tối sâu thẳm của lòng đêm nữa. Mưa bụi chuyển thành nặng hạt. Cái rét đầu xuân mỗi lúc mỗi tăng, xông vào tử khối không gian đen đặc, sâu lạnh bên ngoài, xông lên từ nền xi măng giá buốt qua những lớp chiếu hay bao tải mỏng, ngấm sâu vào da thịt, len lỏi tận xương tủy. Cùng với sự cắt khứa của lưỡi dao hàn sắc ngọt, tiếng đại bác, hỏa tiễn, mọt-chê bay rào rào, veo veo qua không trung đen tối và nổ ầm ầm đó đây, cùng những loạt súng trung liên, tiểu liên, súng trường, lựu đạn nổi lên ròn rã, tới tấp, đánh thức ngay cả những mộng hồn ù lì nhất ra khỏi những cơn ngủ gà. Dưới ánh đèn dầu hỏa là mù, trừ đám trẻ con

vô tư, đêm trường thời loạn đối với đám người lớn nằm la liệt trên nền nhà, là những đêm dài nhuộm toàn màu trắng, một màu trắng ghê rợn, náo nùng. Những ấn tượng rùng rợn, bi đát gây nên bởi các vụ thảm sát, chết bom, chết đạn, bắt bớ, mất tích, cướp bóc, hành hung từng được loan truyền, đồn đãi, nhắc nhở, bàn tán lúc ban ngày, giờ đây càng khơi động mãnh liệt những đầu óc giàu tưởng tượng. Hình ảnh của những bóng đen bí mật có dao găm, lựu đạn, súng trường, của những kiêu binh mặt đăng đăng sát khí, của những hồn ma vùng lên từ những tử thi chưa kịp dập vùi, đi lang thang đây đó trong tiếng chó sủa ran, bủa vây, ám ảnh tâm trí của đám người thao thức theo dòng đêm trắng. Mỗi một

tiếng động là một dòng điện chạy xuyên qua thân xác, bóp nghẹt quả tim, dựng đứng tóc gáy và làm sồn da gà. Ấy vậy mà chính ngay giữa lúc người ta im hơi, nín thở, thì những tiếng guốc lẹp kẹp, những tiếng động soong chảo, đĩa bát nặng tay, những tiếng cười hô hố, những tràng cười ngổ ngáo, vui và dài như pháo thước lại trôn tráo nổi lên. Từ đám người nằm ngồi chen chúc lại chuyển dậy những tiếng xì xào bức tức, những lời trách móc nguyên rủa. Ông Nuôi lại lớn tiếng hơn ai hết, trợn tròn đôi mắt :

Trời ơi, tức thiệt. Làm sao mà qua được, đập cho nó một đập lòi phèo ra, tôi mới lại gan.

Người vợ tuy đang tức bức cũng phải bật cười:

- Thôi, tôi can ông đó. Mụ ấy là một cây hồn ấu. Hàng cá hàng tôm còn phải đầu hàng nữa là.

Và bà cụ trong xó nhà lại chép miệng :

- Hừ, kể cũng dạn và to gan thực đấy. Mình thì sợ run cả người lên, sợ đến té đái trong quần, mà sao mụ ấy cứ phây phây như vậy. Đàn bà mà can đảm quá chừng.

Chính Thắm hơn ai hết càng bực mình vì cô Năm. Và càng bực mình hẳn càng ngạc nhiên và suy nghĩ nhiều về sự can đảm của cô Năm. Lối giữ nguyên vẹn nếp sống nhớn nhoe bình thản và cái thói hay làm ồn của cô Năm ngay trong cảnh đau khổ khốn đốn chung của đồng bào là chuyện dễ hiểu. Thắm

đã biết cô ta thuộc về hạng người nào rồi. Nhưng thái độ thản nhiên, phớt tỉnh trước sự đe dọa của bom đạn, cái vẻ thách thức, coi thường, xem khinh những tai họa bất kỳ có thể xảy ra vì chiến cuộc, trong một khu vực giao tranh ác liệt, thực là cả một câu đố bí hiểm. khó tìm giải đáp. Nhất là tiếng cười, lối cười của cô Năm lại càng khó hiểu hơn. Thầm thường phải để ý đến những tràng cười lẻ loi, đơn độc ấy và cái âm hưởng lạ lùng của nó. Quả vậy, tiếng cười của cô Năm Tàn nhang thực là kỳ quặc, không tự nhiên, không phải là tiếng cười biểu hiện niềm vui bình thường của một người đàn bà vô tâm, vô tình như nhiều người thường nghĩ. Qua nhiều lần lóng nghe, Thầm nhận thấy tiếng cười thường đột ngột

nổi lên ngay sau mỗi lúc có những tiếng nổ gần gũi của bom, mọt-chê hay đạn đại bác. Khi sự yên tĩnh đã thực sự phục hồi thì tiếng cười cũng chấm dứt, và bao giờ cũng vậy, tiếp theo đó là tiếng guốc không « độn » nện nhanh trên nền xi măng từ phòng trong ra phòng ngoài, tiếng mở khóa, tiếng tháo cây chắn ngang ở cửa lớn trông ra hàng cái, rồi tiếng đóng cửa, chần cửa. Những thứ âm thanh và động tác này cứ phát hiện y hệt cùng một tuần tự trước sau như vậy theo với những tiếng phát nổ bất thần của bom đạn, khiến Thẩm càng, để ý càng thấy khó khám phá được lý do, giải thích được cách thể biểu hiện lạ lùng cũng như sự cố thủ của người đàn bà này trong một gian nhà trống trải, giữa cái khung

cảnh khói lửa, đầy đầy những hứa hẹn không lành như vậy.

*

Biến cố tiếp diễn không ngừng đã hơn một tuần lễ. Đám đồng bào lánh nạn tại nhà Thầm đã lần lượt dắt díu nhau chạy về các khu vực khác, vì nơi này không còn bảo đảm chút nào cho cái thể dung thân. Một số nhà ở xóm chợ đã trúng phải đại bác hay bom lửa thiêu rụi, sụp đổ. Nhiều gia đình bắt đầu tản cư. Cứ mỗi lúc tiếng súng đạn tạm ngưng thì đám người chạy loạn lại đổ xô ra đường, bồng bế gánh gồng, lũ lượt kéo đi, vội vàng hấp tấp như một đàn cừu bị sói dữ rượt đuổi. Ngay trong đám người trước đây

cương quyết ở lại, từng viện đủ lý lẽ để thuyết phục hàng xóm, láng giềng ở yên tại chỗ, cũng đã có một số ra hoang mang, dao động, nhất định khăn gói lên đường. Không khí tản cư ngày càng rộn rịp. Mười sáu gia đình ở dãy nhà gian này đã lục tục kéo nhau đi lánh nạn gần hết. Và đến lượt gia đình ông bác của Thắm cũng lo chuyện xa lìa vùng đất chẳng lành. Vì lấp gấp, nôn vội, nhà lại neo người, ông bác không thể chỉ một vài lần đã có thể di chuyển hết đồ đạc và khi biết rõ nỗi lúng túng của ông, Thắm tình nguyện ở lại giữ nhà.

Gia đình ông bác vừa ra đi hôm trước thì đêm hôm sau, gian nhà của ông thiếu úy quân nhu ở dãy đối diện bị một quả mìn chê xuy-

ên thùng cả tường. Vợ chồng ông thiếu úy hốt hoảng, thu thập, khuôn khô đồ đạc của cải, dời khu chợ ngay từ sáng hôm sau. Về phía cô Năm Thung, sau vụ mọt-chê chay lạc xảy ra, gia đình người chị cùng mấy người bà con từ cùng quê lên cũng vội tìm đường lánh nạn. Chồng cô Năm cùng hai đứa con gái nhỏ chuyên chở gấp đồ đạc vào khu vực an toàn vừa được thăm dò. Và như vậy, suốt cả dãy nhà gian bên này con đường nhựa chỉ còn có hai người là cô Năm và Thắm. Dãy nhà bên kia cũng trở nên hoang vắng. Người duy nhất còn cố thủ ở đấy là một cụ già gần bảy mươi, cụ Khánh. Nếp nhà tôn nho nhỏ, lụp sụp của ông cụ nằm lùi về phía sau dãy nhà gian, ẩn dưới mấy cây đào cành lá sum suê. Có lẽ vì gần đất

xa trời nên ông cụ cũng đâm liều. Chết vì bom đạn, đối với ông lão đã quá mệt mỏi, tui nhục vì cái sức “thọ” vô lý của một tấm hình hài cằn cỗi, suy nhược, có lẽ còn đỡ khổ hơn cái chết đói và cóng lạnh dọc đường.

Ngay từ buổi chiều đầu tiên ở lại, khi mở cửa trông ra đường, Thắm cảm thấy bơ vơ, trơ trọi, tâm hồn mỗi lúc mỗi ngột ngạt dưới sức đè nén nặng nề của bầu không khí tịch mịch, hoang vắng, lạnh lùng đang bao trùm cả một khu phố mới hôm nào còn trù mật, phồn vinh. Và mấy hôm trước, dù biến cố đã xảy ra, nhưng mỗi khi cuộc giao tranh tạm ngưng, súng đạn vừa im tiếng, đường sá vẫn rải rác có bóng người, có những thanh

niên, thiếu nữ hiếu kỳ và bạo dạn kéo nhau đi rào xem những nơi có những hư hại xảy ra, và lũ trẻ con ngây thơ, vô tư, từ các nhà bên đường đổ xô ra sân, chạy nhảy, ca hát, reo cười, sau những giờ bị nhốt tù túng trong hầm trú ẩn. Nhưng đến nay thì thực là hoàn toàn vắng vẻ. Nhà cửa ở khắp cả khu phố đóng kín im im. Những mái ngói, mái tôn lặng thình, kế tiếp nhau gục xuống trong trạng thái trầm tư, với dáng gầy gập, lão đảo như muốn xiêu đổ vì sức đè nén không còn chịu đựng nổi của một khối u hoại nặng trĩu. Đó đây, trên các mái nhà, tường nhà, dấu vết cuộc kinh quá mù quáng, điên cuồng của những cơn mưa đạn hay mảnh đại bác, mọt-chê, ca-nông chuôm còn được lưu lại như những lời cảnh

cáo nghiêm trọng cho những kẻ nào còn luyến tiếc cửa nhà, vườn tược, chưa chịu ra đi, qua những vật ngói bể nát, những lỗ thủng to tướng để lộ những chiếc đòn tay gẫy tiện hoặc cháy đen, những mặt vách bị đạn khoét từng mảng lớn bay xoi xĩa lỗ đổ khắp nơi. Thăm để ý đến quán ăn của bác Tư Út, một thương phế binh già. Quán ăn nằm đối diện với gian nhà của ông bác Thăm. Cà phê, bún bò của ông Tư đã được nổi tiếng là ngon nhất ở khu này, lại thêm một đặc điểm nữa là có hai bóng hồng đọt sóng mới – Lệ, con gái, và Hồng, cháu gái lo việc chiêu đãi, nên quán rất đắt khách. Lúc thường, đêm cũng như ngày, khách hàng ra vào không ngớt, náo nhiệt, ồn ào, vì đa số là quân nhân, thanh niên sinh viên,

học sinh. Quán còn là nơi thường được chọn để làm nơi mở những chiếu rượu "đào viên kết nghĩa" của những tay tổ trong giới cao bồi, du đảng và các hảo hớn trong đám "bụi đời", nên thỉnh thoảng lại có những cuộc tỉ thí, tranh hùng gây náo động cả phường xóm vì cái tham vọng độc chiếm quả tim người đẹp. Nhưng rồi cái vận long hưng của quán bác Tư đã bị cáo chung một cách đột ngột, bất ngờ vì biến cố. Bây giờ quán chỉ còn là một nếp nhà tôn hoang vắng. Ông Tư, cô con gái và đứa cháu gái đã chạy từ ba hôm trước, bỏ lại một cái quán trống không, sập kín cửa, với cái khu dĩ ám khói, toác rộng vì sức xuyên thấu của đại bác, há hốc như cái mõm khổng lồ của một con quái vật. Có một hòa điệu

rất nhịp nhàng, ăn khớp, làm tăng thêm sắc thái thê lương của khu phố, giữa những dãy nhà hoang phế và những con đường nhựa thẫm lạng, ử ê, mang đầy thương tích vì sức công phá vô tình của bom đạn, sức giày xéo tàn nhẫn của các đoàn xe thiết giáp, nằm vật mình lặng nhìn Cao xanh với nỗi nhớ nhung da diết còn lưu lại từ những gót chân bối rối của đám hành nhân chạy loạn. Bóng xe cộ cũng vắng hẳn. Thỉnh thoảng một vài quân nhân xuất hiện rồi cũng biến đâu mất hút.

Thẩm đã định đóng cửa, trở vào nhà, thì từ bên kia đường, có bóng người thất thểu tiến qua. Nhìn kỹ, Thẩm nhận ra cụ Khánh. Bơ phờ, gầy gập, mặt mày nhăn nhó, lem

hem dưới mái tóc bạc phơ, ông cụ trông càng tiều tụy trong bộ bà ba vải trắng nhàu nát, bản thủ. Cụ Khánh lom khom rảo bước về phía Thắm, và lúc đã đến gần, cụ ho mấy tiếng, rồi vừa trao chiếc đồng hồ Jaz cũ kỹ, vỏ đã hoen rỉ, vừa hỏi :

– Mấy giờ rồi cậu ? Nhờ cậu lên dây giùm cho. Từ bữa có giặc đến nay, chẳng còn biết giờ ngày gì hết.

Thắm đỡ lấy chiếc đồng hồ, nhẹ tay vặn lại giờ rồi lên dây :

– Cụ cũng ở lại sao ? Chẳng sợ à ?

– Cũng sợ chứ, sao không. Nhưng rồi nghĩ chết sống có mạng. Tới số chết thì có chạy đến mô rồi cũng chết. Hừ, cậu nghĩ, bom đạn

như mưa, họ lại đánh nhau lung tung, biết ngả mô chắc yên mà chạy. Nói đại, có chết thì chết ở nhà còn có phước hơn là chết đàng chết sá. Người ta có tiền, có gạo, mạnh chân mạnh tay, dễ chạy, còn mình đã nghèo xơ, nghèo xác, lại già yếu chạy đi thêm khổ.

Ngồi ghé xuống mặt thềm, cụ Khánh thở dài :

– Tối khi hôm bắn nhau đã dữ. Nằm nghe tiếng súng, tiếng đại bác, tiếng ngói rơi loảng xoảng ở dãy nhà ngoài, cứ nghĩ là chết đến nơi rồi. Ai hay lại vẫn còn sống. Qua được ngày nào hay ngày ấy thôi, mạng mình như mạng chó, mạng chuột không bằng. Suốt cả đêm không hề chợp mắt. Chó sủa ran

lên từ xóm trên xuống xóm dưới, tui cứ tin chắc là bên kia tràn đến đây rồi. Nhà đây đi hết hả cậu ?

Thấm gật đầu, lấy thuốc đưa mời cụ Khánh :

– Đi hết, chỉ còn mình tôi. Bỏ nhà cũng bất tiện.

– Đúng đó. Đi hết là mất hết. Bao nhiêu sập hàng ngoài chợ đã bị nạy sạch hết cả rồi.

Ngáp dài, cụ nói tiếp :

– Tôi còn lo đói đến nơi. Cứ kéo dài như ri mãi thì đào mô ra gạo mà ăn. Vùng đang giao tranh thì đừng hòng có chuyện tiếp tế. Từ ba ngày nay, tui chỉ ăn một bữa cháo, một bữa cơm. Nhưng có tinh giảm lại như rúra cũng cầm cự được giỏi

lắm là một vài ngày nữa thôi...

– Một mình bác cũng dễ. Nếu cần, bác cứ qua đây. Khỏi phải lo bác à,

Cụ Khánh tỏ vẻ cảm động, mừng rỡ :

– Quý hóa quá. May cho tôi quá. Cảm ơn cậu biết mấy. Trời còn thương tôi.

Rồi cụ đưa tay chỉ qua phía gian nhà cô Năm :

– Con dĩ thúí đó tẹ hết chỗ nói. Gạo chấт đầy nhà, ấy thế mà từ hôm biến cố xảy ra, nó giấu biệt. Có ai hỏi nài lại, nó chối bai bãi...

Cụ ngẩng mặt lên, hoa tay, nhái lại điệu bộ và cái giọng the thé của cô Năm :

– Trời ơi, mô có, mô có. Làm chi mà có. Tui thề có Trời có Đất, tui mà có một hột gạo dư thì tui không còn phải là con người nữa. Đang lo sốt ruột. Gạo không đủ ăn lấy mô mà bán với chác. Cậu nghĩ coi, sờ sờ như rửa mà nó còn chối lem lém cái lỗ miệng, chối ngon lành. Bữa ni thằng chồng nó chở đi rồi, chở qua khu an toàn mà bán cắt họng. Gạo, đồ hộp, mược sức mà hốt bạc...

– Vậy sao cô ta ở lại. Kể cũng dạn thực.

– Dạn chi mà dạn. Nó dại của rồi coi của quý hơn mạng sống. Nó ở lại là vì chiếc xe vận tải. Di chuyển thì bị kẹt đường, mà chiếc xe còn nằm đó thì nó đi sao đành.

Tiếc của rồi đâm ra lú lẫn như rứa, chớ cậu nghĩ coi, bộ đâu ở lại mà giữ được à ! Sức mấy mà giữ. Quân bên ni hay quân bên nớ họ muốn trưng dụng, nó cản được sao. Giải ở đó mà cản. Phùm cho một cái là rồi.

Thăm nhìn qua phía chiếc xe vận tải hiệu Chevrolet, 14 mã lực, thân sơn màu xanh, trần màu trắng, to lớn, kèn còi, đậu ngay phía trước mặt nhà cô Năm. Hẳn vụt hiểu ra và hiểu cả ý nghĩa của tiếng cười, giọng cười cùng những động tác thường tái diễn hằng ngày sau những tiếng nổ kinh hoàng.

Cụ Khánh lại cười gằn :

– Giữ của rồi chết theo với của cho mà coi. Thôi, chào cậu. Về lo

ba miếng đề rồi có chui vô hầm.

Đi được vài bước, ông cụ lại dừng chân, lấy tay đấm vai, quay nhìn Thắm :

– Người ta đi hết rồi mình nghe cũng buồn, phải không cậu ? Nghe lạnh quá. Đường lạnh, phường xóm lạnh tanh, lạnh ngắt.

Thắm đứng yên, nhìn theo cụ Khánh. Dưới bóng hoàng hôn, tấm thân còm cõi, gầy đét của ông cụ, lom khom tiến qua con lộ vắng, trông càng gầy gập, phất phơ như một bóng cô hồn lang thang trong nghĩa địa, và lịm dần vào bóng đêm đang bắt đầu dâng lên từ những xó, hẻm nặng nề lãnh khí.

Một loạt tiểu liên nổ chát

chúa đầu phía bờ tre sát hồ ở đầu phường. Bóng cụ Khánh lui nhanh hơn rồi biến đi mất hút. Một đàn chim sẻ, vừa tụ tập trong lùm tre bị gãy ngọn, phía sau dãy nhà gian đối diện, bay lên tán loạn. Thấm vội vàng đóng cửa. Hai cánh cửa gỗ đánh ập vào nhau gấp rút, ném vào khoảng không một tiếng động khô nổ, âm hưởng nghe náo nùng như một tiếng nấc nghẹn ngào.

*

Chiến sự càng thêm ác liệt. Cả khu phố, đêm cũng như ngày, điệp lạng dưới sức đe dọa không ngừng của một cuộc tràn chiếm bất thần có thể xảy ra bất cứ giờ phút nào. Không một ai đã ra đi

còn dám mon men trở về như mọi hôm để thăm chừng nhà cửa hay chuyển thêm đồ đạc còn bỏ lại. Khu phố vì thế càng thêm cô quạnh, đìu hiu. Những gia đình còn ở lại, cách biệt nhau khá xa, càng cố thủ trong cánh cửa đóng then cài, cô lập, cắt đứt mọi liên lạc với bên ngoài. Từ lúc gia đình ông bác ra đi, Thắm sống một mình trong căn nhà dài, rộng, vắng vẻ trước sau. Nhưng chính trong cái không gian quá thừa này, Thắm lại cảm bơ vơ, trơ trọi như bị giam cầm trong một hang động chật chội, thấy mỗi lúc mỗi rõ rệt thêm, cái cảm giác ngột ngạt, tù túng và bí bưng, âm u, không có lối thoát. Càng quen với không khí sôi động, ác liệt của các cuộc giao tranh, dày dạn với sức uy hiếp, đe dọa của những cơn

mưa bom đạn, Thầm lại càng thiếu hẳn nghị lực để chịu đựng cái tình trạng cô đơn, heo hút tạo nên một cách bất ngờ, bởi chiến cuộc bên ngoài. Và khó chịu nhất là sự vắng bắt những tiếng cười, tiếng nói, tiếng động quen thuộc hằng ngày. Chung quanh Thầm, giờ đây, ngày cũng như đêm, bao nhiêu tiếng ồn, tiếng động chỉ toàn là những tiếng gào thét, gầm gừ của bom, hỏa tiễn, trọng pháo, súng máy, súng trường, lựu đạn, tiếng đổ vỡ ầm ầm, loảng xoảng của ngói, gạch, cây gỗ. Những tiếng động vô hồn, vô tri. Những tiếng thị uy, thịnh nộ của bạo lực, của những sức mạnh hủy diệt, tàn nhẫn, mù quáng, lạnh lùng. Của Sắt, của Lửa. Và tiếp theo là sự im vắng bản bật, nhất là về đêm. Cả vũ trụ như nín

thở. Tinh cầu như ngừng xoay.
Dòng đêm đóng thành băng giá.
Căn phố càng trở nên mênh mông,
quạnh quẽ. Không khí tịch mịch,
im phăng phắc dưới mái ngói và
giữa những bức tường vô lạnh,
không những chỉ làm nổi bật mồn
một những tiếng chuột chạy, muỗi
kêu, một gậm, thạch sùng tắc lưỡi,
tiếng gián bò qua kẽ tủ, tiếng lá rơi
nhẹ đầu tận đầu hiên bên ngoài,
mà còn làm cho tai phàm như cũng
ghi nhận được từng cái nhích chân
rón rén của Tử thần lội trong bóng
tối, từng hơi thở phều phào của
những hồn ma vừa sức tỉnh trên
đám tử thi bắt đầu phân hóa qua
các nẻo đường hay dọc bờ, dọc bụi.

Đã bốn ngày qua, và đêm nay
nữa... Thấm quả đã biệt lập hẳn

với cõi sống bên ngoài. Giữa hăn và cái hội sống ngoài vòng chiến cuộc là cả một vòng đai của lửa đạn, của tử khí, của sức giao tranh vũ bão giữa những lực lượng bạo tàn. Đơn độc, trợ trợ, với sức căng thẳng gia tăng không ngừng của cân não, Thẩm cảm nhận mỗi lúc mỗi sâu đậm thêm cái cảm giác rờn rợn, chới với và nổi tuyệt vọng của một khách lữ hành bị rơi xuống vực thẳm, cất tiếng kêu cứu mà chẳng được ai nghe.

Và chưa bao giờ hăn thêm thường, khao khát những tiếng động, tiếng ồn của những người chung quanh cho bằng đêm nay. Trong cái quạnh quẽ, vắng lặng của gian nhà, đôi bờ tai Thẩm lúc nào cũng như nói rộng tận cùng

để đón chờ nghe ngóng một tiếng cười, tiếng nói vọng lên đầu đó. Hẳn khao khát và cả những tiếng la hét, reo hò, tiếng cười, tiếng khóc, tiếng nói bi bô của lũ trẻ con mà lúc thường hẳn không ưa thích chút nào, và cả những tiếng khua động quen thuộc: tiếng giày, tiếng guốc, tiếng dép, tiếng mở cửa, đóng cửa, tiếng xô nước, tiếng kéo gàu, tiếng ho, tiếng đánh hắng. Tiếng gì cũng được, miễn đó là tiếng người, tiếng động phát ra từ con người, đánh dấu sự hiện diện của những con người. Và của ai cũng được. Là người lớn hay trẻ con, là bạn hay là thù, là kẻ đáng yêu, đáng trọng hay hèn hạ đáng khinh, trời ơi, chuyện đó không còn quan hệ nữa, điểm quan hệ là người, là những con người không có khí

giới trong tay, những con người bình thường, vô sự. Một tiếng cười thối, một giọng nói thối, một tiếng động nào đó thối, miễn là của người, của người, của những con người. Nhưng tuyệt nhiên không có. Bên kia tường, vách, đáp lại sự mong mỏi, trông chờ, khao khát của Thẩm chỉ có sự thinh lặng, im vắng bản bật kế tiếp nhau một cách liên li ở khắp nơi trong khu phố chết, ngoại trừ những tiếng kéo lê gót guốc và những tràng cười thỉnh thoảng được ném sang từ gian nhà cô Năm Tàn nhang. Cũng có thể vì thế mà những tiếng cười hô hố, cả đến cái giọng cười sặc sụa, ngổ ngáo vô duyên vô nghĩa của người đàn bà lảng giềng hẳn thường ghét cay, ghét đắng, từ mấy hôm nay chẳng những không

còn làm cho hấn bực mình, khó chịu như thường lệ, mà trái lại còn được hấn chờ mong khi thấy vắng, và đón nhận, với sự thoải mái, hài lòng mỗi khi chúng xuyên tường, xuyên vách bay qua. Rồi lần lần, những thứ thanh âm tầm thường, khả ố, bất trị ấy đối với Thẩm lại trở nên cần thiết, không kém gì gạo ăn đang bắt đầu khan hiếm trước sự đe dọa ngày thêm nghiêm trọng của nạn đói nhất định phải xảy ra vì chiến cuộc kéo dài. Chính trong hoàn cảnh này, hấn mới nhận ra những tiếng cười, tiếng la hét vô lối, tiếng guốc kéo lê lẹp kẹp chát chúa trên nền xi măng, tiếng động soong chảo, tiếng mở vòi nước, tiếng xê xích bàn ghế, tiếng ca hát trân tráo vọng qua từ bên nhà cô Năm, nói chung là những tiếng

làm ồn vô nghĩa của một con người tầm thường, thấp kém nhất, đáng ghét nhất, cũng có thể có một giá trị ủy lạo rất đáng kể đối với con người trong cái thế bị gián cách, cô lập với cuộc sống và bị dày dụa trong cõi cô liêu vắng hắt bóng người. Trái hẳn với trước kia, vào những lúc súng đạn im tiếng, khu phố chìm đắm trong cái không khí sâu uất nặng nề của bãi tha ma, Thăm lại càng nôn nóng được nghe những tiếng động, tiếng ồn quen thuộc ấy, hầu như đó là dấu hiệu cuối cùng còn sót lại của cái cộng đồng hẳn đang cách biệt, nhịp cầu tương thông duy nhất giữa hắt với nhân giới bên ngoài.

Nhưng rồi đã hai hôm nay những dấu hiệu cuối cùng ấy cũng

không còn nữa. Đã hai hôm, tiếng cười vắng bật, tiếng guốc lẹp kẹp cũng vắng dội trên nền xi măng, tiếng mở cửa, đóng cửa, xổ nước, dội nước, động soong, động chảo cũng biến đâu mất hết. Cái gì đã xảy ra cho người đàn bà ngổ ngáo, vô tâm, vô tình ấy ?

Thấm không nghĩ đến những gì rủi ro. Hai nhà sát vách nhau, nếu có xảy ra tai nạn về bom đạn thì hẳn đã biết rồi. Có thể vì tình hình trở nên nghiêm trọng, cô Năm đã thừa một lúc thuận tiện nào đó, chạy liều về khu an toàn. Cũng có thể là cô Năm bị ốm. Nhưng vì lẽ gì chưa rõ, hẳn vẫn thấy khó chịu vì sự im vắng đột ngột và càng để ý nghe ngóng tiếng động.

Tối hôm nay, một cuộc đụng độ ác liệt lại vừa xảy ra. Và, sau đó, cả khu phố lại rơi vào trạng thái á khẩu, ngất lịm, để thỉnh thoảng, bất thần, phải rùng mình choàng tỉnh vì một vài loạt A.K. hay một tiếng đại bác nổ long trời, chuyển đất. Có gì, qua cái âm hưởng dữ dội của những sức chấn động bất thường này, trong lòng đêm già nồng nặc mùi thuốc súng hòa lẫn mùi tử khí, gieo cho hẳn một ấn tượng ghê rợn, não nề. Hẳn đang sống đâu đây ? Chung quanh hẳn, ngoài kia, phải chẳng là cái khung cảnh của một tỉnh cầu hoang dã, chưa có bóng người, chỉ có bóng đám khùng long hung bạo, hiếu sát, hiếu chiến, hơi thét chuyển thành những cơn gió lốc, bước chân rúng chuyển đất liền, đang tranh hùng,

thanh toán lẫn nhau ?

Chính cái ấn tượng ấy càng làm tăng thêm ở Thăm nỗi khao khát, mong ngóng những tiếng động quen thuộc hàng ngày.

Nằm sát cửa hầm, không ngủ được, Thăm hút thuốc liên miên, lóng tai nghe ngóng. Màng nhĩ của hắn căng thẳng theo sức căng thẳng dữ dội của cân não, như cố tung ra một mạng lưới tinh mật để đón bắt những âm thanh tế vi nhất vọng lên từ cõi nhân giới, từ những con người. Sự im vắng tàn nhẫn khiến Thăm dâm tiếc là đã không giữ chiếc máy ra-đi-ô khi ông bác muốn để lại. Vào những lúc này mà có máy ra-đi-ô thì đỡ khổ biết bao. Một nguồn an ủi lớn.

Không biết là bao nhiêu thời khắc đã trôi qua... Bỗng một cơn gió nổi lên. Rồi gió lên nhiều. Tiếng vạt vĩa của những tàng dào, trứng cá, tiếng rung chuyển ồn ào của các mái tôn ở bên ngoài mỗi lúc mỗi dữ dội thêm. Có tiếng những cánh cửa tôn khung gỗ đập mạnh vào tường vọng lên từ phía phòng tắm. Rồi có một lúc, thoang thoảng đâu trong tiếng gió ào ào, Thăm nghe như ở gian nhà bên hữu có tiếng trẻ con reo lên văng vẳng, tiếng cười, tiếng dép kéo lê trên nền nhà. Ngạc nhiên và không tin ở thính giác của mình, Thăm chui vội ra khỏi hầm, lóng tai, nghe ngóng kỹ hơn. Và lạ thực... Rõ ràng là những tiếng động quen thuộc ấy. Rồi từ bên gian nhà cô Năm Tàn nhang lại có tiếng cửa tôn đập mạnh. Vì các gian nhà

thuộc dãy nhà gian này cùng xây cất theo một kiểu như nhau, Thấm biết đó cũng là cánh cửa phòng tắm. Nhưng hẳn vẫn để ý và lóng tai. Thấm bỗng thở dài, nhẹ nhõm. Thực không còn nghi ngờ gì nữa, tuy rất đáng ngạc nhiên. Không phải chỉ có tiếng cánh cửa chạm mạnh vào tường, mà còn có cả... tiếng guốc nện nhanh trên nền xi măng, có tiếng mở cửa ăn thông nhà trên với nhà dưới, có tiếng khua soong chảo, soạn chén bát, có tiếng đẩy ghế, và, đây rồi... tiếng cười, tiếng cười hô hô, tiếng cười ngổ ngáo, sắc súa lại nổi lên sang sảng, như muốn lấn át cả tiếng gió gào, mưa thét. Như thế là nghĩa làm sao? Những người chạy loạn đã trở về chăng? Trở về giữa lúc chiến cuộc sôi động? Đang cơn mưa gió lu bù?

Vô lý! Với cô Năm hẳn có thể nghĩ là cô ta bị ốm mấy hôm nay, giờ đây mới dậy được. Tuy bán tin, bán nghi, nhưng những thắc mắc này vẫn không làm suy giảm cái cảm giác nhẹ nhõm, thoải mái và niềm vui trong lòng Thẩm, vì càng để ý lắng nghe, hẳn càng nhận được rõ rệt hơn các tiếng động vừa rồi qua những tiếng động và sự ồn ào do mưa gió gây ra.

Quả thực, tuy gió càng nhiều, rồi mưa càng lớn, nhưng những tiếng mưa rơi xối xả trên mái ngói, mái tôn, trào ra từ các ống xối, đổ xuống từ các mái hiên, tuôn mạnh vào các thùng phuy, thùng thiếc, hòa lẫn với tiếng gào rít của cây cối dưới sức gió cuốn cuồng loạn, thay vì lấn át, càng làm cho những

tiếng động quen thuộc, những tiếng người quen thuộc ấy nổi bật thêm lên, rõ rệt thêm ra.

Tự nhiên, gian nhà trống trải, bầu không khí lạnh lùng bao quanh như được sưởi ấm. Và trong cái trạng thái thờ thối do sự nói giã của cân não, Thẩm cảm thấy như vừa được thoát khỏi, bởi một phép lạ, cái cảnh tù đầy đảng coi là bất hạnh và hãi hùng nhất trong các hình thức tù đầy dành cho con người.

Và trong tiếng ru của mưa, của gió, của những thứ âm thanh đã mất đi vừa tìm lại được. Thẩm chớp mắt lúc nào không hay. Trong giấc mơ, hắn thấy hắn dờn bỏ gian nhà ra đi, không phải là dưới làn mưa tầm

tã, nhưng là dưới ánh sáng lơ mơ, huyền bí của vầng trăng hạ tuần. Và khu phố chỉ còn là một bãi hoang, ngổn ngang những đồng vôi, ngôi vụn, gạch vụn, một bãi hoang đầy cả xác chết, nằm sóng soài, la liệt, chen chúc, nối tiếp nhau lớp lớp, hàng hàng. Hẳn rảo bước rất nhanh, rồi lại đâm đầu cố chạy để mong sớm thoát vùng tử địa tràn ngập xác người. Nhưng tuy đã hút hơi, đuổi sức hẳn vẫn không thoát được vòng vây trùng trùng điệp điệp của đám tử thi cứng đờ, lạnh buốt. Hướng nhìn về phía trước, thấy có bóng người, hẳn mừng rỡ, đuổi vôi theo và cất tiếng gọi. Nhưng bóng người biến đâu mất hút, trong lúc đâu từ phía sau, có tiếng quát tháo dữ dằn: "Đứng lại. Muốn sống thì đứng lại ngay !" Hẳn

giật mình bừng tỉnh. Bên ngoài, có tiếng đập cửa và tiếng gọi ngay tên hắn:

– Cậu Thẩm. Dậy chứ, trưa rồi.

Hắn nhận ra tiếng cụ Khánh. Qua khe cửa, Thẩm biết là trời đã sáng hẳn rồi. Lại nghe có tiếng nhiều người qua lại. Vừa mở cửa, Thẩm đã thấy cụ Khánh đứng chực bên ngoài :

– Hú hồn, hú vía. May ra có thể yên được, cậu ơi. Ba bốn ngày nay cứ tưởng là khó mà thoát chết. Qua lại không được cũng lo cho cậu. À này, mụ Năm Tàn nhang chết rồi.

Thẩm kinh ngạc :

– Chết hồi nào ?

– Đã ba hôm rồi.

Thậm càng sửng sốt hơn :

– Vô lý !

– Cậu không tin hả ?

– Thì mới khi hôm...

– Mới tối khi hôm? Cậu nói gì vậy? Mụ ấy chết đã ba ngày, xác sinh thối. Chẳng biết tối ba mươi, phải, đúng là tối ba mươi, nay là mồng ba, mụ ấy chạy ra xe làm gì, vừa tới trước đầu máy thì bị trúng đạn chết tươi, không kịp ngáp.

Thậm nhớ lại những tiếng cười, tiếng động bên nhà cô Năm trong đêm qua, hấn rùng mình, nghe ớn lạnh. Nhưng ngay lúc ấy, một chiếc máy bay vừa lao mình tới,

rà gần sát nóc các dãy nhà gian. Tiếng động cơ gầm chuyên gắt gỏng, chát chúa, chối tai, và hình ảnh các phi công như gọi lại một cái gì. Tự nhiên Thẩm quay nhìn về phía gian nhà bên hữu, lặng ngẫm hai cánh cửa đóng kín, còn giữ nguyên vẹn sợi xích sắt lớn có khóa, chứng tỏ chưa một ai ở nhà này đã trở về trong đêm. Gian nhà cô Năm cũng vậy. Thẩm vụt hiểu ra. Hẳn nhớ đến trường hợp những phi công bị rơi trong sa mạc, lang thang dài ngày giữa bể cát mênh mông, bị hành hạ bởi cái khát, bởi sự cô đơn, và trong cái tình trạng suy nhược của thể xác, bất định tỉnh của tinh thần, lắm lúc đã thấy ngay phía trước mình hiện ra rõ ràng như thực, một suối nước mát ngọt hay một nhóm lũ hành cầm

trại đang nổi lửa nấu thức ăn, vấy tay kêu gọi. Nhưng khi bươn bả đến nơi thì, hỡi ôi, tất cả chỉ là ảo ảnh.

Thăm ngậm ngủi thở dài, Trường hợp của hân cũng chẳng khác gì. Những tiếng reo cười, tiếng dép lếch thếch của trẻ con ở gian nhà bên hữu, những tiếng mở cửa, đóng cửa, tiếng động soong chảo, đĩa bát, tiếng quốc kẹp kẹp và tiếng cười, tràng cười ngổ ngáo bên nhà cô Năm trong đêm vừa qua cũng chỉ là những ảo giác tạo nên bởi cái khao khát, thèm thuồng « tiếng người », cái thèm khát của con người trong thế bị cô lập triệt để giữa một vùng giao tranh mà tiếng nói, giọng nói chan chứa tình người đã bị lấn át, dập tắt hoàn

toàn bởi cuộc đối thoại ồn ào, náo động của cuồng khí, bạo lực sôi reo máu lửa.

Cụ Khánh sau mấy tiếng ho khúc khắc, cất giọng khàn khàn:

– Lão Năm được tin lên đây nhất định là sẽ nhờ tôi về chuyện tầm liệm. Phải giúp chớ làm sao bây chừ. Sinh thối như rứa cha thằng nào dám mó tay vào. Thuê bạc vạn chưa chắc bọn chúng chịu làm. Mà thuê ai bây chừ, có ma nào mà thuê. Mình phải giúp chớ. Mình sống ở đời, có chi đi nữa cũng giữ cái đức làm đầu...

Cụ Khánh lại ho, rồi nói tiếp, giọng đầy xúc động:

– Nó sống thì mình ghét cay, ghét đắng. Nhưng bây chừ nó chết bất tử như rứa, mình lại thấy thương tâm. Tội nghiệp !

Thăm nghe như chính những cảm nghĩ của mình vừa được nói lên. Vì quả thực, bao nhiêu ác cảm từng có đối với cô Năm Tàn nhang lúc này đã tiêu tan sạch cả, lòng hẳn chỉ nghe mình mang trĩu nặng những đau xót, buồn thương.

PHAN DU

(trong Hang Động Mới,
Tân Văn số 31, 15-11-1970)

Kim Tuấn

Đường ra biên giới

Mai ra biên giới rừng xanh lá

*Đứng chồm núi cao nhìn mây
bay*

*Xa nhà ngất ngưỡng dẫm hơi
thuốc*

*Chiều xế hoàng hôn lạnh phủ
đầy*

Đường đi ngun ngút sương mù
khuất

Vút đỉnh trời xa rừng núi xa

Gió hú đầu cây chân đá dựng

Gềnh nghiêng thác đổ nổi
thương nhà

Thương nhà ta uống voi bầu
rượu

Nhớ bạn đành quên ngựa mặt
cười

Đất đỏ bụi hồng thân gió cát

Mai về quê cũ biết còn ai ?

Còn ai chinh chiến vui cùng lửa

*Súng ngó trời xanh mắt ngó
rừng*

Đêm đốt đèn soi mình với bóng

*Phương trời em đó có rừng
rừng ?*

KIM TUẤN

Thanh Tâm Tuyền

Nắng chiều

ạo dừng chân trên hè, ngửa mặt trông. Buổi chiều còn dài theo trận mưa thoáng đầu mùa, mưa đột ngột trên một quãng phố ngắn nào đã qua. Bầy chim én bay liệng từ tầng nhà này sang tầng nhà kia, mất hút trên những nóc cao, rồi xuất hiện tụ tập rồi rít trong không trung ngay trên đại lộ tuôn chảy xe cộ không ngừng. Tạo đứng ngây trong một vài phút hiếm hoi,

những phút như di chuyển từ một không gian khác đến, có lẽ là thừa sót lại của một chuyến đi đang bị vùi lấp quên lãng. Tạo ngưng tụ tinh thần, vượt trên dòng náo động nườm nượp của buổi chiều ở trung tâm thành phố, vượt trên những chòm cây xanh chạy dài miết trong cái lũng sâu - các bờ là những tầng nhà đồ sộ - mà Tạo ở dưới đáy, muốn nghe lọt những tiếng chim kêu. Trong mắt đầy ắp bóng hình màu sắc chuyển động của đám đông tủa khắp - trên vỉa hè, trong các công viên, quanh bồn nước phun trắng bị xe cộ bao vây, trước các cửa hiệu, các quán hàng, trong lối vẽ trắng ngang lộ - Tạo mừng tượng nghe lại khúc hát của con chim rừng - đơn độc lúc thật khuya lặng. Dường như Tạo

có nghe thấy nhưng sao không thể nhớ rõ rệt - những nốt vẫn giống giả vang ngân đâu đây nhưng Tạo không thể chụp ghi đúng chỉ bắt lại những hình ảnh phụ thuộc như Lucie, Khôi, Lộc, tiếng hát ồm của Luigi. Thần trí căng thẳng, trùng rã nổi hiện như đêm thức trắng còn gần.

Trong góc quen của quán nước, qua khung kính lớn sáng trong, Tạo lại ngồi nhìn buổi chiều dần xẫm tím trên nóc nhà hát thành phố, người qua lại ngoài hè, mấy chiếc xích lô gác bên lề, những người lớn trẻ con dạo mát hoặc ngồi nghỉ trên băng đá không lưng dựa trong khoảnh công viên trước nhà hát, kiến trúc đến cách trang trí là cả một thời thuộc địa, tòa quán rượu

bên kia đường trên thềm cao của một khách sạn từ kiến trúc đến trang trí là cả một thời thuộc địa, tòa building mười tầng mới mẻ trên dinh cao vọi ống khói bếp nhà hàng tuôn nhả đều đặn... Tạo uống một hai chai bia, đợi buổi tối, trong bầu không khí tắt lặng lúc nào không hay ; có thể gặp một vài người quen tụ họp nhau quanh một bàn, hai bàn, lờ lững im câm nghe đủ thứ chuyện trong thành phố, trên thế giới, hay đôi lúc bất thần giận dữ gây gổ vô lý, cũng có lúc đùa rỡn phụ họa cho thành một cuộc vui chung mà mỗi người hiện diện là một nhân vật.

Mùa mưa đến sớm, những buổi chiều sau Tạo thường bị cầm chân muộn trong quán. Khi một vài

người ngoại quốc đã đến ăn bữa tối, Tào vẫn còn ngồi trước cốc bia nhìn những đám mưa ào ạt nhòa nhoẹt thành phố bên ngoài ; nhiều bữa mưa dai dẳng đến tận lúc rạp chiếu bóng gần đây tan xuất đầu tối, đám khán giả tuôn ra đi nem nép ngoài hè quanh lồng kính đón xe, Tào vẫn chưa dời khỏi chỗ. Từ chỗ ngồi này, lần đầu tiên mới đến Sài Gòn được Hoán và Giác đưa tới, nhà hàng còn chưa bọc kính chỉ cách hè một vách tường ngang tầm người, Tào đã phê bình : ở đây yên ổn trường giả quá nhỉ, nhưng Giác bảo ngồi ở đây nói chuyện yên chí tha hồ tự do, xung quanh toàn bọn Tây, bọn dân Tây, khỏi ai tò mò, đừng có mặc cảm đây là Sài Gòn không phải như hậu phương hay Hà Nội, chỗ này cũng như Tây

(Giác đã mất tích, bị thủ tiêu, hình như bị cột đá ném xuống một chiếc giếng cạn rồi người ta lấp gỗ bít miệng giếng ; lần cuối cùng gặp nhau Giác vẫn lạc quan: chúng nó còn cần mình, mình biết, mình không có lực lượng mình cũng còn cần tựa vào đấy...) qua lớp mưa dày Tạo ngó thêm Nhà hát thành phố hiện lênb đênh, rộng ngát, bị hút sâu vào vòm tối lui ở trong. Trên khoảng thềm ấy, không cao rộng bằng cửa Nhà hát Hà Nội, trong góc cột dưới vòm một buổi tối cũng đầu mùa mưa, Tạo đã cùng ông ta đứng trú đợi xe, trông suốt đại lộ thẳng đến bùng binh chợ, ông ta vận bộ đồ xám tay xách cặp da bập từng ngậm thuốc dài. (Đó là thời ông ta bắt đầu bước ra trước ánh sáng chính trường, thời

họp Đại hội Toàn quốc đòi độc lập hoàn toàn với Pháp trước Hội nghị Genève); Tạo tự hỏi không hiểu bây giờ có một lúc nào ông đứng núp mưa trong buổi tối, nhìn phố xá rét mướt buồn hiu, không muốn trở về nhà cũng không muốn đến dự một buổi hội thu hẹp của những tay chủ chốt công cuộc, không hiểu bây giờ ông ta có còn nói một câu bằng quơ như hôm ấy : mưa xuống dễ chịu quá, rồi quay lại bảo : ông Tạo có vẻ nóng ruột...

Sau khi đã chán chê những ý nghĩ quẩn quanh, những cảnh lượng qua lớp kính mù bụi nước hoặc in trong các tấm gương bao quanh các cột trên mặt có đề các món ăn thức uống bằng sơn màu, Tạo đẩy cánh cửa kính dày nặng

lách mình ra khỏi hàng quán, dù hôm không mưa nữa cũng chạm phải một thoáng ngập ngừng phân vân, có bữa sức hoảng động ngỡ ngàng, trước buổi tối, nhưng cũng tan mau, Tạo lại tìm đến chốn ngồi quen ăn bữa tối. Tạo thả mình trên chiếc xích lô bập bênh mười phút trên đường phố. Đến những người phu xích lô đậu đón khách ở các góc hè, mấy anh hầu bàn trong các hàng quán, cũng thuộc phần nào các thói quen của Tạo, sau một thời gian xa vắng người ta vẫn không quên, hỏi nhắc lại như mới trí nhớ phụ thuộc. Trong tiệm cơm Tây của người Tàu gần chợ, Tạo vẫn gặp lại anh chàng luật sư độc thân trai lơ, quần áo thể thao, đặt cây vọt đánh banh nỉ trên bàn, ngồi một mình như Tạo, mỗi bữa trưa

chiều đều uống một ly rượu chát, chỉ một ly không khi nào thấy hơn, vừa ăn vừa đọc báo chẳng để mắt đến ai suốt từ khi vào. cho đến lúc đứng dậy. Tào cũng mua một tờ báo ngày hôm sau phát hành bán từ chiều nhưng chỉ đọc sau khi đã xong bữa, đọc chăm chú gần như không bỏ sót các mục quảng cáo, tin mừng, tin buồn những buổi quá rồi rảnh. Trong một tiệm khác, bữa nào thèm nghe tiếng động khua bên tai, Tào vẫn gặp những chiếc bàn dài đầy chát chai cốc và đám dân áp-phe mặt mày đỏ ké ngả nghiêng lớn tiếng mời ép nhau rượu. Vào buổi trưa Tào vẫn gặp người đàn bà, không rõ thiếu nữ hay thiếu phụ, thui thủi trong quán cơm bán các món thường ngày theo lối Bắc, thỉnh thoảng liếc kẻ khác xem có

dòm ngăm mình không và người chủ quán ngồi ăn với vợ con những lúc ấy lại nhăm nháy ra hiệu xúi bầy Tào làm quen. Rất ít khi buổi tối Tào ăn ở nhà hàng trong building trú ngụ, thường Tào về nhà hàng đã nghỉ, tắt bớt đèn.

Vào một buổi tối khuya đã sắp ngủ, Tào nghe tiếng chuông điện thoại gọi, nhắc lên nghe hỏi : Ông Tào mới về đó hả? Ông về hôm nào thế ? Tào ngớ mắt vài giây, nhăm tinh trong đầu, mơ mơ hồ hồ, một phần cũng vì bị giật thức và đã đáp : Có lẽ gần một tuần hay hơn một tuần... Bên kia đầu dây, giọng ngạc nhiên : Thế à ? Tôi không biết đấy, tôi cũng vừa đi nghỉ về, ông có vẻ buồn ngủ phải không, bữa khác tôi gặp ông vậy... Buông ống nói, Tào

bàng hoàng thức hẳn, ra đứng tựa cửa sổ. Đã hơn một tuần qua, Tào trở lại Sài Gòn và vẫn lơ lửng trôi nổi không một quyết định rõ rệt. Tào tự hỏi có phải ngấm ngầm mình đã bằng lòng an phận hay đang mơ màng đón đợi sự gì. Tào nhớ đã quyết tâm lắm khi báo cho Khôi biết mình dời đồn điền trở về Sài Gòn, không phải vì Lucie - người đàn bà chỉ là cái cớ phụ thêm - nhưng bây giờ Tào không sao trông thấy chốn sẽ đi tới. Chỉ cần một tuần lễ những thói quen đã làm lu mờ, tan biến ý định mãnh liệt, trong những đêm lồng lộng ôm phủ Tào mở mắt thao láo tưởng như mình đã lìa bỏ hẳn cõi đời này sống ở cõi đời khác không còn dính líu với quá khứ. Chỉ cần một tuần lễ Tào đã như vẫn nằm nguyên trong

những ngày cũ, không nhúc nhích, vẫn như chiếc bóng mập mờ lảng vảng của chính mình trong vòng quay mòng mòng hiu hắt.

Thời tiết đầu mùa mưa nhẹ nhõm dễ chịu kêu gọi sự bông lông phù phiếm, nhắc nhở thêm một số thói quen bỏ quên lâu ngày, những thói quen gắn liền với một cảnh ngộ thỉnh thoảng xuất hiện trở lại như dấu hiệu của cơn khủng hoảng ngầm (đang diễn hay sắp đến, không thể phân biệt). Táo ngủ trần hay lỏa lồ, đầu hôm trần nhưng lúc thức tỉnh thấy mình lỏa lồ hồi nào không hay, không mộng mị, ngủ vùi nhẹ thênh như trượt lướt không gặp sức cản, sức trì nào, gần sáng bị đánh thức vì hơi lạnh giá lùa quá cửa sổ mở, Táo

nhóm dậy mặc quần áo châm thuốc lá ngồi hút trong bóng tối còn phủ ngập, Tạo nhớ những ngày còn bị giam ở Nhà Thiếc, thói quen trở dậy vào lúc nửa đêm về sáng hút thuốc nhìn trời có từ ngày ấy, Tạo ngồi ngây trong tiếng rì rầm ngoài phố xa, khu chợ gần, chập chờn hư thực cho đến khi những tiếng động hiện thành rõ thực Tạo ngủ trở lại. Sáu tháng ở Nhà Thiếc Tạo đã phải để dành những mẫu thuốc dư cho những phút ấy, những phút bỏ lửng trong mộng ước bất cần ảnh tượng, phập phồng theo hơi thở quanh mũi, tiếng nện thịch thịch trong ngực và sự run giật của mạch máu bên màng tang hay vài sợi thịt trên mặt.

Trong gian buồng trần trụi, trong chiếc lồng treo cao cũng giống như trong nhà tù, hết thảy của ông ta (ông ta bảo Tạo không thể nào chống lại ông ta, bảo đừng tự ái, những hiểu biết về nhu cầu lịch sử để đâu không vận dụng đến, bảo phải hiểu những lúc lịch sử và vai trò của một số người, bảo chưa phải lúc, ông ta không thuyết phục, nói đều đều như tiếng rì rầm xa xôi vọng tới qua một lúc thức của ông ta) vẫn hơi gió thổi se bít các lỗ chân lông, chút hương đêm nhạt nhạt như khói thuốc những giọt mưa lộp độp trên mái tôn thụt tuốt dưới dây sâu thấp, không khóa lấp nổi sự biệt tịch của giác quan bên sự căng thẳng đột ngột của cơn dục trơ khắc như tiếng vang của hồi còi dài âm u không

dứt. Hồi còi xe hỏa lẻ loi bên ga đường như đã vắng lâu không còn thối rúc nữa, hình ảnh chuyển xe chạy băng băng rầm rập trong đêm, lượn bên những bìa rừng chui qua những hầm núi tối ngộp hơi than, sát bờ biển đang mờ mờ ló dạng với những hồi còi hối hả đã giúp cho Tạo thức qua những đêm mưa nhận nhạo chung đựng trong nhà giam, sáng khoái tuyệt vời.

Giấc sáng trời đẹp, Tạo dời building sau khi nhắm nháp bình trà nóng tự pha lấy. Hành lang, các bậc thang đã được lau chùi sớm lập lòe phảng phất một chút hơi ẩm như không khí bên ngoài thừa thãi tỏa lan vào. Con Hương, mặc áo ấm da hồng hào hơn, gương đôi mắt tròn ngó Tạo đi ngang, trên

cầu thang nó tựa lưng vào tường đang hai tay như bám vào chỗ tựa, ngửa mặt chờ một nụ cười và Tạo bắt buộc mỉm cười, trước khi chớp chớp mắt chào hỏi : ông Tao đi chơi, ông Tao mới về... Con Hương sống với mẹ và đưa em nhỏ ở buồng cuối hành lang cùng dãy với Tạo. Con phố hẹp, dãy nhà trước building lạnh tanh không chút hoạt động. Giờ đến sở đến trường đã qua, Tạo ngồi uống cốc cà phê buổi sáng hăng giờ, ở bàn bày ngoài hè phố, có những cây me lớn xum xuê, lá nhỏ bay rụng trên những viên đá lát ô vuông, trên mặt nhựa lún chặt các nút chai của quán vút liệng, gần một ngã tư có vườn bông nghiêng dốc cao hơn mặt hè, quán sách bảo cũ, những chiếc xích lô bỏ không. Viên cảnh sát điều khiển

đèn lưu thông và bên kia đường tòa nhà cao các khung cửa lấp sau các chòm cây. Chi trong giấc sáng, sự lần lửa khát hẹn âm thầm ở trong Tạo hòa nhập với thú đông đưa lấp lửng như ngọn gió, ánh nắng, Tạo có được những phút xơ xác hoàn toàn như thể không còn gì có thể kết đọng được nữa, Tạo đã nghĩ có khi những ý định cũng là thói quen tốt, và tất cả chỉ là sự ngân nga, những ngân nga sống thực một lúc nào, còn lại là sự cố níu kéo nguy tạo hoại hủy. Những lúc này là những cơn điên tỉnh như Khôi nói, Tạo hiểu có sao mình thường bỏ đi vào giấc sáng, rồi sẽ bỏ đi nữa dù mọi ý nghĩ đều bị triệt hủy, như biết chắc chắn. Người ta gọi là linh cảm, mình sẽ chết, sẽ vút biến, sẽ hóa thân không biết thế nào trong

một sáng mai bảng lảng thờ thần không chuyển động. Ông ta có hiểu như thế không ?

Tạo tìm trở lại bên bờ sông, ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành mây, xa hẳn cái quầy rượu không người, nghe mấy đĩa hát phổ thông tình tứ, đợi người đàn bà từ trên gác xuống lấp nửa mặt sau bình bông trắng hoặc hồng, rửa móng tay hay làm dáng điệu mơ mộng, tán tỉnh lảng nhãng đặc giọng anh chàng vô công rồi nghề cần tiêu hết ngày phiên nản, vừa tán tỉnh Tạo nghĩ xem mình đã thật nhiễm lối trưởng giả chẳng như Hoán cảnh cáo. Người đàn bà cười khúc khích, áp má xuống mặt quầy, môi thười trề, uốn ngực tới đưa tay vuốt những lọn tóc, bồng

dưng thu nép khoanh ôm lấy hai vai mình, mắt nheo tít như muốn nhìn thật xa, người đàn bà không hề thay đổi trong dáng điệu ngồi nguyên một chỗ cũng nhìn ngắm Tạo trong dáng hiện của những buổi sáng vui đùa quá quen thuộc trong quán vắng, những buổi sáng cũng như những câu nói, cử chỉ, cảm xúc thêu dệt sẽ biến sẽ hiện, sẽ lặp lại không cần phải lưu tâm. Đang huyền thuyên, Tạo khựng ngắc như vừa bước hụt, thấy mình kịch cỡm đang bày trò hề cho mình xem, thoáng buồn bã tê rần như bị điện giật, tự nhủ không có gì hết, rõ ràng mình là một vai hề được ông ta nuôi dưỡng, vội cười nôn khiến người đàn bà chẳng hiểu rõ cười sự gì, vừa cười Tạo lại nghĩ nhưng mình sẽ đi và lần này không

thể còn trở lại, chắc chắn không thể trở lại.

Tạo không mong nhưng vào một buổi thức giấc ngồi hút thuốc lá Tạo nhận ra Lucie không vội vã đuổi theo như đã tính khi dời bỏ đồn điền và ông ta cũng không gọi điện thoại lại để hẹn một cuộc gặp mặt, mưa nhỏ giọt đều bên ngoài, Tạo trầm mình trong hơi lạnh gây gây, thanh thoi tự do không ràng buộc. Tạo tự hỏi nếu như người đàn bà ấy và người đàn ông ấy vụt biến mất có cần thiết phải bỏ chốn này không, có phải mình trốn chạy như Lucie nói và sẽ không trốn chạy được, ông ta không nói nhưng trong cách đối xử, thái độ tỏ cho hiểu ông ta thấu suốt là mình vẫn chỉ chạy quần, vung vẩy tay

chân vì mớ tự do rồi nùi quần bám (có thật ông ta nghĩ như thế ? hay vẫn chỉ mình nghĩ ông ta nghĩ như thế). Tạo không thể ngủ trở lại hút nhẩn những điều thuốc lá, thân như chiếc thùng rỗng dội những âm thanh mờ mờ nhạt phếch như ánh ngày trong trận mưa dầm lê thê, Tạo quên cả mặc quần áo, hắt hơi liên hồi, da ẩm như mọc những mụn nấm nhọt. Có lẽ một cơn bão rớt thối về, buổi sáng trời chất nặng gió thốc, nhận chìm mọi sinh hoạt thường vọng lên từ dãy nhà trong đường hẻm, Tạo đi quanh trong buồng đóng kín, thay quần áo định ra đường rồi lại cởi, đầu lơ lơ giống khúc gỗ rần rần nhiều cục bấu khó bửa. Tạo tưởng tượng mình như một nhân vật tiểu thuyết tự nguyện giam mình vài mươi

năm không chịu tiếp xúc với thế giới bên ngoài, bản thủ hồi hám lông lá mọc đầy như quái thú, đêm đêm, ngày ngày không phân biệt, viết những lá thư, những lá thư trống không cho ông ta hiểu về cái hố ngăn cách sâu hút không đáy, không phải vì tuổi tác, không phải vì lập trường, không phải vì quyền lực địa vị, không phải vì tất cả những điều ông ta suy lý giải thích được, mà chỉ vì mỗi cảm thức của mỗi người, mỗi đời người, những tần số sai lệch không sao bắt gặp, không sao hòa, mà chỉ vì ông ta không biết làm thơ, mặc dầu ông ta có hỏi : ông Tạo sao không làm thơ nữa, ông có bảo : ông làm thơ nữa đi, nghĩa là ông không hiểu tại sao Tạo không làm thơ nữa. Cũng như Lucie bảo Tạo : Bất hạnh cho

anh, anh chẳng hiểu âm nhạc là gì cả, đúng, Tào có thể lắng tu trong mớ âm thanh tạp nhạp hằng ngày nhưng để hút vào trong cõi hòa điệu kín mít chảy loãng như một nền trời thăm thì chẳng đời nào, như nhắm mắt dẫn vào cõi chết vậy, Tào vào phòng tắm, chà răng tắm rửa, cố quên vị đắng cứng trong miệng, cảm giác thiếu thốn rền ràng, xuống phố trong trận mưa lướt thướt.

Buổi tối đến ủ rũ lạnh lẽo. Tào ngồi lì trong quán nước không còn muốn xê dịch không chú ý đến thời khắc, sau giờ tan sở một vài mặt quen ghé bàn chuyện trò âm ỉ, rồi thấy khách ngoại quốc vào ăn tối, đám khán giả tan chiếu bóng đi ở ngoài, tiếp theo một vài đôi lúp xúp

vào tránh mưa đợi xem xuất hát chót trong ngày, cuối cùng là chẳng còn ma nào trong hiệu, cả mấy chiếc xích lô gác ngoài cửa cũng mất dạng, Tạo vẫn chưa dời nổi chiếc ghế, chưa đi ăn, Tạo không muốn trở về buồng nhưng cũng không biết phải đi đâu, chẳng lẽ đến mấy hộp đêm ngồi ngây đực, uống rượu khật khưỡng, Tạo không muốn say, vả lại tin mình không thể say nổi, quá lắm chỉ đến chóng mặt ngủ vùi tổ nhức đầu thêm. Trong bữa ăn muộn Tạo giật mình tê điếng, nhìn thấy mình đang cầm cái nĩa ấn sâu vào cườm tay rướm máu, rõ ràng là khủng hoảng năng không thể tiếp tục những ngày vất vưởng kỳ cục, rõ ràng từ chiều Tạo chỉ uống ba bốn chai bia, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo, chỉ có da mặt như chiếc

bình rạn, nước mắt rừng cộm, Tào cầm khăn lau che sợ bị dòm ngó. Thật kỳ cục.

Cơn bão rút qua mau như lúc đến. Khuya Tào ra khỏi tiệm ăn, mưa tạnh hẳn. Nửa đêm còn gió lạnh lùa, nhưng buổi sáng đã có mặt trời. Tào ngủ thẳng mạch không thức giấc, trở dậy còn trông rõ dấu hằn bốn mũi nhọn đâm trên tay nhưng bình thản. Trong khi tắm mát, Tào thoáng ngây ngất, vầy vọc đùa rớn lấy mình, nghĩ vừa thoát nạn, vừa kịp dừng bước nếu đã sống đến cùng cơn khủng hoảng không biết như thế nào, tại sao mình không sống hết tại sao... Tào chà sát tấm khăn lông da ửng đỏ, tê rát, nhứt định không thèm nghĩ, chỉ nghĩ đến cốc cà phê bên

hè phố gần gốc me lấp loáng những
tia nắng xuyên mỏng như sợi tơ,
chỉ nghĩ đến mặt sông nước đầy
dâng những thân tàu sắc xám nổi
cao thêm hơn, chỉ nghĩ đến dự tính
gần gũi chốc lát trong buổi sáng...

THANH TÂM TUYỀN

Văn số 167

tuyển tập thơ văn

Trần Tuấn Kiệt

Biển nào

*Bởi tìm em giữa đảo hoang,
chiều mây phủ đỉnh non vàng
sóng xanh*

*trời tuôn nắng dội bên mình,
năm nghe hải đảo vọng tình bên
sông*

lệ người còn điểm tay anh,

mà sao hồn đã tan tành bể dâu
hỏi bao con nước bên cầu.

tháng năm đùa với mối sầu tịch
dương

môi nào in vết mù sương,
ra khơi nhìn bóng trùng dương
mịt mù

gió thu hông khẽ mơn râu,
mỉm cười trắng cũng nhiệm
mầu tiến đưa.

Hăm lăm năm kỷ niệm

*Bóng thời gian đổ trận người
chim bao nhiêu lệ dưới trời bể
dâu*

*nực cười tan nát vòm thâu,
hồn thu thảo rụng đêm nào lãng
quên*

*súng còn tiếng vọng triền miên,
mây theo đuổi gió xa miền mê
cung*

*ta mang cung bậc vầy vùng,
hào hoa thoáng động vô cùng
đó em.*

Ca khúc trần gian

*Người ngồi ngó cuộc chiến
tranh,*

*quanh người bao phủ biên ghềnh
lô xô*

bọt sông nhớ chuyển giang hồ,

*nước phơi trắng giải trăm bờ
đã xa*

ngàn trùng em cũng quên ta,

*núi như mây cũng gọi là cách
ngăn*

đêm vờn với ánh sao băng,

*nghe trong mặt nhật tiếng vàng
nhớ nhau.*

TRẦN TUẤN KIỆT

Nhất Anh

Mùa thu thành phố

Khi chuyển xe lam cuối cùng bắt đầu dời bến thì thành phố đã chan hòa ánh sáng. Lâm tạt qua khu chợ trời mua cái bột đánh răng và thổi kem rồi lần thẩn đi lên phía vườn hoa Nguyễn Hoàng. Gió từ bên kia thổi bốc hơi nước dưới sông lên làm Lâm cảm thấy dễ chịu. Anh ghé ngồi ở một quán nước dưới tàng cây bồ đề và gọi một chai 33.

Người con gái hơi ngạc nhiên ở chỗ Lâm xin đến hai cái ly. Và chính Lâm cũng không hiểu sao anh lại gọi thế. Hai cái ly cho hai người, nhưng đằng này Lâm chỉ có một mình. Người con gái mang hai cái ly đựng đá đặt trước mặt anh rồi mở chai 33. Nàng liếc nhìn Lâm thật nhanh như để dò xét. Lâm nhìn lên mặt nàng sáng rỡ bên ngọn đèn bát màu hỏa hoàng và không nghĩ gì. Thành phố vào những đêm cuối thu ít người đi tản bộ và giải khát ngoài công viên.

Như thế là Lâm về đây được một ngày rưỡi. Còn đến những ba ngày nữa anh mới hết phép. Trong ba ngày còn lại, Lâm không nghĩ sẽ ăn ở đâu, ngủ ở đâu và sẽ sống ra sao. Lúc chiều. khi ở nhà Hoàng

ra, anh định lên xe buýt quân đội ra Quảng Trị rồi ngày mai trở về đơn vị, nhưng rồi không hiểu sao anh lại đi dần xuống phố và tấp vào một rạp chiếu bóng. Lâm không nhớ anh đã xem phim gì và nội dung ra sao. Tuồng như trong phim có một người con gái đẹp và người ta đánh kiếm, phi thân, đuổi bắt liên hồi. Có cả một cụ già khóc bên mộ con và gió từ biển khơi thổi rạp một cánh đồng cỏ lác chạy ra tận con sông có những cánh buồm rách tươm, Lâm nhớ về cuốn phim như nhớ chuyện trong mộng.

Người con gái vẫn loáng thoáng qua lại trước mặt anh. Cuối cùng, khi các dãy bàn không còn người khách nào, nàng đến ngồi trên chiếc ghế dựa đan ni lông nhìn

qua bên kia sông với dáng dấp mệt mỏi. Lâm ra dấu gọi nàng và xin một ít đường. Bây giờ là mười giờ đêm. Anh có ý sẽ uống thật say rồi xin ngủ luôn ở đây.

– Ở đây người ta có cho thuê ghế xếp ngủ luôn cả đêm không cô ?

– Dạ không. Bên kia đường có phòng ngủ.

Vừa nói người con gái vừa chỉ qua một căn phố cao, phía dưới còn lộ nhố những lính và thanh niên. Lâm nghĩ đến những căn phòng chật chội, hôi hám, nóng bức, những cái “ra” hoen ố, loang lổ, những thau nước bẩn cáu, dơ dáy, và những bức vách đóng bằng các-tông bị xoi lỗ đầy đó...

Hay là ông xuống ngủ dưới đò ?
Phía trên kia người ta có cho thuê
đò.

Trong giọng nói của người con gái không có ý gì mời mọc, kích thích, nhưng Lâm vẫn nghĩ đến những chiếc xuồng nan xuôi làm ăn ban đêm, cảnh buôn bán bằng những chiếc ghe con trên ngược trên một khoảng sông chở theo những người con gái chất đầy ắp những cam, quýt, thanh trà, măng cầu, ổi, táo, trứng lộn, nem, chả, tré, mực, bia, chanh, cô-ca và cả một nồi và một thùng bún to bự. Rồi suốt đêm người ta ăn, người ta nói, người ta chửi nhau, người ta làm tình, người ta nói tục (nói tục một cách trắng trợn), và càng về sáng, những cảnh sinh hoạt đó lịm

dần trong màn sương đêm trùm phủ lên sông.

Tự dưng Lâm cảm thấy nôn lợm trước những cảnh tượng hình dung đó. Anh có cảm tưởng như mình sẽ bị “ngã đạn” khi đặt lưng nằm xuống trên chiếu giường trong phòng ngủ hay trong các khoang đồ. Những vi trùng dương mai lậu mủ sẽ bầu chặt vào áo quần thân thể anh, chui rúc vào lục phủ ngũ tạng anh và đào khoét đục phá cả đến tâm linh anh.

Nhìn nét mặt nhăn nhó của Lâm, người con gái cất tiếng hỏi :

– Ông chưa bao giờ nghỉ lại ở những nơi đó ?

– Dạ chưa.

Người con gái tỏ dấu ngạc nhiên trên đôi mắt. Lâm càng ngạc nhiên về mình hơn. Từ ngày đi học, lớn lên, đi dạy, gia nhập quân đội, anh chưa biết gì về phòng ngủ, dĩ điểm. Anh chỉ biết có Châu, Trần thị Giáng Châu. Nhưng tình yêu có một đó không để làm gì. Cách đây hai hôm, Châu đã về nhà chồng, bình tĩnh, thản nhiên. Một chút buốt nhức châm chích trong tim người lính.

*

– Chúng tôi ở dưới này. Mẹ tôi và tôi chỉ có một cái giường. Anh có thể ngủ tạm cái giường đó vì hôm nay mẹ tôi về làng. Còn tôi, tôi sẽ ngủ bên dì Mai.

Lâm ngược mắt thăm dò người con gái. Anh không thấy có gì khác thường trên nét mặt của nàng. Một câu nói như bao nhiêu câu nói khác của những đồng bào các vùng anh và đơn vị đã đi qua khi hỏi nhờ chỗ ngủ. Có điều bây giờ người con gái không còn gọi Lâm là “ông” mà là “anh”. Lâm không bận tâm về điểm đó.

Trời càng về khuya, gió sông thời càng lạnh.

Người con gái vừa từ bực sông bước lên thì rạp hát vừa tan. Nhiều người băng qua đường, đi vào vườn hoa, đến ngồi ở những quán giải khát. Người con gái bước vội đến chỗ Lâm ngồi :

– Anh xuống nghỉ trước đi. Tôi

còn dọn hàng đến khuya mới xong.
Đi đi.

Câu nói như có ý thúc giục vì không muốn có trở ngại. Không biết trở ngại cho Lâm hay cho nàng. Lâm đứng dậy, với lấy cái túi vải, lần thân bước xuống bậc sông với cảm tưởng và dáng dấp của người tình, người chồng hay người thân bất đắc dĩ. Phía sau, tiếng cười nói và tiếng nấp keeng đánh bật ra khỏi cổ chai bắt đầu khua rộn.

Căn nhà được soi sáng bằng một ngọn đèn búp măng để trên bàn thờ. Bên phải là chiếc giường rộng đã bỏ mùng. Dưới chân giường có kê một cái rương. Trên cái rương là một chiếc va-li. Bên trái, thùng chai thúng mùng để ngổn ngang. Phía dưới kia là chái

bếp. Lâm định cởi giày lên giường nằm ngay, nhưng chợt thấy trên giường có cái xách tay, anh dừng lại. Có con mèo từ trong bếp chạy ra. Anh chợt nghe có tiếng muỗi vo ve đâu đó và tiếng người còn gọi nhau ời ời dưới sông. Một thế giới lạ hoắc.

Lâm bước ra ngoài, đặt túi vải lên chiếc ghế sắt rồi nằm dựa lưng trên chiếc ghế đan ni-lông để ngoài hiên. Anh nghĩ lan man đến Châu, đến mẹ anh, đến bạn bè, đến người sống kẻ chết, đến sự hiện diện của mình tại căn nhà này, trong đêm này, đến người con gái còn đang loay hoay buôn bán ở trên kia... Cho đến khi tất cả chìm dần trong giấc ngủ chập chờn. Và có tiếng khua động bên cạnh.

Người con gái đã đứng bên anh từ lúc nào. Tuồng như nàng mới nói điều gì. Tuồng như mực nước sông đã lên cao hơn khi anh mới đến. Tuồng như trời đã khuya lắm và có tiếng gà eo óc trên sông. Buột miệng Lâm cất tiếng hỏi :

– Máy giờ rồi em ?

– Một giờ.

Người con gái trả lời, như không để ý đến tiếng “em” gọn gàng, tình cờ và tự nhiên của anh. Và Lâm cũng không hiểu sao mình lại có thể xưng hô tự thị và suồng sã đến như thế. Anh đứng dậy uể oải bước vào nhà. Người con gái bước theo sau như một cái bóng. Lâm nghe có mùi nước hoa nhẹ thoảng ở đầu giường.

- Anh uống cà phê?
- Có, cho anh xin một ly.

Người con gái đi xuống bếp. Anh lên giường nằm như người thân trong nhà lâu ngày. Lần đầu tiên anh có cảm tưởng rất rõ như anh đang sống trong cảnh vợ chồng. Người vợ không xấu, không đẹp, không giàu, không nghèo, một người vợ có lẽ ít học nhưng rất thương chồng. Người chồng đi trận về, người vợ lo sẵn sóc chặt chiu từng miếng ăn, chỗ ngủ, từng cái khăn rửa mặt, đôi dép, tách cà phê... Người vợ không son, không phấn, không đòi đi phố, không rủ đi ăn kem, không cần biết đến rạp hát, phòng trà.

– Ủ, sao không thể như thế được nhỉ ? Sao mình cứ phải đòi hỏi một Giáng Châu, một Đan Hà, một Trang Thanh, một Quế Hương ? Tại sao không thể là một thị Quít, thị Bồng, thị Sen, thị Bưởi ?

Lâm thở ra như vừa tìm được một đáp số. Nhưng trong thoáng chốc, hình ảnh Giáng Châu bước chân lên xe hoa lại chồn vờn trong trí anh. Mùa thu đi qua thật mau trên con phố này. Cách đây mấy tháng, trong lần về cuối cùng, hai người còn dầm mình trong cơn mưa đầu mùa, còn xoắn láy nhau trong cơn gió buổi chiều thổi lộng qua công viên trước Trường Đồng Khánh, còn nói với nhau những điều gần như của vợ chồng về căn nhà, đứa con, khu vườn, lẽ lối dạy

đồ, cách thức làm ăn, những ngày hè thong thả...

Người con gái đã mang lên cho anh tách cà phê bốc khói. Rồi cúi thủi đi qua bên kia phía bàn thờ thu dọn những đồ đạc còn để bữa bãi ngổn ngang. Lâm ngồi nhồm dậy, có ý định bước xuống giúp nàng (như giúp một người vợ) nhưng rồi lại thôi.

Anh có thể đứng dừng ngồi uống cà phê như thế được sao ? Căn nhà này là của người con gái. Chiếc giường anh đang ngồi là của mẹ người con gái. Tí nữa đây, người con gái sẽ ngủ như thế nào ? Người con gái sẽ trải chiếu nằm trên nền nhà. Không có một khoảng trống nào ngoài khoảng trống bên cạnh

giường anh đang nằm. Nàng sẽ vắt tay lên trán. Muỗi và muỗi. Nàng sẽ không ngủ được. Nàng sẽ nghĩ gì về anh ? Sẽ nghĩ rất nhiều hay sẽ không nghĩ gì cả ?

Lâm biết anh cũng sẽ không ngủ được. Những đêm trực, anh vẫn uống cà phê để không ngủ. Nếu anh không ngủ được vì cà phê và nàng không ngủ được vì muỗi thì anh sẽ nói gì với nàng, hai người sẽ nói với nhau những gì ?

Tuy không ngủ được nhưng Lâm đã thiếp đi một lúc không biết bao lâu. Khi anh chập chờn thức giấc thì thấy người con gái nằm sát mé giường phía ngoài mùng. Ngọn đèn búp măng để trên bàn thờ như lu xuống. Sương bên ngoài mù

trời. Thỉnh thoảng hai chân người con gái chà lấy nhau để đuổi muỗi. Anh muốn đưa tay kéo nhẹ người con gái lên nằm phía trong mùng nhưng sợ nàng hiểu lầm. Lâm khẽ gọi :

– Em.

Người con gái không trả lời.

– Em.

Người con gái vẫn không trả lời. Lâm ngồi nhồm dậy và ngả lưng vào vách. Anh móc túi đánh lửa hút thuốc. Khi anh rít đến hơi cuối cùng thì người con gái hỏi anh :

– Anh vẫn chưa ngủ sao?

– Chưa. Rồi tiếp : Em nằm

ngoài, muỗi nhiều quá, anh không ngủ được. Em nằm xích vào đây đi. Anh không ngủ đâu.

Người con gái vẫn nằm im như cũ, thỉnh thoảng hai chân lại khẽ chà lên nhau để đuổi muỗi.

– Em.

– Anh nói đi.

– Tên em là gì ?

– Ngọc.

– Tại sao em ở một mình mà cho anh ngủ lại ?

Người con gái không trả lời. Những ngọn gió tây về sáng thổi lùa qua tàng cây bồ đề trên bậc sông nghe ào ào như mưa. Lâm nghĩ đến những ngày mùa đông

sắp đến ở tiền đồn. Khổ nhất là anh không biết rút bài, không biết văng tục. Chỉ hút thuốc lá và đọc sách. Và viết thư về cho Châu. Bây giờ Châu đã đi lấy chồng, anh không có nhiều tiền để mua sách, và những cơn ho đầu mùa làm anh kiêng sợ những điều thuốc vào đêm. Trong một thoáng, Lâm thấy mình như bị tước đoạt tất cả, tước đoạt đến kể tóc chân tơ.

– Anh gắng ngủ đi.

Nghe tiếng nói của người con gái, anh muốn nói bắt tiếp theo một điều gì để phá tan bầu không khí ngăn cách giữa hai người, và để tỏ lòng biết ơn về một sự lo sóc kín đáo, nhưng rồi anh không biết nói gì. Cuối cùng anh lại hỏi :

– Tại sao Ngọc cho anh trọ lại đêm nay ?

Người con gái không trả lời về điều anh hỏi, nhưng hỏi lại anh :

– Lúc nào anh trở về đơn vị ?

– Có lẽ mai.

– Đơn vị anh đóng ở đâu ?

– Xa lắm.

– Anh có biết anh Chinh không ?

– Chinh nào ?

– Anh ấy chết rồi. Hiền như anh nhưng đánh giặc hăng lắm

Lâm nhắm mắt hình dung người vừa được nhắc đến. Hằng trăm ngàn thanh niên mặc đồ trận

chờn vờn lộn xộn đi qua trí anh. Làm không bắt gặp và dừng lại ở một người nào nhất định. Cuối cùng anh gặp chính anh, thiếu não, tiêu tụy, rách nát, thất thểu giữa một cánh đồng trống, trên kia là màu xanh, anh đưa tay đuổi bắt màu xanh nhưng không bao giờ với tới. Buột miệng anh nói :

– Tôi cũng sẽ chết như anh Chinh, nhưng chắc không bao giờ được như anh ấy.

Người con gái quay phắt lại, tay nàng giữ chặt lấy tay Lâm. Bên ngoài, những ngọn gió tây vẫn kéo dài qua tàng lá cây bồ đề trên bờ sông nghe rào rào như trời đổ mưa. Hơi lạnh sương thu làm cho ánh đèn trên bàn thờ thấp xuống.

Cô Ngọc,

Tôi là Hoàng, bạn của Lâm, viết thư này cho cô. Tôi rất buồn phải gửi hoàn lại cô bức thư cô đã viết cho bạn tôi. Lâm đã chết hôm qua, lúc 10 giờ 25, trong một trận chạm địch ở cách căn cứ chừng 5 cây số về phía tây. Từ nhiều ngày nay, Lâm có ý đợi thư cô, nhưng khi thư cô đến thì Lâm không đọc được. Chúng tôi rất buồn và chắc khi nhận tin này cô cũng sẽ buồn. Nhưng biết làm sao hơn khi chúng tôi là trai.

Nhiều đêm về khuya nằm trong trại, nghe gió hú rất rõ trong rừng,

Lâm thường nói chuyện với tôi về có, về một trường hợp ngủ nhờ, về một tình yêu tưởng như đã được trời định. Nay không may Lâm nằm xuống, chúng tôi xin cô đừng buồn nhiều. Biết lời khuyên này không ích gì nhưng xin cô xem đó như một chuyện đã rồi. Mỗi chúng ta đều có một số phận, và tình yêu của mỗi chúng ta cũng vậy. Dù sao thì Lâm vẫn còn may hơn tôi, còn có một người thương nhớ khóc lóc khi anh ấy nhắm mắt. Còn tôi...

Người con gái cầm hai cái thư trong tay, nước mắt rưng rưng. Nàng không biết phải làm gì. Người lính chuyển thư đã đi xa từ lâu. Trên kia, những cơn gió cuối thu

thối lộng qua công viên, cuốn theo
những xác lá khô đi về thành phố.

NHẤT ANH

VĂN số 167

Tuyển tập Thơ Văn

**quy tụ nhiều
tác giả thời danh**

Hỏi tại nhà sách KHAI TRÍ
các sách của NGUYỄN VĂN HẦU

- Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh
- Bản ngã người Việt
- Nhận thức Phật giáo Hòa hảo
- Muốn về cõi Phật
- Tu rèn tâm trí
- Pháp luận

Hoàng Ngọc Châu

Hồn thu bạc

*sóng qua thu bạc trắng hàng
dương*

*người bước đi xanh mộng bình
thường*

*tôi thấy hiu hiu lòng mưa bụi
và hồn say rượu ẩm hơi sương*

người đi bỏ sót lại môi cười
và áo vàng hoa cúc nhung tươi
tôi mơ người biến thành chim
sáo
bay dưới tàn thu hót ngậm ngùi

người đi bỏ sót lại mùi hương
ơi thịt da xưa quá lạ thường
tôi thở lấy tàn hơi hám cũ
mà sầu xé dạ rách tang thương

chẳng thà người như bông hoa
bướm
nở trắng vườn hương một sớm
hồng

*tôi cũng cầm lòng men rượu
đăng*

bên trời thu bạc nhận sầu đông

*đêm nay tôi ngồi giữa vườn sao
nhấp rượu tàn canh say giải sầu
cây nhớ thương người cây rụng
lá*

*tôi nhớ thương người mơ kiếp
sau.*

HOÀNG NGỌC CHÂU

(Blao, 02-10-70)

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

LTS. - Bắt đầu từ số này, Văn giới thiệu với bạn đọc Thiên bút ký của nhà văn quen biết Vũ Bằng: "Thương nhớ Mười hai".

Thiên bút ký này bắt đầu viết từ tháng giêng năm 1960, nhưng vì một lẽ riêng nên chỉ đăng một hai bài rồi thôi. Đến năm 1965, hai bài đầu của thiên bút ký đăng tải trên báo « Thế Giới » theo lời yêu cầu

của Chủ nhiệm báo ấy, nhưng vừa đăng tải thì tác giả lại phải đi xa nước ít lâu nên lại không tiếp được.

Lần này, Vũ Bằng sửa đổi lại hai bài đầu trong "Thương cái nhớ Mươi hai" và hứa hẹn sẽ cố gắng viết hết tập bút ký ấy đề riêng tặng bạn đọc **Văn**.

Tại sao lại Thương nhớ ? Mà Mươi hai là gì ? Bạn đọc theo dõi thiên bút ký và sẽ thấy mười hai lần có những thương nhớ nổi lên rõ rệt mỗi khi đi trong thành phố Sài Gòn, tác giả nghe thấy một ngọn gió xoay chiều, một tiếng hát ru con, một cánh bướm bay trong đêm tối...



MỞ

Thoạt đầu ai cũng tưởng
chẳng làm sao. Cùng là
đất nước, đi đâu mà chả thế? Từ
Bắc vào Trung, đâu đâu lại không
có những con mắt nhìn vào những
con mắt mà như gói ghém cả một
trời thương; từ Trung vào Nam,

chỗ nào mà lại chẳng có những miệng cười, không nói ra lời mà hàm súc biết bao duyên thầm?

Vậy mà không; lòng người xa nhà y như thể là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát từ lúc nào không biết. Trông bề ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một cánh hoa khẽ đập vào thử mà xem: tiếng gỗ kêu nghe mệt mỏi, u buồn, mà nếu gõ mạnh thêm chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra tảng mục lỗ chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo.

Con tim của người khách tương tư cổ lý cũng đau ốm y như là gỗ mục.

Sài Gòn, Phú Lâm, Bình Lợi, Chợ Lớn, Lò Ô... vui quá, cứ uống

rượu mạnh thế này, nghe con hát đàn vừa múa vũ vừa ca, lại cặp kè với con gái hơ hớ như trăng mới mọc thế này, thì sao lại có thể rầu rĩ được? Ấy vậy mà một buổi chiều trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện tim mình, ta cảm như có hàng ngàn vạn con mọt nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con tim bệnh tật. Và tự nhiên ta có cảm giác rằng thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mối “xông” và đang đi đến một chỗ mọt ruỗng, rã rời tan nát.

Một nỗi buồn se sắt xâm chiếm đầu óc ta. Buồn thì ngâm thơ:

Biệt li ai kể xiết lời,

*Vì hoa cách mặt cho người
thương tâm.*

*Người đưa rượu hỏi thăm Bành
Trạch,*

*Kẻ say trăng tìm khách Đào,
Chu;*

Nào ai trang điểm màu thu,

*Hoa vàng chén bạc tạc thù với
ai?*

Miền Dũ Lĩnh tin mai gần bó,

Đỉnh Cô Sơn mỗi gió đợi chờ.

Muốn mang chén rượu, câu thơ,

*Lạnh lòng trong tuyết, hững hờ
dưới trăng...*

...

Ngâm thơ lại càng buồn, mình

chán nản không để đâu cho hết. Sự chán nản không tên tuổi, không lí do, ví có muốn nói ra với người ở cạnh cũng không thể được.

Tại sao lại buồn? Tại sao lại chán? Không biết tại làm sao cả.

Người bạn mây nước, gặp gỡ ở phương trời hiểu sao được những u uẩn đó nên người xa nhà cũng chẳng buồn nói ra làm gì. Gió về đêm lạnh tê tê, nước đập vào bờ dào dạt và ở bến nước nào người ta cũng khổ. Thương nhau, muốn an ủi lẫn nhau, mà không dám nói, hay không biết nói ra thế nào. Người đẹp chỉ còn biết cúi đầu xuống thở dài, còn người đàn ông thì im lặng, đưa cặp mắt như mất thần nhìn vào bóng đêm mịt mù có

tiếng dế kêu giun khóc. Cái buồn, cái chán cứ như thế mà kéo lê thê ra mãi.

Cho tới một ngày kia... đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh ở trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những bàn ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thần thờ, mà thấy bơ vơ, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi bầu không khí nặng nề lúc đó, bèn kiếm một câu gì để nói.

Một người bảo:

– Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đấy nhỉ.

Một người khác:

– Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà ạ.

Một người khác nữa:

– Cái gì cũng khác hết. Thôi, đừng nói nữa, tôi muốn khóc đây.

Người bạn phương trời liếc nhìn ông bạn trai đứng cạnh: hai người im lặng chẳng nói, vì nói chẳng ra lời, nhưng cùng cảm thấy như có một thứ điện kì lạ truyền cảm đi khắp người.

Thì ra không cần nhiều: chỉ một câu nói tầm thường vào một buổi chiều mưa gió đìu hiu cũng gọi lên được những ấn tượng rầu rĩ trong một tấm lòng đã có mối xông.

Người ta nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ những nét mặt thương yêu,

nhớ những con đường đã đi về năm trước, nhớ người bạn chiều chăn dắt tay nhau đi trên những con đường vắng vẻ ngào ngạt mùi hoa xoan còn thơm mát hơn cả hoa cau, hoa bưởi. Người ta nhớ heo may, giếng vàng; người ta nhớ cá mè, rau rút; người ta nhớ trắng bạc, chén vàng.

Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sáu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt của bầu trời mà nhớ lên, nhớ nhãn Hưng

Yên, vãi Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì,
na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bồ
Hạ, đào Chapa, mà nhớ xuống.

Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ
bát canh rau sắng chùa Hương,
nhớ khóm tiến xuân la tròng ở bên
giậu trúc; nhớ mưa bụi, vợ chồng
nửa đêm thức giấc đi uống một
ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những
buổi trưa hè có ve sầu kêu rền rền,
nhớ luôn cả những cô gái Thổ cưỡi
ngựa thồ đi trong rừng có những
cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo...

Càng nhớ như vậy thì càng yêu
Hà Nội biết bao nhiêu, lại càng say
đắm Bắc Việt biết bao nhiêu!

Hà Nội! Bắc Việt của một ngày
xa xưa ời! Bây giờ liễu ở Hồ Gươm
có còn xanh mươn mướt như hồi

ta bước ra đi? Những chồi sơn trúc, thạch nường ở Nghi Tàm có còn chứa phong quang như cũ? Núi Nùng ra sao? Hồ Tây thế nào? Con đường Bách Thảo thơm nức mùi lan tây, hàng đêm, ta vẫn cùng đi với người vợ bé nhỏ, bỗng con ở trên tay đi đến thăm người bạn sống cô chích ở trong vườn “Bình Bịp” bây giờ ra thế nào? Trên con đường Phú Thọ, Yên Bái, Lao Kay các đồn điền cam quýt ở hai bên bờ sông Thao vẫn còn tốt tươi như cũ và các cô gái ngăm ngăm da dâu có còn nắm lấy tay các du khách mà ví von ca hát không cho về? Ở trước cửa chợ Đồng Xuân, có còn chẳng những hàng nước chè tươi; ở chợ Hôm, những hàng phở gánh bán cho khách ăn đêm; và ở trên khắp nẻo đường, những người đội

thúng, cầm một chiếc đèn dầu ở tay, lặng lẽ đi trong đêm rạo “giò, giầy”?

Nhớ không biết chừng nào là nhớ, nhớ sao nhớ quá thế này! Thì ra cái người nhớ Hà Nội, nhớ Bắc Việt cũng như thế chàng trai nhớ gái; bất cứ thấy ai cũng tưởng ngay đến người thương của mình và đem ra so sánh thì bao nhiêu người đẹp ở trước mắt đều kém người thương mình hết.

Ai bảo kẻ vắng mặt chịu thiệt thòi? Tôi thấy càng vắng mặt bao nhiêu thì lại càng thương gấp bội; chỉ có kỉ niệm là đẹp thôi, chớ hiện tại bao giờ cũng kém phần tươi tốt.

Nhưng thương nhớ cách mấy đi nữa thì có níu quá khứ lại được đâu? Tại sao không chịu yên vui với hiện tại, tiếc nuối làm gì vô ích? Lịch sử không đứng yên một chỗ bao giờ.

Cái đã đi là cái đã mất. đành vậy. Lấy hiện tại so sánh với quá khứ, e bị chủ quan mà có sự bất công.

Tôi cũng biết có sự bất công, khó tránh. Tôi yêu Hà Nội quá, tôi nhớ Bắc Việt nhiều nên bao nhiêu cái đẹp, cái hay ở trước mắt, tôi thấy mất cả ý nghĩa đi. Có lẽ đó là một sự bất công to lớn, nhưng yêu, bao giờ mà lại chẳng bất công như thế?

Tôi yêu mến luôn cả sự bất công như thế? Mười hai tháng của mười hai cuộc đổi thay tiết trời, mười hai sự rung động uyển chuyển của năm tháng, của chim muông, của sắc đẹp, của hoa lá, của thương yêu, tình tứ, tôi cảm ơn sự bất công đã cho tôi nhìn rõ lòng tôi yêu thương Hà Nội đến chừng nào, Hà Nội ạ!

Ngày xưa, con gái thừa tướng, ngồi ở trên lầu cao nghe tiếng hát anh lái đò mà mê mẩn nhưng vì không duyên kiếp nên hai người không lấy được nhau. Anh lái đò dong con đò ra khơi, đánh đắm đò mà chết rồi nhập hồn vào một cây bạch đàn. Quan thừa tướng thấy cây đẹp, sai dẫn về tiện thành một bộ trà tuyệt đẹp. Mỗi lần cô gái cầm chén trà lên uống thì lại thấy bóng

hình anh lái đò hiện lên trong chén trà:

Không cầm lấy chén thì thôi

*Hồ cầm lấy chén lại thấy người hò
khoan.*

Bây giờ, người xa cách Bắc Việt lâu ngày cũng vậy: ăn một tô hủ tiếu thì nhớ đến phở Bắc “chính cống” ăn vào một buổi sáng rét căm căm; trông thấy cua bể thì nhớ đến bát canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ; gặp một ngày bão rớt thì lòng lại buồn rười rượi, nhớ đến thu sơ với gió may, hoa vàng. Trời tháng Ba, nhớ hội hè đình đám, con gái hát ví nghe thật là hay, đàn ông đánh vật xem mà sững mắt; tháng Bảy, nhớ mưa ngâu rả

rich buồn như lòng người khuê phụ nhớ chồng; tháng Tám, cũng thưởng bánh Trung Thu, cũng cộ đèn, nhưng lại nhớ trăng Cổ Ngư và thềm cái cảnh tung bồng nhộn nhịp ở Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Mã...; tháng Một nhớ đến gió ở Đới Đệp lúc tản cư, mặc áo trấn thủ ngoài khoác va rơ đi như muốn bay lên trời mà miệng vẫn không ngớt ngâm bài “Tây Tiến”; tháng Chạp nhớ những con đường ẩm ướt, nhớ mưa phùn rét căm căm, hai vợ chồng lên Đông Hưng Yên ăn một bát “tam xà đại hội” khói bốc lên nghi ngút.

Mỗi tháng lại có những cái đẹp nào nùng riêng, những nỗi nhớ nhung riêng. Mỗi cảnh bày ra trước

mắt mình lại nói lên những niềm thương yêu cũ, làm thế nào mà giữ mãi ở trong lòng cho được?

Tôi ghi lại “Thương nhớ mười hai” không nhằm mục đích gì cao rộng, chẳng qua chỉ là đánh dấu những ấn tượng hiện ra trong trí óc những buổi mây chiều gió sớm, “sầu biệt li vui sáng đầy chiều”, thân nhận được trong khi lạc bước trên những nẻo đường chật ních những người bận rộn bên cạnh những ngoại kiều ăn mặc như phường chèo, nói “lúu lô buồn nổi khó nghe”!

Ới những người thiên lí tương tư! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn

vấn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Đời mà có một người vui cái vui của mình, buồn cái buồn của mình chẳng là đủ rồi sao? Có tâm sự trong lòng, lặng nhìn nhau không nói mà cũng cảm biết, thế chẳng đủ rồi sao?

Thôi bây giờ, mặc cho ngòi bút đưa đi, đến đâu hay đó...

(Sài-gòn, đầu tháng chạp âm lịch
năm Kỷ Hợi)

VŨ BẰNG

Bửu Ý

Sương hồng và tuyết địa kịch hai màn

(Ba đoạn đầu, xin xem trong VĂN
số 160, 163 và 164.)

THANH : Em trách con... con
đã làm gì cho em trách con ?

ÔNG HẢI : Ngày chạy giặc, tình
cờ em trông thấy một đôi tình
nhân đứng dưới gốc cây. Bom nổ
làm tan xác cả hai người và chấn

động thần kinh của em lúc bấy giờ trú ẩn gần đó. Hình ảnh ăn sâu vào óc ; lớn lên, căn bệnh càng ngày càng làm em tưởng tượng sai lầm.

KHA : Con cũng nghĩ thế. Cho nên Ngọc mới có những tình cảm chan hòa đối với anh Phan.

THANH : Đáng buồn, tội nghiệp cho Ngọc.

KHA : Anh nghĩ gì đấy, anh Phan ? Ngọc nhắc nhiều đến anh.

PHAN : Tôi là người thực tế.

KHA : Nghĩa là sao ?

PHAN : Tôi đang nghĩ đến cái chết của chúng ta.

KHA : Thật tình tôi không hiểu anh muốn nói gì.

ÔNG HẢI : Anh Phan vẫn không quên được chuyện khẩu súng.

PHAN : Vâng, đúng thế. Tôi nói thêm một lần nữa là tôi không đủ bình tĩnh như thầy.

KHA : Khẩu súng vẫn còn đó. Em Ngọc không còn nữa. Cái tin em anh chết không làm anh xúc động mảy may nào sao? Nó chỉ sống có tuổi thơ, rồi làm quen với bệnh tật, bây giờ chết non. Một đời người như thế không đáng được anh rảnh trí chốc lát mà tưởng nhớ tới hay sao, anh Phan ?

PHAN : Ấy ! Cậu đừng vội trách tôi. Cậu không rõ đầu đuôi câu chuyện nên không lường được những gì có thể xảy ra bất cứ lúc nào cho chúng ta.

KHA : Những gì có thể xảy ra, anh nói đi !

ÔNG HẢI : Anh Phan, anh chưa trả lời câu hỏi hồi nãy của tôi.

PHAN : Thưa, câu hỏi gì ạ ?

ÔNG HẢI : Hồi nãy tôi hỏi : nếu như cái tin tôi có khẩu súng đến tai bọn họ, và nếu cái tin đó do một người trong bốn người chúng ta tiết lộ cho bọn họ thì anh sẽ xử trí như thế nào ?

KHA : Sao thầy đặt ra một trường hợp vô lý như thế ?

ÔNG HẢI : Con để anh Phan trả lời.

PHAN : Thầy muốn bảo kẻ đưa tin là tôi ?

ÔNG HẢI : Thanh, con đi tố cáo thầy không ?

THANH : Con xin thầy, để con đọc nốt nhật ký của Ngọc.

ÔNG HẢI : Còn con thế nào, Kha, con có tố cáo thầy không ?

KHA : Con không muốn trả lời một câu hỏi vô lý như thế.

ÔNG HẢI : Anh Phan, anh tố cáo tôi không ?

PHAN : Thầy nhất quyết ép buộc tôi.

ÔNG HẢI : Anh muốn tôi trả lời thay anh không ?

PHAN : Thầy biết gì tôi mà thầy trả lời thay tôi ?

ÔNG HẢI : Vậy thì anh tự ý trả lời đi.

THANH : Anh Phan, anh hãy trả lời anh không đời nào làm điều đó. Cậu rất tầm thường nhưng anh hãy lặp lại đi. Sau đó coi như không có gì xảy ra cả. Anh nói đi,

(Im lặng nặng nề).

KHA : Sao có thể vô lý đến thế này ? Chuyện vô lý nhất lại xảy ra ngay sau khi được tin một người trong gia đình chết ! (Một lát, đổi giọng.) Anh Phan, anh có vẻ khó nghĩ. Vẻ khó nghĩ của anh làm cho gia đình buồn biết bao nhiêu.

ÔNG HẢI : Thanh, con còn nhớ thằng Luyện không?

THANH : Thầy nhắc nhở làm gì
thằng bĩ ỏi đó.

ÔNG HẢI : Nó chết bao lâu rồi ?

THANH : Một tháng hay hơn
một tháng gì rồi, com không nhớ
rõ. Sao thầy hỏi nó ?

ÔNG HẢI : Con biết thầy có
khẩu súng bao lâu rồi, Kha ?

KHA : Thưa, chừng một tháng.

ÔNG HẢI : Con thật kín miệng,
biết mà không nói ra. Phải, chính
thầy đã giết thằng Luyện.

(Thanh và Phan lộ rõ vẻ ngạc
nhiên.)

THANH : Thầy!

ÔNG HẢI : Thầy không thể nhắm mắt trước những ngón đe tiện của nó.

PHAN : Thầy đã giết thẳng Luyện... Thì ra chính thầy đã giết thẳng Luyện... Thảo nào !

ÔNG HẢI : Chính tôi đã hành động như vậy để cho con gái tôi và đồng thời là vợ anh mới khỏi bị nó hãm hiếp, anh đã nghe rõ chưa ?

PHAN : Thì ra thế. Tôi cũng không ngờ. Tôi xin khâm phục thầy.

ÔNG HẢI : Cảm ơn anh.

PHAN : Thầy đã cứu vớt danh dự cho cả một gia đình mà quên cả hiểm nguy. Thật là một hy sinh lớn. Nhưng bây giờ nếu phải hy sinh lần nữa thầy có chịu không?

ÔNG HẢI : Tôi chưa hiểu thế nào nhưng anh cứ nói ra.

PHAN : Nếu bây giờ thầy ra đầu thú thì không những tội thầy được giảm khinh mà con cái lại được yên thân.

ÔNG HẢI : Nghĩa là vấn đề đặt lại từ đầu như hồi nãy anh và tôi đã bàn. Tôi không mong được giảm khinh. Nhưng tôi hỏi : nếu tôi làm theo lời anh thì các người có khỏi tội không ?

PHAN : Tôi dám chắc thế.

ÔNG HẢI : Anh căn cứ vào đâu, lấy tư cách gì mà dám chắc ?

PHAN : Tôi không thể nói ra nhưng tôi bảo đảm như thế.

ÔNG HẢI : Nói tóm lại : tôi có thể giao nộp khẩu súng với điều kiện có sự bảo đảm vô tội cho Kha, Thanh và anh, còn bọn họ muốn làm gì tôi mặc ý. Nhưng tôi đòi hỏi phải có sự bảo đảm.

PHAN : Bây giờ gần sáu giờ rồi.

ÔNG HẢI : Nghĩa là thế nào?

PHAN : Thời giờ cấp bách, tôi không muốn nói quanh nữa : đúng sáu giờ họ lại đây.

ÔNG HẢI : Thì ra anh đã tố cáo tôi rồi ! Tôi hiểu.

THANH : Anh Phan !

PHAN : Không phải thế! Thầy để tôi nói !

KHA : Anh Phan, nãy giờ tôi không nói gì là vì tôi vẫn mong tôi nghe nhầm hoặc có ẩn khúc gì bên trong câu chuyện mà tôi không hiểu. Anh Phan, anh có tâm địa đi tố cáo thầy được sao ? Thầy chỉ vì cứu vớt danh dự cho vợ anh mà buộc lòng phải ra tay, bây giờ anh trả ơn như thế... Chị tôi và tôi làm gì không phải để anh phải hành động cách đó ? Ngọc nó nhắc nhở nhiều đến anh, nó quý anh lắm... Tôi nói thật, nếu không vì chị Thanh thì tôi không nể nang anh thêm một phút nào nữa.

PHAN : Các người hãy nghe tôi nói. Tôi bảo bọn họ đến đây thật nhưng tôi không tố cáo thầy.

KHA : Anh bảo họ đến đây làm gì ?

PHAN : Tôi chỉ phòng xa. Tôi muốn thúc giục thầy phải có quyết định kịp thời.

KHA : Nếu không quyết định kịp thời thì anh tố cáo: Anh không tố cáo trước thì tố cáo sau, đâu lại vào đó. Thảo nào hồi nãy nếu tôi không làm thì anh có lên tiếng bảo đảm sự vô tội của chúng tôi nếu thầy tôi nghe theo lời anh. Chắc hẳn đã có giao ước giữa anh và bọn An ninh Điều tra. Chúng tôi vô tội để nhìn thấy chết. Tôi muốn hiểu tại sao lòng dạ anh thay đổi đến cái mức không ai ngờ nổi.

PHAN : Đó là một cách nói của cậu. Chung quy chỉ là vấn đề bất đồng ý kiến trên danh từ. Đối với tôi, tôi gọi là một sự thích ứng với

một môi trường mới hay là một cách nhìn đời dưới khía cạnh thực tế.

KHA : Chị Thanh, chị phải tha lỗi cho tôi. Tôi kiên nhẫn thế này là quá mức.

(Kha chạy xô lại phía Phan, Phan nhanh chân thoát vào cửa thông.)

ÔNG HẢI : Kha! Thầy truyền lệnh cho con đứng lại !

(Kha đứng sững, bất quyết.

Tức thì nổi lên tiếng đập phá tử ở buồng trong. Tiếng chân đá, búa nện thình thình cùng với tiếng gỗ, giấy, thủy tinh rơi loảng xoảng xuống nền nhà.)

KHA : Thầy để cho anh đập phá như thế sao ?

ÔNG HẢI : Con cứ để nó làm gì tự ý.

KHA : Chết ! Khẩu sung ! Khẩu súng trong tủ !

ÔNG HẢI : Con yên tâm.

(Tiếng đập phá ngưng. Phan chạy ra, thở hồng hộc). (Quát). Phan ! Lại đây ! (Phan thi hành). Có phải anh muốn tìm vật này không? (Ông Hải rút trong túi ra khẩu súng lục).

THANH : Thầy ! Thầy thương con...

ÔNG HẢI : Cái gì đây? Có phải là khẩu súng của thằng Luyện đây không ?

PHAN, sợ sệt : Dạ phải.

ÔNG HẢI : Anh tìm nó để làm gì ? Hăm dọa tôi ? Hạ sát tôi ? Tổ cáo tôi ? Hay lấy đem đi lập công ?

PHAN : Thầy nghĩ lại... con đâu có... con hoảng hốt không kịp suy nghĩ đấy thôi...

ÔNG HẢI : Anh đã khai báo gì chưa ? Hãy nói thật ra !

PHAN : Thật tình con chưa nói gì hết. Con chỉ bảo họ lại đây thôi.

ÔNG HẢI : Tôi không thể nào tin anh nổi. Anh bảo sáu giờ họ đến đây hả ? Họ đến đây trông thấy tôi chĩa súng vào anh, họ sẽ làm gì, anh có biết không ?

PHAN : Con không biết.

ÔNG HẢI : Họ nhả đạn vào tôi chứ còn gì nữa ! Nhưng liệu tôi có để anh sống cho anh nhìn tôi chết không ? Nhất là lúc này tôi đang có súng trong tay ?

PHAN : Con biết con có lỗi nhiều với thầy, con có lỗi với vợ con. Thầy cho con một dịp ăn năn hối cải. Con van thầy tha thứ cho con.

ÔNG HẢI : Giọng anh bỗng trở nên tình cảm hơn thường ngày nhưng không làm tôi cảm động chút nào, trái lại nó làm tôi khó chịu. Đứng trước mũi súng, anh làm cho người ta thương hại. Anh phải can đảm lên, dù lát nữa tôi có phải buộc lòng bắn vào anh.

Kha, Thanh, thầy muốn biết

quyết định của hai con. Phải xử gấp vụ án gia đình này trước đã.

THANH : Trong tay con vẫn còn tập Nhật ký của em Ngọc. Nó đã chết, nó vừa mới chết. Con sợ không còn nước mắt khóc chồng con nữa.

KHA : Tôi không muốn nhiều lời hay nặng lời với anh, anh Phan ạ. Tôi không xem anh như người trong gia đình nữa. Kể từ phút này, dù anh có sống, tôi xem anh như đã chết rồi. Tôi không nói thêm gì nữa.

ÔNG HẢI : Anh nghe rõ chưa ?

PHAN : Thưa, con có nghe.

ÔNG HẢI : Anh có nghe những

dòng Nhật ký của con Ngọc không ?

PHAN : Thưa, con có nghe.

ÔNG HẢI : Nó nhắc nhở, nó quý mến anh biết chừng nào. Giờ này nằm dưới đất chắc nó hối hận đấy. Người sống hối hận còn có dịp làm lại, người chết hẳn phải khổ sở vô cùng. Anh đối xử với tôi thế nào tôi cũng chịu đựng nổi, nhưng tôi không thể tha thứ cho anh đã phản bội con tôi. Tôi muốn anh vì linh hồn người chết mà trả lời cho thật : giữa anh và con Ngọc đã có gì chưa ? Hồi xưa, có bao giờ anh manh tâm dụ dỗ nó không, anh nói cho tôi biết ?

THANH : Thầy! Con xin thầy!
Con lạy thầy !... (Nát lòng.) Em nó

đã chết, thầy đừng giở lại chuyện xưa chỉ làm vong linh nó thêm tủi.

PHAN : Con xin thề có trời đất con không bao giờ có một cử chỉ nào thất lễ hay vô luân đối với em Ngọc con cả.

ÔNG HẢI : Thanh nó nói phải. Thôi, anh đừng trả lời. Anh nói thật hay nói dối cũng thế thôi, có thay đổi gì đâu, Ngọc nó không bớt tủi, tôi cũng chẳng yên lòng thêm được chút nào. Anh nói dối mà hơn, nói dối thế nào cho hợp tình hợp lý còn hơn nói thật mà tôi đau lòng.

Số nó ngắn ngủi và không may. Con cũng không may, Thanh ạ. Thầy biết phúc thầy mỏng. Xa gia đình, xa con...

Anh Phan, anh đứng thẳng người dậy. Anh đã làm khổ con cái tôi, anh chẳng kiêng nể gì tôi. Anh có gì muốn nói nữa không ?

PHAN : Con đã gây bao nhiêu điều không phải, còn mong gì bào chữa. Con...

ÔNG HẢI : Anh cứ nói đi...

(Nhanh như chớp, Phan vọt tới ông Hải để cướp súng. Một pha giằng co diễn ra).

KHA : Thầy coi chừng !

ÔNG HẢI, thở mệt : Kha ở đâu đứng đấy...

(Một tiếng nổ bống vang lên. Một thân người ngã xuống. Cuộc vật lộn kết liễu. Thanh hét lên.)

THANH : Anh Phan! (Chạy lại.)
Thầy giết chồng con...

(Tiếng khóc và im lặng chen vào nhau.)

Anh Phan ! Em đây... Em đã bảo em hết nước mắt rồi !

PHAN : Thanh, đừng có khóc, nhất là đừng có bảo thầy giết anh. Thầy không giết anh. Lỗi tại anh. Chính anh đã nhảy lại cướp súng của thầy. Kẽ hốt hoảng vì sợ chết khó tránh được chết... (Tiếng sụt sùi.) Thanh phải nín ngay tôi mới vui lòng. Tiếng súng này thế nào cũng báo động bọn họ. Bọn họ đến ngay bây giờ đây. Tôi gieo gió phải gặt bão, tôi toan đốt nhà thì lửa quay lại đốt tôi.

Thầy, con muốn nói với thầy.
Xin thầy tha lỗi cho con, Kha tha
lỗi cho tôi, Thanh nữa.

Bây giờ con chỉ yêu cầu thầy
một điều.

ÔNG HẢI : Anh cử nói.

PHAN : Thầy... cho con mượn
khẩu súng.

KHA, la hoảng : Thầy...

ÔNG HẢI : Anh muốn mượn
tôi khẩu súng? (Im lặng.) Tôi bằng
lòng. Để tôi đưa tận tay anh. (Trao
súng cho Phan.)

PHAN : Cảm ơn thầy... (Đột
ngột.) Sao thầy đưa súng cho tôi?

ÔNG HẢI : Vì anh yêu cầu.

PHAN : Thầy không sợ tôi bắn vào thầy sao ?

ÔNG HẢI : Tôi không sợ. Anh muốn bắn tôi, tôi sẽ đứng yên. Dù sao anh đã chết trong tay tôi. Tôi chết để đền tội là phải lắm.

PHAN : Đây, mũi súng chỉ ngay bụng thầy đây này, thầy thấy không ? Tôi còn thừa sức để bấm cò. Bây giờ tôi đếm một hai ba, thầy muốn trăn trối gì thì cứ việc đưa tay ngưng tôi lại. Thầy sẵn sàng, tôi đếm đây : một... hai... ba.

ÔNG HẢI : Tôi chờ anh bắn.

PHAN, xuống giọng : Lạy thầy tha lỗi cho con. Con chỉ muốn thử xem thầy có sợ chết không. Thầy can đảm, những người như thầy

cần phải sống. Đến lúc này gần chết con mới sáng trí hiểu ra điều đó. Thầy tha lỗi cho con.

ÔNG HẢI : Không, anh không có lỗi gì. Nếu anh có lỗi, tôi vui lòng tha lỗi cho anh. Anh vẫn là chồng của con gái tôi.

Tôi phải sống, tôi can đảm, tôi phải sống để mà làm cái gì ? Tôi sống để cho ai đây ? Nếu đã làm gì được thì tôi đã làm rồi. Nhưng nếu biết không làm gì được, sao việc gì tôi phải si gan chờ đợi mình phải làm một cái gì ? Để đến bây giờ, sau lưng tôi, trước mặt tôi, mỗi phía có một đứa con chết vì tay tôi.

Anh có tội hay tôi có tội ? Chẳng qua anh muốn sống, anh hốt hoảng muốn sống, anh muốn thoát khỏi

không khí tù hãm này, anh run sợ trước viễn ảnh bế tắc... Tôi có quyền trách móc anh chẳng, tôi có quyền buộc tội anh chẳng ?...

Chính tôi đã sống hồng một đời. Nhưng có sao tôi lôi kéo con cái tôi vào bãi cát lầy ? Chính tôi là kẻ có tội. Tôi đã bị ảo tưởng nào làm quáng mắt ? Yêu nước là ảo tưởng chẳng ? Nếu yêu nước là ảo tưởng, thì tôi chưa được sống một ngày nào thật sự. Bao nhiêu năm, tôi thể hiện lòng yêu nước của tôi như thế nào ? Nên kể lại chẳng ? Mật đảng Ái quốc... Mật đảng Ái quốc... Tại sao yêu nước phải bí mật? Tại sao yêu nước thì không được yêu gia đình ? Tại sao bấy nhiêu câu hỏi giản dị đến phút này mới đặt ra ? Nhất thất túc, thành thiên cổ

hận. Bước lạc một bước mà phải để hận nghìn đời. Ta đã lâm vào tuyệt địa, không còn lối ra, không làm lại được nữa...

(Bước chân dồn dập ở bên ngoài. Tiếng gõ cửa. Cửa mở liền sau đó. Ba người mặc thường phục bước vào. Tiếng kêu ngạc nhiên của bọn người mới vào trước cảnh tượng bất ngờ. Phan chìa súng về phía bọn họ. Người ta không thấy được vũ khí của bọn người này.)

PHAN : Các anh cứ để yên vũ khí ở trong mình. Súng tôi sẵn sàng nổ đây !

NGƯỜI THỨ NHẤT : Anh Phan, súng ở đâu thế ? Súng của thằng Luyện phải không ?

PHAN : Tôi khen anh tinh mắt...

NGƯỜI THỨ NHẤT : Súng của
thằng Luyện sao lại lọt vào tay anh
? Thế này làm sao anh thoát tội nổi
?

PHAN : Không, tôi mong gì
thoát tội đâu ? Tôi đã mời các anh
lại đây để tôi trình bày một chuyện.
Chính tôi là kẻ đã giết thằng Luyện
và cất giữ luôn khẩu súng của hắn.
Luyện nó bĩ ổi, toan hỗn với vợ tôi.
Tôi không dẫn lòng nổi. Tôi không
muốn ém nhẹm câu chuyện lâu
hơn nữa sợ liên lụy đến gia đình
nên mời các anh lại đây chứng kiến
cảnh đền tội của tôi. Có thể thôi...

THANH : Anh Phan 1 Anh...

(Một phát súng nổ. Phan cong người lại trong cử động cuối cùng. Bọn người kia vẫn chưa hết vẻ ngơ ngác. Trong khi đó, ông Hải và hai người con bất động trong một thái độ buông thả tuyệt vọng.)

HẾT

BỬU Ý

(1965)

GHI CHÚ :

Tác giả giữ bản quyền.

Muốn trình diễn, cần xin phép trước tác giả. Liên lạc qua Tòa soạn VĂN.

ĐÊM TRẮNG sắp phát hành :

NHỮNG NGÀY MƯA

tác phẩm mới nhất của

HUYỀN PHAN ANH

Nguyễn Đình Toàn

Tro than

truyện dài (tiếp theo, xem từ Văn
số 160)

Tuần tiếp tục uống chén nước của anh. Sau đó, anh để chiếc chén vào đúng chỗ cũ trong khay, nghiêng đầu một lần nữa về phía ngược lại với cái nghiêng đầu lúc này. Tôi không biết anh mắc chứng gì hay chỉ là cách anh lấy lại thăng bằng cái đầu của anh.

Tuấn nói:

– Trước hết, cô không giống lắm với tấm hình tôi trông thấy.

Câu nói của anh làm tôi ngạc nhiên. Tấm hình nào đây? Tôi có bao giờ chụp hình ngoài những lần lấy căn cước, lấy thẻ ở trường, đi thi... Anh đã trông thấy một trong những tấm hình ấy chẳng và trong trường hợp nào?

Tôi nói:

– Tôi ít khi nào chụp hình, không hiểu sao lại có tấm hình ông thấy.

Tuấn cười bảo:

– Chắc lúc đó cô còn nhỏ.

– Vâng. Tôi đi như vậy cũng hơn

bốn năm rồi.

Tuấn nhìn tôi. Chắc anh muốn biết câu nói của tôi có nghĩa như thế nào. Tôi đã bỏ nhà đi bốn năm năm.

Tôi đã làm gì trong khoảng thời gian đó? Điều ấy thì ngay chính ba tôi cũng chỉ vừa mới biết đây thôi, biết đúng như lời tôi nói lại, không hơn không kém.

Tuấn bảo:

– Cô có muốn coi lại tấm hình đó, cô có thể lật cái bìa cuốn tự điển cụ vẫn dùng để gói đầu, dưới cái bao, phía trong.

Tôi làm theo lời Tuấn. Dưới mép cái bao bằng ny-lông bọc cuốn tự điển, ba tôi đã để một cái hình

nhỏ của tôi, tấm hình tôi chụp năm đệ nhất. Có thể trong những lúc năm một mình ba tôi cũng có nhớ tới tôi và ông đã để tấm hình ở đó để thỉnh thoảng trông lại. Trông tấm hình và cách để tấm hình [có phải đó cũng là cách ba tôi thương con?] tôi cảm thấy cái phần của tôi trong nhà quả thật nhỏ mọn.

Tuy nhiên, tôi vẫn cảm động, cảm động vì cái cách ba tôi thương tôi đó, cảm động khi nhìn lại một tấm ảnh cũ, cảm động vì cái cách Tuấn đã chỉ cho tôi tìm thấy tấm hình.

Anh biết rõ ba tôi cất tấm hình của tôi như vậy, có thể anh cũng chú ý đến tôi. Chú ý về cách nói chuyện về tôi của ba tôi với anh.

Chú ý vì không chừng, qua tấm hình ấy, anh cũng thấy tôi có một nhan sắc dễ coi, hay ít nhất, nó cũng hứa hẹn một người con gái sau này, nghĩa là bây giờ đây, tôi có thể dễ coi.

Cái sự thật ấy, anh đang trông thấy trước mắt anh đây, anh thấy sao, hỡi người xa lạ?

Cũng có thể anh chỉ trông thấy tấm hình một lần và đã nhớ, nhớ cái chỗ để tấm hình [không phải nhớ tôi, hẳn thế], nhớ vì tò mò, một ông già suốt ngày nằm dài hút thuốc phiện, nói về đứa con gái đi xa, đi chẳng có một âm hao nào, cũng là chuyện kích động trí tò mò của anh ta chứ?

Tôi nói:

– Tấm hình này tôi chụp năm cuối trung học.

Tuấn bảo:

– Đối với cô bây giờ phải coi như hai chị em.

– Chắc ông về ở trong xóm này đã lâu?

– Vào kỳ Tết Mậu Thân.

– Lấy cái ngày ấy làm dấu mốc quả là một ngày đáng nhớ.

– Cô ở đâu trong những ngày đó?

– Tôi ở trên Đà Lạt.

– Tôi quên khuấy đi mất. Cụ cũng có nói với tôi chuyện đó.

– Ông làm tôi sợ.

– Sợ cái gì?

Như thế chẳng khác tôi đang làm gì đó, có một người trông thấy mà không biết người ấy là ai và đứng đâu.

Tuấn cười, tiếp:

– Không phải chỉ có một người.

Tôi cũng cười bảo với anh:

– Ba tôi thì không đáng sợ lắm.

Tuấn nói:

– Nhưng chỉ có một mình cụ có thể trông theo cô. Tôi chỉ nghe nói.

– Cám ơn ông đã trấn an tôi.

– Tôi không biết gì hơn những gì tôi vừa nói với cô.

Tôi cảm ơn Tuấn một lần nữa về những gì anh đã cho tôi hay. Tôi chắc, nếu anh không nghĩ tốt về tôi hẳn cũng không có gì xấu. Nhưng đó chỉ là những điều tôi phỏng đoán xuyên qua cách nói chuyện của anh với tôi thôi. Dầu sao, tôi cũng muốn bày tỏ một cảm tình đối với anh, về sự thành thật tôi cảm nhận được nơi anh, trong khi anh nói chuyện với tôi.

Tôi nói:

– Hôm qua, nhìn thấy ông nằm với ba tôi, tôi ngạc nhiên lắm.

Tuấn lại mỉm cười nhìn tôi, bảo:

– Sao, cô?

– Ông còn trẻ quá.

– Để nghiện hay để làm gì?

Giọng Tuấn vẫn vui đùa và dịu dàng. Có vẻ như anh không có một chút mặc cảm nào về cái việc hút sách của mình.

Tự nhiên tôi thấy mừng. Mừng vì có lẽ tôi đoán đúng, có lẽ Tuấn không hút. Tôi mong rằng anh không hút. Từng ấy tuổi mà anh đã hút thì đời anh kể như bỏ đi rồi. Điều ấy đối với ai cũng đáng tiếc, chẳng riêng gì anh. Trông anh khoẻ mạnh, tươi sáng như vậy mà mắc vào cái trò chơi đó quả thật là uổng phí. Nhưng nếu anh không hút thì anh đến đây làm gì?

Nghĩ thế tôi lại bắt đầu thấy sợ. Tôi nói:

– Vâng, cứ cho là như vậy.

Tôi lúng túng không dám nói hết lời. Sự lúng túng của tôi làm Tuấn thích thú vì anh có vẻ chiếm được ưu thế. Nhưng tôi tin là thế nào tôi cũng biết sự thật. Tuấn sẽ nói ra cái sự thật đó. Kéo dài sự hiểu lầm này để làm gì mới được chứ?

Tuấn nhìn đồng hồ một lần nữa. Chắc anh có việc bận phải đi. Nhưng Tuấn không có vẻ vội vã. Anh nói:

– Rất tiếc tôi đã làm cô thất vọng.

Trời đất, tôi phải hiểu câu nói của anh thế nào đây? Tôi thấy đầu óc choáng váng.

Nhưng nhìn lại điệu bộ Tuấn, tôi vẫn có cảm tưởng anh chỉ định trêu tôi thôi. Tôi không quen nói chuyện với bạn trai, chưa bao giờ tôi phải đương đầu với họ trong những chuyện rắc rối, dằng dai như vậy.

Tôi bị thất thế thấy rõ. Tôi lắp bắp nói:

– Thế ra ông...

Tuấn cười. Lần này tôi nhận ra anh muốn trấn an tôi bằng ngay nụ cười của anh trước khi anh nói. Đây cũng là lần thứ nhất trong đời tôi thực sự để ý đến sự tinh quái của đàn ông, khi người ta muốn điều khiển tiến trình của một câu chuyện.

Có lẽ cho là đùa thế đã đủ, Tuấn lấy giọng đứng đắn, bảo:

– Tôi chỉ sang đây năm chơi với cụ thôi. Tôi không hút.

Tôi nín hơi nghe Tuấn nói. Khi anh nói hết câu, tự nhiên, tôi thấy nhẹ nhõm cả người. Tôi cười bảo với anh:

– Vậy mà ông cho rằng đã làm tôi thất vọng?

– Có lẽ tôi nghiện tôi sẽ gọi được sự cảm động của cô hơn, phải không?

– Ông không nghiện mà cứ nằm quanh bàn đèn mãi cũng có ngày bị cháy lây đó.

– Tôi xin ghi nhớ điều cô vừa nói.

– Ông có thể cho tôi biết, ba tôi đã làm cách nào quyến rũ nổi ông ngày ngày sang đây nằm với ba tôi?

Tôi bắt đầu thấy mạnh dạn hẳn lên và có điều gì đó trong lòng khiến tôi còn có thể cho là mình phấn khởi nữa. “Quyến rũ”, đó không phải là một chữ hay ho tôi đã dùng được sao?

Tuấn cười:

– À, tôi đang học chữ Nho. Và tôi có thể hỏi cụ những chữ tôi không biết. Vả lại, cụ nhà thuộc rất nhiều thơ Đường, điều mà tôi rất thích nhưng lại không đọc được.

Lời giải thích của anh nhu thế đã đủ chẳng? Tôi nói:

– Tôi cũng có nghe ba tôi, ngày xưa, thỉnh thoảng đọc cho nghe vài ba câu. Dĩ nhiên là tôi cũng chẳng hiểu gì.

– Chữ Nho cụ viết còn tốt lắm.

– Tất cả những người nghiện mỗi người đều có một cái tài gì đó.

Tuấn cười. Có lẽ anh cho là tôi bị ám ảnh bởi chuyện ba tôi nghiện. Tôi bị ám ảnh bởi điều đó chứ không phải “cho là” gì nữa. Hầu hết những người bạn hút của ba tôi, tôi biết, đều có ít nhất mỗi người một cái tài gì đó thật, hoặc chữ tốt, hoặc hát hay, học giỏi, hoặc nói chuyện có duyên. Tôi đã được nghe họ bình thơ, hát nói, đọc Đường Thi, tôi chẳng hiểu một câu nào, nhưng cái âm điệu của nó và

nghe họ dịch rồi bàn cãi với nhau từng chữ một, ý nghĩa của nó như chạm tới tận những phần u uẩn của tâm hồn, tôi nghe và có khi tưởng như thấy cả cái lung linh, lạnh lẽo của những đêm trăng sáng lùa vào trong người, cái khói mờ của những chữ nghĩa xa lạ đó lọt vào trí óc như sương mù. Cho tới khi tôi hiểu được một cách lơ mờ những câu như «Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách» là được dịch từ chữ Nho “Tầm Dương giang đầu dạ tống khách”, tôi càng bị huyền hoặc bởi những dòng thơ kỳ ảo đó. Tôi đã nhìn thấy các bạn ba tôi thức suốt một đêm quanh bàn đèn, chỉ để ngắm một chữ Nho được viết trên lụa, thủ bút của một danh sĩ đời Đường, treo trước mặt mọi người, không biết họ lấy ở đâu

ra, nhưng cái người được coi là chữ tốt nhất trong số các bạn của ba tôi là người “sợ” nhất cái chữ đó. Ông ta nhìn xa, nhìn gần, ngần ngợ, sờ mó cái chữ vô tri trên manh lụa. Ông cũng kể lại rằng, Việt Nam xưa, có một người có thể viết được đủ bốn thứ chữ Nho Chân, Thảo, Triện, Lệ khiến sứ Tàu phải nể sợ là Cao Bá Quát. Chứng kiến bút pháp của Cao Bá Quát, một người trong đám sứ Tàu đã ghé tai ông bảo đừng viết nữa, giỏi quá, có thể sẽ bị ghen ghét, hãm hại đấy.

Cái trò chơi này, xưa, khi nhà tôi còn khá giả có vẻ là một trò chơi tao nhã, đến khi thiếu tiền đã trở thành chuyện để cười hay để... khóc.

Cũng trên cái ngọn lửa nhỏ bé đó, ba tôi đã đốt gần hết tất cả vẻ khả kính của ông. Nhưng tro than của cuộc thiêu hủy đó, của những ngày tháng êm đềm, những đêm trăng huyền ảo, hương trà thơm ngát, cái thuở phong lưu với những bóng người lão đảo trên một chữ Hán giữa mảnh lụa, vẫn không ngừng bay quần, rơi rớt đâu đó trong ký ức buồn thảm của tôi.

“Triều như thanh ty mộ thành tuyết”.

Cái mái tóc của ba tôi, đúng như thế, buổi sáng như tơ xanh chiều đã thành tuyết trắng, nhưng lại chẳng có vẻ gì đẹp như câu thơ. Đó là thơ của một người nào khác, đời nào khác, xứ sở nào khác. Thế

giới của ông bây giờ chỉ còn lại một chiếc chiếu nhỏ, một khay đèn, tôi đã trông thấy ông nằm đấy và chảy tuôn nước mắt.

Tôi nói với Tuấn:

– Tôi tưởng ông có hút, tôi sẵn sàng thắp lửa cho ông một lần.

Tuấn nói:

– Để khi nào tôi bắt đầu, tôi sẽ nhờ cô.

Tôi cũng hỏi Tuấn:

– Ông học chữ Nho kể cũng lạ.

Tuấn nói:

– Tôi cũng muốn đọc thêm một ít sách.

– Ông muốn đọc lại Đường thi?

Tuấn cười, cúi xuống nhìn cuốn sách đang cầm trên tay, bảo:

– Không. Tôi muốn học để đọc thêm sách về Đông y. Nhưng cũng có lần lúc tôi thấy mê thơ Đường hơn sách thuốc.

Tôi nghĩ thầm, có lẽ Tuấn đang học y khoa, nếu không, chắc anh ta mắc một cái chứng gì đó cũng khó hiểu và khôi hài như cái đầu của anh, lắc về bên này một cái, rồi lại phải lắc về bên kia một cái để lấy lại thăng bằng như lúc này tôi đã thấy.

Câu chuyện đến đó Tuấn đứng dậy, bảo:

– Bây giờ tôi phải đi. Cô làm ơn nói lại với cụ, tôi sang xin lại cuốn sách.

Tôi chào lại anh, nói:

– Tôi sẽ nói lại với ba tôi.

Anh ta ra về.

Hai đứa trẻ, từ sau bữa cơm, vẫn chưa thấy lảng vảng về nhà.

Tôi ngồi lại một mình trên căn gác, loay hoay xếp lại mấy cái chén cho ngay ngắn. Tôi lật lại tấm bìa sách, nhìn lại tấm hình của mình. Tấm hình bỗng nhiên biến thành một giọt nước. Tôi nghe quanh tôi một sự im lặng nặng nề. Giữa tôi và tấm hình nhỏ bé ép dưới cái bao của cuốn sách kia cũng chẳng khác gì nhau. Cộng tất cả những năm tôi

đã sống, cả tuổi thơ của tôi, có hơn
gì một miếng bìa mỏng đó?

Nhưng có lẽ bất cứ ai cũng phải
có một thời để sửa soạn đời mình.
Ngày mai tôi sẽ sống như thế nào,
có phải đó mới là điều đáng kể.

(Còn tiếp)

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

1970 của Tổng Thống Việt
Nam Cộng Hòa

----- * -----

1. CÁC BỘ MÔN :

a) BIÊN KHẢO :

1. Biên khảo về các vấn đề Văn
hóa, Xã hội, Phê bình, lý luận Văn
học, Triết học ;

2. Biên khảo về Việt sử ;

3. Tham luận về Tư tưởng
Chánh trị Đông Tây hiện đại.

b) SÁNG TÁC :

4. Văn : truyện dài, tập truyện ngắn, hồi ký, tùy bút ;

5. Thơ : Thi tập, truyện thơ ;

6. Kịch nói : kịch thơ hay kịch văn xuôi (dài, ngắn) ;

7. Ca kịch : tuồng chèo, hát bội, cải lương ;

8. Hội họa :

9. Điêu khắc :

10. Âm nhạc : nhạc Tây phương và nhạc cổ truyền

11. Nhiếp ảnh : ảnh trắng đen, ảnh màu

12. Điện ảnh :

II. ĐỀ TÀI : Tự do

III. TÁC PHẨM DỰ GIẢI :

– Không được dự giải những tác phẩm nào đã trúng giải bất kỳ năm nào trong nước.

– Về các bộ môn Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói và ca kịch, tác phẩm dự giải có thể là :

a) bản thảo đánh máy

b) sách đã xuất bản tính từ ngày 1.10.1969 (là ngày khóa sổ nhận tác phẩm dự Giải thưởng Văn học 1969) đến ngày 15-11-1970 căn cứ theo ngày nộp bản.

IV. THỜI HẠN CUỐI CÙNG NHẬN TÁC PHẨM DỰ GIẢI:

– 15.11.1970 (cho tác phẩm biên khảo, văn, thơ, kịch nói và ca kịch).

– 30.11 1970 (cho tác phẩm hội họa, điêu khắc, âm nhạc, nhiếp ảnh, điện ảnh)

V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ : 31-12-1970

VI. GIẢI THƯỞNG:

* Trừ Nhiếp ảnh và Điện ảnh, giải thưởng cho mỗi bộ môn gồm có một bằng Danh dự và một khoản hiện kim định như sau :

– Giải nhất : 200.000\$

– Giải nhì : 100.000\$

– Giải ba : 50.000\$

* Giải thưởng dành cho Nhiếp ảnh và Điện ảnh gồm một bằng Danh dự và một Huy chương hay Tượng kỷ niệm bằng vàng y.

VII. THỂ LỆ : Xin hỏi

a) Ở SÀI GÒN – GIA ĐỊNH : nơi
BAN TỔ CHỨC, 8 đường Nguyễn
Trung Trực - Điện thoại số 92.709

b) Ở TỈNH : tại Ty Thông Tin

*

GIẢI THƯỞNG DỊCH THUẬT 1970

của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc
Trách Văn Hóa

1. DỊCH PHẨM DỰ GIẢI
THƯỞNG :

1. Tác phẩm ngoại ngữ (Anh,
Pháp, Hán) dịch ra Việt văn.

2.- Tác phẩm của người Việt

viết bằng Hán văn dịch ra Việt văn.

Dịch giả dự giải phải nộp cho Ban Tổ chức :

a) Nguyên tác

b) Bản dịch (2 bản) : bản thảo đánh máy hay sách đã xuất bản từ năm 1954 trở lại.

II. GIẢI THƯỞNG : Một bằng Danh dự và một khoản hiện kim cho mỗi loại dịch phẩm :

– Giải nhất : 120.000\$

– Giải nhì : 80.000\$

III. THỜI HẠN CUỐI CÙNG NHẬN TÁC PHẨM : 15-11-1970

IV. CÔNG BỐ KẾT QUẢ : 31-12-1970

V. THẾ LỆ : Xin hỏi

a) ở Sài Gòn - Gia-dinh noi Ban
Tổ chức, 8 đường Nguyễn Trung
Trực – Điện thoại số 92.709

b) Ở các Tỉnh: tại Ty Thông Tin

BỔ CHÍNH CẦN THIẾT

Chúng tôi tiếp được 2 văn thư yêu cầu bổ chính các bản văn đăng nơi trang trước, như sau :

– Văn thư số 1852-QVK/VH/VP, ngày 4.11.70:

GIẢI THƯỞNG DỊCH THUẬT
1970

của Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa

III. THỜI HẠN CUỐI CÙNG
NHẬN TÁC PHẨM : trước ấn định
là 15.11.1970, nay dời lại đến
15.01.1971.

IV. CÔNG BỐ KẾT QUẢ : trước
ấn định là 31.12.1970, nay dời lại
đến 31.03.1971.

– Văn thư số 1886-QVK/VH/VP,
ngày 10.11.70 :

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC NGHỆ
THUẬT 1970

của Tổng Thống Việt Nam Cộng
Hòa

IV. THỜI HẠN CUỐI CÙNG
NHẬN TÁC PHẨM:

a) trước ấn định là 15.11.70
(cho tác phẩm biên khảo, văn, thơ,
kịch nói và ca kịch) nay dời lại đến
30.11.70.

b) trước ấn định là 30.11.70,
(cho tác phẩm hội họa, điêu khắc,

âm nhạc, nhiếp ảnh, điện ảnh) nay dời lại đến 31.12.70.

V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ : trước
ấn định là 31.12.70 nay dời lại đến
15.01.71.

Giải đáp thắc mắc

*** Ông Hoàng Liệu, Tuy Hòa, hỏi :**

Tôi muốn tìm hiểu về thể thơ vĩ tam thanh. Xin ông giải nghĩa và cho thí dụ...

(thư ngày 11 tháng 10 năm 1970)

– Trả lời :

Thơ vĩ tam thanh là một thể thơ cổ, tài tình, ghép ba chữ cuối câu, cùng vần với nhau.

Thí dụ, xin đan cử bài “Sáng ngủ dậy muộn” của Nguyễn Tử Mẫn (người làng Thúy Điển, tỉnh

Ninh Bình, đỗ cử nhân đời Thiệu Trị) :

SÁNG NGŨ DẬY MUỘN

Tiếng gà bên gối té-tè-te

Bóng ác trông xa hé kẽ hè

Cây mấy cành cao, chon chót vót

Hoa năm sắc nở tóe tòe loe.

Chim tình bầu bạn kia kia kia

Ong nghĩa vua tôi nhé nhẻ nhẹ

Danh lợi chẳng màng tí tí tí

Trưa trưa trưa dậy khỏe khỏe khỏe.

*** Ông Nguyễn Văn Tư, Cử Chi,
hỏi :**

Từ trước tới nay, tôi thấy ai cũng khen Mạnh Thường Quân là người hào hiệp, chiêu hiền đãi sĩ. Thế mà mới đây, trong một bữa nhậu, có ông giáo sư nọ (lúc đó có hơi quá chén) lại nói là có nhà tư tưởng Trung-hoa đã hết lời chê bai MTQ. Khi tôi hỏi lại thì ông giáo sư lúng túng nói không nhớ tên nhà tư tưởng, dường như là Hồ Thích hay Lâm Ngữ Đường chi đó (...) Mong quý ông cho biết vị giáo sư nọ nói đúng hay là ma men ăn nói hồ đồ ? Nếu đúng, mong đăng ông cho rõ xuất xứ cùng nguyên văn bài văn nào chê MTQ ?

(thư ngày 27 tháng 9 năm 1970)

– Trả lời :

Chúng tôi không tìm thấy bản

văn nào của Hồ Thích hay Lâm Ngữ Đường chê bai Mạnh Thường Quân cả. Chỉ tìm thấy bài “Độc Mạnh Thường Quân Truyện”, của Vương An Thạch, do Nguyễn Hiến Lê dịch nghĩa và chú giải, như sau :

DỊCH NGHĨA :

ĐỘC TRUYỆN MẠNH THƯỜNG QUÂN

Người người đều khen Mạnh Thường Quân khéo thu nạp kẻ sĩ nên kẻ sĩ theo ông, mà nhờ sức họ, ông thoát được cọc Tần.

Than ôi ! Mạnh Thường Quân chỉ là lãnh tụ của bọn gà gáy chó sủa mà thôi, đâu có đáng bảo rằng thu nạp được kẻ sĩ ? Nếu không vậy, nhờ sự phú cường của nước

Tề, được một kẻ sĩ thì có thể lên ngôi hoàng đế mà chế phục nước Tần, còn dùng chi sức của bọn gà gáy chó sủa kia ? Vì bọn gà gáy chó sủa ra vào cửa ông, nên kẻ sĩ không đến vậy.

CHÚ THÍCH :

Mạnh Thường Quân, họ Điền, tên Văn, người nước Tề đời Chiến Quốc, nổi tiếng hào hiệp, ưa kết nạn kẻ sĩ, trong nhà luôn luôn nuôi ba ngàn người khách. Khi vua Tần vờ ông qua, nói là để dùng mà kỳ thực là để giam, tính giết ông nữa, ông nhờ được những người khách đó cứu mà thoát nạn. Một người giả làm chó, nửa đêm sủa, gạt lính canh, lấy áo hồ cừ sắc trắng cất trong kho vua Tần, đem dâng cho

nàng Yên Cơ, quý phi của vua Chiêu Vương, để Yên Cơ tâu với vua tha cho Mạnh Thường Quân về nước. Mạnh Thường Quân được tha, biết thế nào vua Tần cũng hối hận, cho quân đuổi theo, nên đi rất gấp, nửa đêm tới cửa Hàm Cốc ở biên giới Tần. Theo lệ thời đó, cứ gà gáy sáng mới mở cửa quan cho dân chúng qua lại. Một người khách khác giả làm gà, gáy lên mấy tiếng, tức thì gà ở chung quanh đua nhau gáy, lính canh tưởng sáng, mở cửa cho Mạnh Thường Quân qua. Vừa đi lọt được một lúc thì có quân Tần đuổi theo.

Truyện đó Chiến Quốc Sách, Sử Ký (của Tư Mã Thiên) đều chép và ai cũng khen Mạnh Thường Quân được lòng kẻ sĩ.

Chữ sĩ đó, thời Chiến Quốc trở bốn hạng người : 1. học sĩ như các nhà theo đạo Nho, đạo Mặc, đạo Lão...; 2. sách sĩ tức những nhà giỏi biện luận thuyết phục bọn cầm quyền như Tô Tần, Trương Nghi...; 3. phương sĩ hoặc thuật sĩ gồm những thiên văn gia, y gia, nông gia (ngày nay ta gọi là nhà kỹ thuật) và những nhà chuyên về bói toán, nghiên cứu về âm, dương, cách tu tiên, luyện đan...; 4. bọn thực khách rất đông và rất tạp, gồm bọn “gà gáy chó sủa” như trong truyện Mạnh Thường Quân, bọn tội phạm, bọn hiệp sĩ, cả bọn thích khách nữa, họ sống bám vào một vị quyền quý, chờ lúc nào chủ nhờ cậy việc gì thì làm, nhưng được trọng như khách trong nhà (cho nên gọi là thực khách) chứ

không thuộc hàng đầy tớ hay tay sai.

Tới đời Tống, hạng thứ tư, hạng thực khách vẫn được gọi là sĩ, Vương An Thạch viết mấy hàng trên để chính danh. Ông hiểu chữ sĩ theo nghĩa quốc sĩ để trở hạng người có tài, có đức, có thể giúp nước được, không nhận hạng “gà gáy, chó sủa” làm kẻ sĩ ; và chê Mạnh Thường Quân là tầm thường. Ý kiến xác đáng : tương truyền Mạnh Thường Quân có lần qua Triệu dân Triệu nghe danh lớn của ông, muốn được biết mặt, gặp mặt rồi, bảo : “Xét ra chỉ là hạng người thường”. Mạnh Thường Quân giận, bọn thực khách của ông ta xuống xe chém mấy trăm người mà họ cho là vô lễ với chủ mình. Nhưng

chính bọn đó, khi Mạnh Thường Quân mất ngôi sang thì lại bỏ đi hết, lúc phục vị thì lại kéo nhau về. Gọi họ là kẻ sĩ thì quả là làm thẹn cho những bậc sĩ khác.

Chúng ta thấy văn của Vương An Thạch gọn và mạnh, có cái phong khí của Tư Mã Thiên, ông đáng là một kiện tướng trong phái Phục cổ.

(trong “Cổ Văn Trung Quốc”, Tao Đàn, Sài Gòn, 1967, tr-tr. 409-410.)

CHIA BUỒN

Bàng hoàng và đau đớn trước tin
nhà thơ trẻ

TÔ ĐÌNH SỰ

Đã mệnh chung trong một tai nạn bất ngờ, xin thành thật phân ưu cùng Chị Sự và ba cháu bé, và xin cầu chúc anh hồn Sự sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Hoài Tuyết Trang. Vợ chồng Lưu Vân. Phù Sa Lộc. Hồ Duy Chúng. Lâm Hảo Dũng. Trần Phù Thế. Ngô Nguyên Nghiễm và nhóm thân hữu trong THỂ ĐÚNG, KHAI PHÁ, PHÍA CHÚNG TA.

tin văn văn

Vòng đai xanh được... giải tỏa

Trong VĂN số trước, chúng tôi có loan tin tác phẩm mới nhất của Ngô Thế Vinh “Vòng đai xanh” đã bị “bao vây” tại Sở Phối hợp Nghệ thuật.

Nay vừa được tin “Vòng đai xanh” đã được cấp giấy phép xuất bản và không bị bôi xóa mất chữ nào. Tác giả cũng vừa về Sài Gòn để lo việc ấn loát.

Như vậy, không bao lâu nữa, Ngô Thế Vinh sẽ gửi tới bạn đọc thiên truyện mới nhất của anh,

gồm những nhân vật người Thượng và bối cảnh là sự tranh chấp chủ quyền tại Cao nguyên. Ước mong bạn đọc VĂN sẽ dành cho tác phẩm viết trên chiến địa, vùng núi rừng biên giới, một sự tiếp đón chân tình và nồng hậu...

Vẫn còn nhiều tác phẩm bị “bao vây”

Còn nhiều tác phẩm khác không được cái may mắn như “Vòng đai xanh”.

Mới đây, trên mặt báo, người ta đọc thấy một “thư khiếu nại” của nữ ký giả Bích Vân, lên tiếng phản đối Bộ Thông tin đã cấm phổ biến tiểu thuyết “Bụi phấn hồng” của cô.

Tiểu thuyết này khi được chuyển thành truyện phim (scénario) dường như cũng đã bị cấm luôn.

Ngày 6 tháng 11 vừa qua, nhà văn Thế Uyên cũng đã cho phổ biến một bức kháng thư, lên tiếng phản kháng Bộ Thông tin về sự “cấm xuất bản cùng việc kiểm duyệt cắt xén quá nhiều cuốn sách” của ông.

Theo kháng thư, thì Sở Phối hợp Nghệ thuật đã cấm không cho ông xuất bản cuốn “Trận Điện biên Phủ” dịch Jules Roy, liên tục trong nhiều năm nay, mặc dù một bản dịch khác đã được đăng tải gần trọn trên một nhật báo.

Vẫn theo kháng thư, Sở PHNT đã “bôi xóa theo một tiêu chuẩn khó hiểu” tập đoàn văn “Đoạn đường

chiến binh”, trong số có bài trước đây đã được chính Bộ Thông tin cấp giấy phép cho in thành sách, nay lại bị bãi bỏ. Một tập “Tiểu luận” khác cũng bị bãi bỏ tương tự.

Sau khi kêu gào ầm ĩ rằng cái việc Bộ Thông tin cấm xuất bản ba tác phẩm của ông là vi hiến, nhà văn Thế Uyên đã đưa ra một deadline : kỳ hạn từ ngày đệ nạp kháng thư, nếu một tháng sau mà Bộ vẫn “không cứu xét lại hoặc không công bố một văn thư chính thức xác nhận duy trì các lệnh cấm đã ban ra bằng khẩu lệnh thì nhà văn Thế Uyên sẽ xin phép “được coi như quý Bộ duy trì lệnh kiểm duyệt đã có đối với các sách của tôi”.

Anh em trong họ ngoài làng hỏi

nhau : nếu sau một tháng mà Bộ vẫn im lặng thì Thế Uyên sẽ làm gì. Nhiều người tin rằng tác giả “Tiền đồn” sẽ vác đơn đi kiện ông Nhà Nước, tuy biết trước rằng “con kiến mày kiện củ khoai, mày...”.

Triển lãm họa phẩm

Tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, 24 đường Gia Long, Sài Gòn, ba họa sĩ Nguyễn Trung, Nguyễn Khai và Hồ Hữu Thủ, đã cho trưng bày mỗi người bảy bức tranh sơn dầu,

Riêng Nguyễn Trung đã phá kỷ lục về số tranh bán được : trong bảy bức trưng bày, ngoài một bức dành riêng, đã bán được năm bức.

Bức cuối cùng dường như cũng đã có người hỏi mua.

Cuộc triển lãm đã bế mạc chiều 10 tháng 11 vừa qua.

Nói chuyện chính trị

Tại trụ sở Pháp-văn Đồng-minh-hội Sài-gòn, vào hồi 18 giờ 30 chiều thứ tư 4 tháng 11 vừa qua, bác sĩ Hoàng Văn Đức, sáng lập viên tập san “Cahier de l’Asie du Sud-Est”, (quen thuộc với bạn đọc VĂN qua các bút hiệu : Hoàng vũ, Hoàng vũ Đức Vân...), đã nói chuyện trước một cử tọa chọn lọc, về đề tài : Un facteur nouveau de développement des pays de l’Asie du Sud-Est : deux projets de perce-

ment de canal dans la péninsule indochinoise.

Diễn giả đã nhấn mạnh vào sự cần thiết đào hai con kinh tại bán đảo Đông dương để phát triển kinh tế cho toàn vùng Đông Nam Á. Con kinh đầu được đề nghị đào tại eo biển Malaca, lấy tên là “kinh đào Kra”, dài chừng 70 cây số. Con kinh thứ hai, được đề nghị đào dài chừng 300 cây số, nối liền sông Cửu Long và Thái Bình dương. Kinh này sẽ nối liền tỉnh Savanna-khet bên Lào với Đông Hà rồi đổ ra Cửa Việt tại Quảng Trị.

Là người, từ mấy năm nay, quan tâm nhiều tới vấn đề thành lập một liên bang cho toàn vùng Đông Nam Á. bác sĩ Hoàng Văn Đức, qua

bài nói chuyện, cũng đã đề cập tới những viễn ảnh tốt đẹp về chính trị và kinh tế tại nhiều quốc gia thuộc vùng Đông Nam Á. nếu hai dự án kinh đào ông nêu trên được thực hiện.

Uớc mong bác sĩ Hoàng Văn Đức (cùng những nhà sáng lập khác, cùng nhóm) sớm cho ra mắt tập san CASE viết bằng Việt ngữ, để bạn đọc Việt-nam tiện theo dõi những nỗ lực của nhóm trong công cuộc ích quốc lợi dân mà ông và các bạn hằng chủ trương và theo đuổi...

Nói chuyện văn chương

Vào hồi 10 giờ sáng chủ nhật 8

tháng 11 vừa qua, tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, Trung tâm Văn Bút Việt-nam đã tổ chức một buổi nói chuyện văn chương. Diễn giả là nữ thi sĩ Phương Đài. Đề tài : Thử nhìn vào sinh hoạt thơ hôm nay (sau một năm ngồi tù).

Diễn giả đã đưa ra nhiều nhận xét tinh tường và đứng đắn về thơ hôm nay. Nữ thi sĩ Tôn nữ Hỉ Khương và một nam Thi sĩ cũng đã đăng đàn ngâm những bài thơ trích dẫn trong bài nói chuyện.

Buổi nói chuyện đã thu hút được chừng hơn hai trăm người, — một cử tọa đáng kể so với những buổi nói chuyện khác cũng TTVB-VN tổ chức.

Một tuần báo mới

Một tuần báo văn nghệ, chính trị, xã hội, do nhà văn Nguyên Vũ chủ biên, với sự cộng tác của nhiều học giả, nhà văn thời danh, sẽ được cho ra mắt độc giả ngày 21 tháng 11 tới đây.

Đó là tuần báo “Mở Đường”, tòa soạn đặt tại số 53 đường Cao Thắng Sài Gòn, điện thoại : 92.401.

Chủ đề của số ra mắt sẽ là : VỀ NGUỒN.

Jean Giono không còn nữa

Jean Giono, nhân viên Hàn lâm viện Goncourt (từ 1954) đã từ trần

ngày 9 tháng 10, tại nông trại cổ xưa trong thành phố quê hương Manosque, miền Nam nước Pháp, hưởng thọ 75 tuổi.

Cha làm nghề thợ đóng giày, mẹ làm thợ giặt, Giono đã có một tuổi thơ ấu khó khăn. Ông bắt đầu viết văn khi làm việc tại nhà ngân hàng. Tác phẩm đầu tay, “Colline”, được xuất bản năm ông 34 tuổi. Sau đó là cuốn “Un de Baumugnes” và một loạt những cuốn sách trữ tình và phiếm thần khác, trong đó tác giả ngợi ca vẻ rực rỡ của trái đất. Sau đó, là một Giono khác, một Giono của thời hậu chiến, khô khan hơn và cũng chua chát hơn (“Un roi sans divertissement”, “Le moulin de Pologne”)...

Người trí thức của thời xưa

Mặc dù tốn nhiều công khó, Jean Paul Sartre đã không có được một phiên tòa theo ý muốn của ông. Hạ tuần tháng chín vừa qua, trước phiên Tòa An ninh Quốc gia, xử 5 người thân Mad với tư cách người chứng của bị cáo, Jean-Paul Sartre đã không ngừng hỏi “quý tòa” là tại sao tòa lại không buộc tội ông, chủ nhiệm tờ “La Cause du Peuple”, mà lại đi xử tội những người bán tờ báo đó ? Tòa đã chỉ dành cho Sartre một lời buộc tội khiêm tốn, một sự quở trách nhẹ nhàng, vì xét thấy văn chương của tờ báo quá thấp kém nếu đem so với văn chương của ông chủ nhiệm.

Mới đây, trong phiên tòa xử Alain Geismar, người trong biến cố tháng Năm đã đọc diễn văn kêu gọi dân chúng Pháp vũ trang tự động khởi nghĩa, Jean Paul Sartre lại không chịu ra làm chứng. Ông đã gửi thư cho tòa án cho biết ông sẽ “làm chứng” ở ngoài đường, trước công luận, chứ ông không chịu ra tòa. Và trong lúc tòa xử Alain Geismar thì J.-P. Sartre thanh thoi ra “làm chứng” trước những công nhân nhà máy xe hơi Renault ở Billancourt, ngoại ô Paris.

Trớ trêu thay, cái việc mà đã ba lần Jean-Paul Sartre ước mong làm mà không được, thì anh chàng tiểu tư sản, giảng nghiệm viên đại học, 31 tuổi, một vợ một con, xúi giục nổi loạn, lại đã làm được : mười

tám tháng tù ở, và cái dịp được công nhiên giải thích là chánh quyền đã khởi tố anh ta một vụ án chánh trị...

Trong lúc tuổi già xế bóng, Jean-Paul Sartre đã có lần tâm sự ông vẫn chỉ là một nhà trí thức của thời xưa cũ (*je reste un intellectuel de l'ancien temps*). Nghĩ thật đáng buồn thay : tuổi tác và thời đại, danh vọng và những vòng rào, những hệ lụy bao quanh danh vọng đó !...

NHÁNH RONG PHIÊU BẠC

của **VÕ HỒNG**

LÁ BỐI xuất bản

Câu chuyện một em bé lạc loài, nạn nhân của giặc giã, của những đày ải dồn dập nơi thị thành. Ai đã say mê đọc “Vô Gia Đình” của Hector Malot sẽ còn say mê hơn nữa khi đọc **NHÁNH RONG PHIÊU BẠC** của Võ Hồng, bởi vì câu chuyện mang đầy đủ tính chất xót xa thâm cảm của xã hội thời chiến hôm nay và bởi vì ngòi bút của **VÕ HỒNG** luôn luôn giữ nét dịu dàng tha thiết.

Một cuốn sách làm ấm lòng độc giả người lớn lẫn trẻ em.

phát hành tháng 11.70 :

HƯ VÔ CA

thơ **NAM CHỮ**

* là tiếng nói tang hoang gieo
vọng khôn cùng vào cõi thiên thu
bất tận

* là những trời chiều thiêu đốt
hết thấy những mặt trời ác độc
nhất

* là những gì hình thành sau
những đêm núi cấm đã vỡ và nhà
ngục thống khổ đã nhốt kín...

* kén người đọc

* tranh bìa của P. PICASSO ;
phụ bản của Phan Thảo Vy.

Đã phát hành trên toàn quốc:

ĐÊM HÈ

truyện dài mới nhất của

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

HIỆN ĐẠI xuất bản

TÌM ĐỌC :

MỘT THẾ KỶ MẤY VẦN THƠ

tác phẩm thời danh của

TRUY PHONG

CHIM VIỆT xuất bản



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

* MÂY MÙ. Nhất Giang, Chiêu Dương xuất bản. Sách dày 222 trang, giá 200 đồng.

Tác phẩm thứ ba của Nhất Giang là một tiểu thuyết tân văn.

* THƠ VĂN KHOA, khoảng 30

tác giả, Đi Tới ẩn hành. Sách in rô-nê-ô, dày 68 trang, không ghi giá bán.

Tập thơ của các bạn sinh viên văn khoa, Phổ biến hạn chế.

* SÁT ĐẤT TRUYỆN, Hồng Lĩnh Sơn, Hồng Lĩnh xuất bản. Sách dày 192 trang, giá 230 đồng.

Tiểu thuyết dã sử, đề cao tinh thần dân tộc. Bia Đinh Cường.

* SUỐI BÙN REO, Thoại Nguyên và Ngu Í, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 150 trang, giá 150 đồng.

Mười lăm câu chuyện phụ nữ nói trên một đài phát thanh ngoài quốc (1955), Bạt của bà Tùng Long.

* VÀO THIỀN, Doãn Quốc Sỹ,

Sáng Tạo xuất bản. Sách dày 60 trang, giá 140 đồng.

Tập giai thoại tùy bút. Bìa và phụ bản do Ngọc Thanh vẽ theo nét vẽ cổ Trung Hoa. Ngọc Dũng trình bày.

* TÌNH YÊU CÚI MẶT, Trương Xuân Mẫn, Tác giả xuất bản. Sách dày 88 trang, giá 120 đồng.

Thi phẩm gồm khoảng ba chục bài thơ. Liên lạc: 180, Khải Định, Đà Nẵng.

* MỘT THẾ KỶ MẤY VẦN THƠ, Truy Phong, Chim Việt xuất bản. Sách dày 96 trang, giá 140 đồng.

Thi phẩm gồm hai phần : 1) “Tấm lòng quê”, bài thơ dài gồm đối thoại của nhiều nhân vật, đề

cao tình yêu quê hương đất nước;
2) bài thơ “tiễn chân quân đội viễn chinh Pháp” trước đã được phổ biến rộng rãi.

* BÀI QUYỀN KARATÉ, Hạ Quốc Huy, Võ Đạo xuất bản. Sách dày 90 trang, giá 126 đồng.

Bài quyền căn bản bậc đai đen. Soạn giả là trưởng tràng một hệ phái Karaté tại Huế, lại còn là một họa sĩ nên đã tự minh họa những bài tập trong sách.

* NHỮNG NGÀY MƯA, Huỳnh Phan Anh, Đêm Trắng xuất bản. Sách dày 120 trang, giá 120 đồng.

Tác phẩm thứ tư của Huỳnh Phan Anh, – một tác giả quen thuộc với bạn đọc VĂN – là một tiểu

thuyết. Bìa Nguyễn Đồng.

* TƯ TƯỞNG, Số 7, tháng 11-1970. Dầy 112 trang, giá 70 đồng.

Tiếng nói của Viện Đại học Vạn Hạnh. Chủ đề thảo luận : Kinh Dịch và Nho giáo.



* Cô Trần thị Mười Mười, Sài Gòn.

1) Hộ Việt-Nhật đã tan. Nay có Hội Thân hữu Việt-Nhật, nhưng Hội không có lớp dạy Nhật ngữ. Theo chỗ chúng tôi được biết : mỗi đầu tháng, tại chùa Vĩnh Nghiêm, số 339 đường Công Lý Sài Gòn, có

mở lớp dạy Nhật ngữ. 2) Thứ tư ngày 10 tháng 9 năm Tân Mão.

* Ông Văn Tiến Thà, Kbc 3322.

1) Đó là bút hiệu chung, có từ hồi TPG (Trần Phong Giao) trông coi tờ Nguyệt san Tin sách (1960-1964). 2) Nguyễn Tự Lập. 3) Thiên lương : bản tính tốt của người (bonté naturelle). 4) Có lẽ ông viết thư 18/10 trong lúc nóng nảy, bức bối nên đã buộc tội oan chúng tôi. Lúc nào chúng tôi cũng quý mến bạn đọc, bằng chứng là chúng tôi đã kính đáp ông đầy đủ và mau chóng. Mong ông bớt giận, đỡ mệt.

* Hàn Viên Tấn, Kontum.

1) Đề nghị bạn viết hỏi Tập san Sử Địa (221, Cộng hòa, Sài Gòn) thì

thích hợp hơn. 2) Không cần thiết.
3) Nếu không hay thì cũng lạ, mới
tránh được những lỗi mòn xưa cũ

* Thao Dương, Huế.

Gói báo gửi (bảo đảm) về theo
đúng tên và địa chỉ bạn dặn trong
thư 19/9 đã bị phát hoàn vì “không
ai biết tên”. Mong bạn gửi 20% tem
thư và cho địa chỉ khác để chúng
tôi cho gửi lại.

* Trần Văn Sách, Sa Đéc.

Quả là một điều sơ sót lớn.
Chúng tôi sẽ sửa đổi ngay. Chân
thành cảm ơn bạn.

* Ông Nguyễn Hữu Nhuận Mỹ
Tho.

Muốn tái bản sách tiền chiến,

cần có những giấy phép đặc biệt, chứ không phải bất cứ ai cũng có thể làm được. Mong ông cảm phiền.

* Ngọc Châu, Kbc 4739.

Nếu là năm Đinh Hợi gần đây nhất thì ngày 23 tháng Chạp nhằm ngày thứ hai 2 tháng 1 năm 1948.

NHẮN TIN RIÊNG :

* Trần Hoài Thư, Nha Trang.

Sẽ đăng “Những cánh chim tuyệt vời” và “Ga đêm quanh quẽ”. Việc cậu nhờ nhắn bên Vd. tôi đã nói, chắc sẽ có kết quả ngày gần đây. Chúc nhiều may mắn. Tình thân.

* Nguyễn Ngọc Thuận, Kbc
4239.

Sẽ đăng “Bóng tối vây quanh”.
Cứ gửi tiếp. Còn một số bản thảo
cũ, đã lâu, có muốn lấy lại không ?
Tình thân.

* Phạm Cao Hoàng (?)

Xin cho biết địa chỉ, tòa soạn có
việc cần liên lạc.

* Võ Chân Cửu, Sài Gòn.

Sẽ đăng “Mười bảy” và “Cô
quạnh”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Nguyễn Lương Vy, Sài Gòn.

Sẽ đăng “Gởi em gái nhỏ”. Cứ
gửi tiếp. Tình thân.

* Trần Dzạ Lữ, Đà Nẵng.

Sẽ đăng “ Cuộc về”. Tình thân.

* Bài sẽ đăng trong tuyển tập
“Tiếng hát lên trời” :

Chu Trầm Nguyên Minh : Đêm
Thánh Vọng ; Khê Kinh Kha : Mùa
Thiên Liêng ; Hoài Tuyết Trang :
Mặc Khải; Hoàng Xuân Sơn : Năm
Đất.

* Anh em bằng hữu, khắp nơi :

Thư ký tòa soạn VĂN có chút
việc phải dời Sài Gòn, tạm vắng
mặt từ thượng tuần tháng 11 tới
hạ tuần tháng 12/1970. Việc điều
hành tòa soạn sẽ có người thay thế
nhưng những thư từ riêng gửi cho

TPG trong khoảng thời gian đó, xin đừng trông đợi hồi âm. Mong được lượng thứ.

* NHẮN TIN CHUNG :

Quý bạn: Phạm Thanh Chương, Trần Kiều Bạt, Dương Thanh Tùng, Đinh Quang Ngọc, Từ Hoài Tấn, Đặng Hòa, Lâm Hảo Dũng, Hà Nghiêu Bích, Hoàng Ngọc Châu, Thượng Thuật, M-V-L, H-M-D, M-M.

Mong quý bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.



BÀI LAI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

VĂN

Quý bạn : Dạ Triều Nguyễn Hữu Ngọc. Vĩnh Tường. Lê Hồng Vân. Thụy Miên (2) Nguyễn Quang Bình. Cao Vinh. Loan Mắt Nhung. Hồ Ngọc Ngữ. Poodle (2). P-T-HH.

* THƠ

Quý bạn : An Khang. Nại Sơn.
Lữ thị Cô Đơn. Phan Lệ Trần Duyên.
Lê Vĩnh Ngọc. Trần Ái Loan. Lê
Quang. Võ Đông Sanh. (2). N-T-T.
Nguyễn Hạnh Phương. Tình Hoài.
Thụy Miên (2). Fan Thoại. Vũ
Thanh. Nguyễn Ngọc N-T. Hàn
Sĩ Minh . Hàn Viên Tấn (3). Hoài
mộng Diễm Thư. Hiếu Ngọc Tuyên.
Hoàng Xuân Vũ (2). Võ Trọng Cư.
Vạn lý Trường thành. Ngã Trầm
Thiên. Anh Huy. Nguyễn Khê. Hà
Giang Tử. Nguyễn Thanh Phượng.
M Giáng Bình. Phan Thụy Du. T-T-
A-P. Hồ Hồng Quân (2). Đặng Tú
Liên. Nguyễn Nhật Thành. Đinh
Viết Thiên Dung. Trần Cỏ Sương
(4). Trần Văn Sách. Đào Hoàng.
Nguyễn Duy Tài. Mạc Cường Nhân.
Hà Thanh Huyền. Nguyễn Thiện
Nam (2). Nguyễn Dai. Thoại Vi.

Ngọc Thùy Khanh. Đoàn Cát Năng.
Phan Như Nghĩa. Đặng Thành Thi.
Trịnh Phú Vang. Hoài Công. Trần
Văn Tân. Trường Xuyên. Tử Ka. Vũ
Hữu Định.

Nại Sơn. Yên Tần. Ngã Dạ Triều.
Thương Mynh Nguyên Hương.
Giang Mộng Thanh. Lê Ái Hạnh.
Hoài Du. Trung Hải Như Anh. Võ
Đương Sơn. Trương Xuân Mẫn.
Nguyễn Tấn Thành. Thế Lộc. Phạm
Hữu Phương. Song Nguyên Thủy.
Thụy Nguyên. Phạm Tường Bích.
Dương Triều Hiên. Nguyên Huyền
Hải Sa. Phạm Lập Cung. Vương
Phù Du. Nguyễn Đức Nhân. Hoàng
Tùng Giang. Nguyễn Trần Lê Vũ. Ngô
Nghê. Nguyễn Đình Phước. Đặng
Tú Liên. Tô Minh Hồ. Hà Thi Châu.
Võ Thế Duệ.

Ban Tuyển-đọc Tác phẩm của VĂN đã đọc những bài lại cáo của quý bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

VĂN số 167

Tuyển tập Thơ Văn

**quy tụ nhiều
tác giả thời danh**

NHA TU THƯ VÀ SƯU KHẢO

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

ĐÃ PHÁT HÀNH:

TỪ ĐIỂN PHÁP VIỆT

PHÁP CHÍNH KINH TÀI
XÃ HỘI

của Giáo sư VŨ VĂN MẪU

Giá nhất định : 1.300\$00

Các tỉnh xa thêm : 200\$00 cước
phí

Thư từ ngân phiếu xin đề :

Đ.Đ. Chân Pháp (Nguyễn Hữu
Hiệu)

222, Trương Minh Giảng – Sài Gòn

Nơi phát hành duy nhất : VẠN
HẠNH THƯ QUÁN

SÁCH MỚI LÁ BỐI :

HUYỀN GIÁC CHỨNG ĐẠO CA

Một khúc ca quen thuộc của văn hóa đông phương từ bao thế kỷ. Quen thuộc vì đó là thơ và đạo.

Bằng thơ, con người vượt lên cơ tâm của tình cảm.

Bằng đạo, con người vượt lên cơ trí của triết học.

Cơ tâm, cơ trí : đó là thân phận người. Cần vượt qua.

Vượt qua để làm gì ? Để đến đâu ? Để trở thành gì ?

Những khắc khoải ngàn đời của kiếp sống. Xin đón đọc :

TRÚC THIÊN giới thiệu CHỨNG ĐẠO CA

LÁ BỐI ấn hành, Việt Hán Anh
Ngữ, trung tuần tháng 11.70.

